

| TT | Tên cảng, bến                        | Chủ cảng, bến hoặc Chủ quản lý, khai thác cảng bến   | Vị trí cảng bến                 |      |                        |                    |                    |            |
|----|--------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|------|------------------------|--------------------|--------------------|------------|
|    |                                      |                                                      | KM                              | Bờ   | Sông, kênh             | Xã                 | Huyện              | Tỉnh       |
| 1  | <b>FICO</b>                          | Công ty cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tân Uyên FICO    | 73+047 đến 73+082               | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 2  | <b>PHAN THANH 2</b>                  | Công ty TNHH Phan Thanh                              | 72+300 đến 72+350               | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 3  | <b>BẢO THY 1</b>                     | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Bảo | 69+490 đến 69+560               | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 4  | <b>BẢO THY 2</b>                     | Công ty TNHH TMDV Bảo Thy                            | 73+112 đến 73+160               | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 5  | <b>CẢNG THẠNH PHƯỚC</b>              | Cty cổ phần cảng Thạnh Phước                         | 51+176 đến 51+300 và 50+777 đến | Phải | Đồng Nai               | Phường Thạnh Phước | TP. Tân Uyên       | Bình Dương |
| 6  | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TUỆ MINH</b> | Công ty Cổ phần Thép VAS Tuệ Minh                    | 57+901 đến 58+090               | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 7  | <b>ĐỒNG TÂM</b>                      | DNTN Gạch ngói Đồng Tâm số 17                        | 03+510 đến 03+596               | Phải | Nhánh cù lao Bạch Đằng | P.Khánh Bình       | TP. Tân Uyên       | Bình Dương |
| 8  | <b>HẠNH ĐUỐC</b>                     | Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Vận tải H&D       | 26+251 đến 26+322               | Phải | Đồng Nai               | Phường Uyên Hưng   | TP. Tân Uyên       | Bình Dương |
| 9  | <b>HÓA AN TÂN UYÊN</b>               | Công ty TNHH Hóa An Tân Uyên                         | 69+580 đến 69+670               | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |

|    |                                |                                                                       |                         |      |                        |                    |                    |            |
|----|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------|------|------------------------|--------------------|--------------------|------------|
| 10 | <b>HOA TÂN AN</b>              | Công ty cổ phần đá Hoa Tân An                                         | 71+400 đến 71+550       | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 11 | <b>HỒNG ĐẠT</b>                | Cty TNHH SX-TM-DV Hồng Đạt                                            | 73+160 đến 73+190       | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 12 | <b>HỒNG ĐỨC</b>                | Công ty TNHH SX và tiếp vận Hồng Đức                                  | 64+783 đến 64+952       | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 13 | <b>KHO XĂNG DẦU KHÁNH BÌNH</b> | Công ty TNHH ĐT PT DV Phúc Thịnh                                      | 03+195 đến 03+285       | Phải | Đồng Nai               | Phường Khánh Bình  | TP. Tân Uyên       | Bình Dương |
| 14 | <b>LIÊN HIỆP II</b>            | Công ty TNHH SXTM DV Liên Hiệp                                        | 72+450 đến 72+500       | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 15 | <b>LONG SƠN</b>                | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ Long Sơn | 73+000 đến 73+047       | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 16 | <b>LỢI LỘC</b>                 | Vương Ngọc Tuyết                                                      | Km 69+791 đến km 69+871 | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 17 | <b>MIỀN ĐÔNG</b>               | CN Công ty cổ phần Miền Đông-Xí nghiệp sản xuất đá miền Đông          | 65+115 đến 65+197       | Phải | Đồng Nai               | Xã Tân Mỹ          | TP. Tân Uyên       | Bình Dương |
| 18 | <b>NGỌC THÀNH 1</b>            | Công ty TNHH Đầu tư sản xuất TM Ngọc Thành                            | 01+160 đến 01+310,3     | Phải | Nhánh cù lao Bạch Đằng | Phường Khánh Bình  | TP. Tân Uyên       | Bình Dương |
| 19 | <b>NGUYỄN HÙNG</b>             | Công ty TNHH VLXD Nguyễn Hưng                                         | 00+440 đến 00+476       | Phải | Nhánh cù lao Bạch Đằng | Phường Thạnh Phước | TP. Tân Uyên       | Bình Dương |

|    |                              |                                                          |                            |      |                        |                    |                    |            |
|----|------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------|------------------------|--------------------|--------------------|------------|
| 20 | <b>PHAN THANH</b>            | Công ty TNHH PHAN THANH                                  | 73+210<br>đến<br>73+370    | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 21 | <b>TÂN MỸ</b>                | Công ty CP KS & XD Bình Dương                            | 65+197<br>đến<br>65+320    | Phải | Đồng Nai               | Xã Tân Mỹ          | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 22 | <b>TÂN TÂN MỸ</b>            | Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ Tân Tân Mỹ | 65+320<br>đến<br>65+425.5  | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 23 | <b>TÂN TRƯỜNG THÀNH</b>      | Công ty Cổ phần Bến Cảng Trường Thành                    | 73+082<br>đến<br>73+112    | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 24 | <b>TUẤN AN PHÚ</b>           | Công ty CP Tuấn An Phú                                   | 03+478<br>đến<br>03+635    | Phải | Nhánh cù lao Bạch Đằng | P.Khánh Bình       | TP. Tân Uyên       | Bình Dương |
| 25 | <b>THANH LỄ - THƯỜNG TÂN</b> | Tổng Cty TM XNH Thành Lễ - CTCP                          | Km 70+154<br>Đến<br>70+275 | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 26 | <b>THÀNH PHONG</b>           | CÔNG TY TNHH VẬN TẢI Thành Phong                         | 60+500<br>đến<br>60+570    | Phải | Đồng Nai               | Phường Uyên Hưng   | TP. Tân Uyên       | Bình Dương |
| 27 | <b>THANH TUẤN</b>            | Nguyễn Thanh Tuấn                                        | 04+280<br>đến<br>04+440    | Phải | Nhánh cù lao Bạch Đằng | P.Khánh Bình       | TP. Tân Uyên       | Bình Dương |
| 28 | <b>THỦ ĐỨC 1</b>             | Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức 1                 | 00+575<br>đến<br>00+625    | Phải | Nhánh cù lao Bạch Đằng | Phường Thạnh Phước | TP. Tân Uyên       | Bình Dương |
| 29 | <b>THƯỜNG TÂN III</b>        | Công ty CP Xây dựng Bình Dương                           | 69+584<br>đến<br>69+760    | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |
| 30 | <b>XI MĂNG BÌNH DƯƠNG</b>    | Cty TNHH MTV Xi măng Fico Bình Dương                     | 74+280<br>đến<br>74+446    | Phải | Đồng Nai               | Xã Thường Tân      | Huyện Bắc Tân Uyên | Bình Dương |

|    |                            |                                             |                                             |      |          |                   |             |          |
|----|----------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|------|----------|-------------------|-------------|----------|
| 31 | <b>BẾN BẢO NGÂN KIM</b>    | Công ty Cổ Phần Bảo Ngân Kim                | 60+512 đến 60+562                           | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân         | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |
| 32 | <b>CẢNG TNHH AJINOMOTO</b> | Công ty Ajinomoto Việt Nam                  |                                             | Trái | Đồng Nai | Khu CN Biên hòa 1 | TP.Biên Hòa | Đồng Nai |
| 33 | <b>BẾN BÌNH THẠCH</b>      | Công ty TNHH Minh Thiện Tâm                 | 67+000 đến 67+120 (km cũ 66+950 đến 67+120) | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân         | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |
| 34 | <b>BẾN CÁT TRỊ AN</b>      | Công ty CP Đầu tư Cường Thuận IDICO         | 71+845 đến 71+895                           | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân         | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |
| 35 | <b>BẾN CHÂU PHA</b>        | Công ty TNHH TM-DV-XD-VT Châu Pha           | 68+160 đến 68+235                           | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân         | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |
| 36 | <b>BẾN ĐÔNG HƯƠNG 2</b>    | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hiếu Thảo Thuận | 67+551 đến 67+715                           | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân         | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |

|    |                               |                                                        |                             |      |          |           |             |          |
|----|-------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|------|----------|-----------|-------------|----------|
| 37 | <b>BẾN ĐỨC PHÁT</b>           | Cty TNHH MTV Hà Liên Phát                              | 41+540<br>đến<br>41+582     | Phải | Đồng Nai | Hóa An    | TP.Biên Hòa | Đồng Nai |
| 38 | <b>BỂ+B40:B52 3N PHÁT</b>     | Cty TNHH MTV Ngô Huy                                   | 39+877<br>đến<br>39+915.5   | Trái | Đồng Nai | Hóa An    | TP.Biên Hòa | Đồng Nai |
| 39 | <b>BẾN HÓA AN - THẠNH PHÚ</b> | Công ty Cổ phần Hóa An                                 | 68+755<br>đến<br>68+838     | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cữu    | Đồng Nai |
| 40 | <b>BẾN HỒNG TUYÊN</b>         | Công ty TNHH Hồng Tuyên                                | 71+590<br>đến<br>71+654     | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cữu    | Đồng Nai |
| 41 | <b>BẾN HÙNG VƯƠNG</b>         | CTY TNHH XDCT Hùng Vương                               | 70+325<br>đến<br>70+375     | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cữu    | Đồng Nai |
| 42 | <b>BẾN MAI NGỌC</b>           | Cty TNHH Mai Anh Đức / Ông Mai Ngọc Lam                | 42+890<br>đến<br>42+932     | Phải | Đồng Nai | Tân Hạnh  | TP.Biên Hòa | Đồng Nai |
| 43 | <b>BẾN MINH SÁU MUỐN</b>      | DNTN Minh Sáu Muốn                                     | 67+223<br>đến 67<br>+265.93 | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cữu    | Đồng Nai |
| 44 | <b>BẾN MỸ KHÁNH VY</b>        | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mỹ Khánh Vy                | 67+495<br>đến<br>67+551     | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cữu    | Đồng Nai |
| 45 | <b>BẾN NGỌC LIÊM</b>          | Cty TNHH VL XD Ngọc Liêm                               | 42+932<br>đến<br>42+989     | Phải | Đồng Nai | Tân Hạnh  | TP.Biên Hòa | Đồng Nai |
| 46 | <b>BẾN NGÔ MAI I</b>          | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thiện Khiêm | 67+285<br>đến<br>67+390     | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cữu    | Đồng Nai |
| 47 | <b>BẾN PHƯƠNG MƯỜI RE</b>     | DNTN Phương Mười Re                                    | 68+290<br>đến<br>68+365     | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cữu    | Đồng Nai |
| 48 | <b>BẾN SÁU MUỐN</b>           | Công ty TNHH MTV Sáu Muốn                              | 71+135<br>đến<br>71+187     | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cữu    | Đồng Nai |

|    |                              |                                                 |                         |      |          |           |             |          |
|----|------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------|------|----------|-----------|-------------|----------|
| 49 | <b>BẾN SONG HÀO</b>          | Cty TNHH MTV SX-TM-DV Song Hào                  | 43+000<br>đến<br>43+060 | Phải | Đồng Nai | Tân Hạnh  | TP.Biên Hòa | Đồng Nai |
| 50 | <b>BẾN TIẾN CHI</b>          | Công ty TNHH Tiến Tài Chi                       | 41+485<br>đến<br>41+540 | Phải | Đồng Nai | Hóa An    | TP.Biên Hòa | Đồng Nai |
| 51 | <b>BẾN TÍNH TRÍ</b>          | Công ty TNHH MTV Tính Trí                       | 73+226<br>đến<br>73+300 | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |
| 52 | <b>BẾN TND XUÂN ĐÀO 2</b>    | Công ty TNHH MTV Xuân Đào                       | 71+357<br>đến<br>71+427 | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |
| 53 | <b>BẾN THẠNH PHÚ - VLXD</b>  | Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên | 68+060<br>đến<br>68+160 | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |
| 54 | <b>BẾN THIÊN TÂM GROUP</b>   | Công ty TNHH Thiên tâm Groupí                   | 14+012<br>đến<br>14+032 | Trái | Đồng Nai | Bình Hòa  | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |
|    | <b>MINH TÁNH</b>             | Lê Minh Tánh                                    | 70+545<br>đến<br>70+607 | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |
| 55 | <b>BẾN THIỆN TÂN</b>         | Công ty TNHH MTV- XD, SX VLXD Biên              | 69+940<br>đến<br>70+040 | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |
| 56 | <b>BẾN VĨNH HẢI I</b>        | Công ty TNHH Vĩnh Hải DIC                       | 70+040<br>đến<br>70+315 | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |
| 57 | <b>BẾN VLXD BÍCH LIÊN</b>    | DNTN Bích Liên                                  | 71+456<br>đến<br>71+545 | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |
| 58 | <b>BẾN VLXD TRÚC LINH II</b> | DNTN Phú Quý Thuận                              | 67+214<br>đến<br>67+285 | Trái | Đồng Nai | Thiện Tân | Vĩnh Cửu    | Đồng Nai |

|    |                                                                     |                                                     |                                |      |             |                 |               |          |
|----|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------|------|-------------|-----------------|---------------|----------|
| 59 | <b>BẾN XUÂN ĐÀO</b>                                                 | Chi nhánh công ty TNHH MTV Xuân Đào                 | 71+693 đến 71+821 đến 71 + 821 | Trái | Đồng Nai    | Thiện Tân       | Vĩnh Cũu      | Đồng Nai |
| 60 | <b>CẢNG TND HÙNG TÀI</b>                                            | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Hùng | 70+970 đến 71+064              | Trái | Đồng Nai    | Thiện Tân       | Vĩnh Cũu      | Đồng Nai |
| 61 | <b>BẾN CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ VẬN TẢI HẢI LONG</b> | Công ty CP Năng Lượng và Vận Tải Hải Long           | 02+545 đến 02+600              | Trái | Cần Giuộc   | Tân Tập         | Cần Giuộc     | Long An  |
| 62 | <b>BẾN MINH MINH TÂM</b>                                            | DNTN MINH MINH TÂM                                  | 04+013 đến 04+080              | Phải | Cần Giuộc   | Long Hựu Đông   | Cần Đước      | Long An  |
| 63 | <b>BẾN VĂN DŨNG</b>                                                 | DNTN Giã Văn Dũng                                   | 05+850 đến 05+900              | Trái | Cần Giuộc   | Tân Lập         | Cần Giuộc     | Long An  |
| 64 | <b>BẾN THARGI LONG AN</b>                                           | Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Long An              | 18+992 đến 19+112              | Phải | Vàm Cỏ Đông | Xã Nhứt Chánh   | Huyện Bến Lức | Long An  |
| 65 | <b>GOLD COIN FEEDMILL LONG AN</b>                                   | Cty TNHH Gold Coin Feedmill Đồng Nai- CN Long An    | 19+331 đến 19+497              | Phải | Vàm Cỏ Đông | xã Nhứt Chánh   | huyện Bến Lức | Long An  |
| 66 | <b>BẾN CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 7</b>                                   | Công ty cổ phần BK Enegry                           | 64+173 đến 64+223              | Phải | Vàm Cỏ Đông | Xã Bình Hòa Nam | Huyện Đức Huệ | Long An  |
| 64 | <b>BẾN KHO XĂNG DẦU HẢI DƯƠNG LONG AN</b>                           | Công ty CP TM Hải Dương Long An                     | 06+300 đến 06+351              | Trái | Cần Giuộc   | Tân Lập         | Cần Giuộc     | Long An  |

|    |                                         |                                  |                         |      |                 |               |           |         |
|----|-----------------------------------------|----------------------------------|-------------------------|------|-----------------|---------------|-----------|---------|
| 65 | <b>BẾN HOÀI LINH</b>                    | DNTN HOÀI LINH                   | 06+035<br>đến<br>06+085 | Trái | Cần Giuộc       | Tân Tập       | Cần Giuộc | Long An |
| 66 | <b>BẾN NHẬT ĐẠI ĐỒNG</b>                | Cty TNHH Nhật Đại Đồng           | 08+508<br>đến<br>08+593 | Trái | Cần Giuộc       | Đông Thạnh    | Cần Giuộc | Long An |
| 67 | <b>BẾN PHƯỚC BÌNH</b>                   | DNTN PHƯỚC BÌNH                  | 09+170<br>đến<br>09+233 | Phải | Cần Giuộc       | Long Hựu Đông | Cần Đước  | Long An |
| 68 | <b>BẾN HỒNG HẠNH</b>                    | Trần Văn Minh                    | 09+600<br>đến<br>09+660 | Phải | Cần Giuộc       | Long Hựu Đông | Cần Đước  | Long An |
| 69 | <b>CẢNG TND VIỆT HÓA NÔNG</b>           | Công ty TNHH Việt Hóa Nông       | 11+700<br>đến<br>11+810 | Phải | Cần Giuộc       | Phước Đông    | Cần Đước  | Long An |
| 70 | <b>BẾN TRƯƠNG HOÀNG VŨ</b>              | Trương Hoàng Vũ                  | 13+870<br>đến<br>13+935 | Phải | Cần Giuộc       | Tân Lâm       | Cần Đước  | Long An |
| 71 | <b>BẾN BẢY MỪNG</b>                     | DNTN Bảy Mừng                    | 14+433<br>đến<br>14+526 | Trái | Cần Giuộc       | Long Phụng    | Cần Giuộc | Long An |
| 72 | <b>BẾN VĂN HOÀNG</b>                    | Ong Lê Văn Hoàng                 | 15+850<br>đến<br>15+950 | Trái | Cần Giuộc       | Long Phụng    | Cần Giuộc | Long An |
| 73 | <b>BẾN BÀ ẤU</b>                        | bà Phan Thị Ấu                   | 16+100<br>đến<br>16+200 | Phải | Cần Giuộc       | Tân Lâm       | Cần Đước  | Long An |
| 74 | <b>BẾN TẤN TRUNG</b>                    | DNTN Tấn Trung                   | 16+900<br>đến<br>16+980 | Phải | Cần Giuộc       | Long An       | Cần Giuộc | Long An |
| 75 | <b>BẾN CƠ SỞ ĐÓNG, SƠN SÀ LAN THANH</b> | Lê Thị Thanh Tâm                 | 17+003<br>đến<br>17+080 | Trái | Cần Giuộc       | Long Phụng    | Cần Giuộc | Long An |
| 76 | <b>BẾN VLXD MỸ DUYÊN</b>                | Lê Thị Mỹ Duyên                  | 17+150<br>đến<br>17+203 | Phải | Cần Giuộc       | Long An       | Cần Giuộc | Long An |
| 77 | <b>BẾN PHÚ VINH LONG AN</b>             | CN Cty TNHH MTV Phú Vinh Long An | 17+946<br>đến<br>17+980 | Trái | Chợ Đệm Bến Lức | Thanh Phú     | Bến Lức   | Long An |

|    |                                |                                                      |                         |      |                 |               |           |         |
|----|--------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------|------|-----------------|---------------|-----------|---------|
| 78 | <b>BẾN PHẠM VĂN ÚT</b>         | ông Phạm Văn Út                                      | 22+540<br>đến<br>22+600 | Phải | Cần Giuộc       | Trường Bình   | Cần Giuộc | Long An |
| 79 | <b>BẾN CHÍN NGỌT</b>           | Doanh nghiệp tư nhân 9 Ngọt                          | 26+355<br>đến<br>26+370 | Phải | Cần Giuộc       | TT. Cần Giuộc | Cần Giuộc | Long An |
| 80 | <b>BẾN QUANG VINH</b>          | Hộ Kinh doanh Nguyễn Quang Vinh                      | 26+777<br>đến<br>26+857 | Phải | Cần Giuộc       | Tân Kim       | Cần Giuộc | Long An |
| 81 | <b>BẾN NGỌC CHIẾN</b>          | Cty TNHH XD TM Ngọc Chiến                            | 27+139<br>đến<br>27+254 | Phải | Cần Giuộc       | TT Cần Giuộc  | Cần Giuộc | Long An |
| 82 | <b>BẾN HỒNG VŨ</b>             | Cty TNHH XD TM Lê Vũ                                 | 27+293<br>đến<br>27+439 | Phải | Cần Giuộc       | TT Cần Giuộc  | Cần Giuộc | Long An |
| 83 | <b>BẾN TÂN KIM OSSIF</b>       | Công ty TNHH Nhà Xưởng Dịch vụ Tân Kim - OSIF        | 29+350<br>đến<br>29+450 | Phải | Cần Giuộc       | Tân Kim       | Cần Giuộc | Long An |
| 84 | <b>BẾN VẠN LỢI L.A</b>         | CTY TNHH TM DV XD VẠN LỢI L.A                        | 17+201<br>đến<br>17+249 | Trái | Chợ Đệm Bến Lức | Thanh Phú     | Bến Lức   | Long An |
| 85 | <b>BẾN TÂN ĐỒNG TIẾN</b>       | Công ty Cp Tân Đồng Tiến                             | 0+256<br>đến 0+326      | Trái | Kênh Thủ Thừa   | Thanh Đức     | Bến Lức   | Long An |
| 86 | <b>BẾN HẢI LONG CDM</b>        | Cty TNHH TM Vĩnh Khánh                               | 21+597<br>đến<br>21+633 | Trái | Vàm Cỏ          | Tân Chánh     | Cần Đước  | Long An |
| 87 | <b>BẾN BẢY SEN</b>             | Doanh nghiệp tư nhân BẢY SEN                         | 21+500<br>đến<br>21+545 | Trái | Vàm Cỏ          | Tân Chánh     | Cần Đước  | Long An |
| 88 | <b>BẾN XÃNG DẦU NGHĨA SANG</b> | Doanh nghiệp tư nhân Nghĩa - Sang                    | 21+945<br>đến<br>22+000 | Trái | Vàm Cỏ          | Tân Chánh     | Cần Đước  | Long An |
| 89 | <b>BẾN HIỆP THÀNH VÂN</b>      | Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hiệp Thành Vân | 22+900<br>đến<br>22+960 | Trái | Vàm Cỏ          | Tân Chánh     | Cần Đước  | Long An |
| 90 | <b>BẾN ĐẠI PHÚC</b>            | Cty TNHH Bá Thành Lợi                                | 23+912<br>đến<br>24+007 | Trái | Vàm Cỏ          | Tân Chánh     | Cần Đước  | Long An |

|    |                                 |                                 |                         |      |             |           |             |         |
|----|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------|-------------|-----------|-------------|---------|
| 91 | <b>BẾN TRẦN RON</b>             | Doanh nghiệp tư nhân Hai Ron    | 23+507<br>đến<br>23+565 | Trái | Vàm Cỏ      | Tân Chánh | Cần Đước    | Long An |
| 92 | <b>BẾN TẤN PHÁT</b>             | Doanh nghiệp tư nhân Tấn Phát   | 23+955<br>đến<br>24+000 | Trái | Vàm Cỏ      | Tân Chánh | Cần Đước    | Long An |
| 93 | <b>BẾN VIỆT KHÁNH</b>           | Doanh nghiệp tư nhân Việt Khánh | 25+988<br>đến<br>26+016 | Trái | Vàm Cỏ      | Tân Chánh | Cần Đước    | Long An |
| 94 | <b>BẾN TƯ LẠI II</b>            | Công ty TNHH MTV Tư Lại II      | 29+700<br>đến<br>30+025 | Trái | Vàm Cỏ      | Tân Ân    | Cần Đước    | Long An |
| 95 | <b>BẾN AN PHÁT</b>              | CTY TNHH MTV KHAI THÁC AN PHÁT  | 31+034<br>đến<br>31+180 | Trái | Vàm Cỏ      | Tân Ân    | Cần Đước    | Long An |
| 96 | <b>BẾN NGỌC HẰNG</b>            | Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Hằg   | 30+300<br>đến<br>30+366 | Trái | Vàm Cỏ      | Tân Ân    | Cần Đước    | Long An |
| 97 | <b>BẾN NGỌC HẰNG II</b>         | DNTN NGỌC HẰNG                  | 31+200<br>đến<br>31+287 | Trái | Vàm Cỏ      | Tân Chánh | Cần Đước    | Long An |
| 70 | <b>BẾN HỢP TÁC XÃ RẠCH GẦM</b>  | HTX Rạch Gầm                    | 19+200<br>đến<br>19+290 | Phải | Vàm Cỏ      | Bình Đông | TX. Gò Công | Long An |
| 71 | <b>BẾN TÂM THANH</b>            | Ong Lê Văn Hòa                  | 28+655<br>đến<br>28+700 | Phải | Vàm Cỏ      | Thuận Mỹ  | Châu Thành  | Long An |
| 72 | <b>BẾN VLXD NGỌC TRÂM</b>       | Hộ kinh doanh Phạm Thị Tặg      | 01+600<br>đến<br>01+658 | Trái | Vàm Cỏ Đông | Phước Tuy | Cần Đước    | Long An |
| 73 | <b>BẾN VLXD KIM LOAN</b>        | Ông Huỳnh Ngọc Hồng             | 05+650<br>đến<br>05+750 | Trái | Vàm Cỏ Đông | Tân Trạch | Cần Đước    | Long An |
| 74 | <b>CẢNG TND THIÊN LỘC THÀNH</b> | Cty TNHH SX TM Thiên Lộc Thành  | 9+414<br>đến 9+600      | Trái | Vàm Cỏ Đông | Long Sơn  | Cần Đước    | Long An |

|    |                                            |                                                                        |                         |      |                   |              |             |            |
|----|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------|-------------------|--------------|-------------|------------|
| 75 | <b>BẾN HIỆP<br/>HÒA PHÁT</b>               | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN HIỆP<br>HÒA PHÁT                                    | 10+903<br>đến<br>11+023 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Sơn  | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 76 | <b>BẾN PHẠM<br/>GIA HƯNG</b>               | Công ty TNHH<br>Phạm Gia Hưng                                          | 11+640<br>đến<br>11+740 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Sơn  | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 77 | <b>BẾN<br/>THUẬN<br/>MINH</b>              | Cty Cổ phần<br>xuất nhập khẩu<br>Thuận Minh                            | 12+400<br>đến<br>12+480 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Cang | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 78 | <b>BẾN<br/>HIGHLAND<br/>DRAGON</b>         | Chi nhánh<br>Công ty TNHH<br>HighLand<br>Dragon - Chi<br>nhánh Long An | 12+722<br>đến<br>12+782 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Cang | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 79 | <b>BẾN KIẾN<br/>THÀNH</b>                  | Công ty TNHH<br>XD DV TM<br>Kiến Thành                                 | 12+782<br>đến<br>12+814 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Cang | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 80 | <b>CẢNG TND<br/>AN LONG</b>                | Công ty CP<br>thực phẩm An<br>Long                                     | 12+850                  | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Cang | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 81 | <b>BẾN SINO-<br/>PACIFIC</b>               | Chi nhánh công<br>ty TNHH Tư<br>vấn Xây dựng<br>Sino-Pacific           | 13+270<br>đến<br>13+320 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Cang | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 82 | <b>BẾN ANT<br/>(LA)</b>                    | Công ty Trách<br>nhiệm hữu hạn<br>ANT (LA)                             | 13+446<br>đến<br>13+636 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Cang | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 83 | <b>BẾN HẠ<br/>LONG</b>                     | Chi nhánh công<br>ty TNHH Vật<br>liệu xây dựng<br>Hạ Long              | 13+650<br>đến<br>13+750 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Cang | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 84 | <b>CẢNG TND<br/>TÂN<br/>THÀNH<br/>LONG</b> | Công ty Trách<br>nhiệm hữu hạn<br>Tân Thành Long                       | 14+685<br>đến<br>14+773 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Cang | Cần<br>Đước | Long<br>An |

|    |                                                                                         |                                                              |                                                       |      |                   |              |             |            |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------|-------------------|--------------|-------------|------------|
| 85 | <b>CẢNG<br/>TND NAM<br/>VIỆT<br/>THUẬN</b>                                              | Công ty Trách<br>nhiệm hữu hạn<br>Vận tải Nam<br>Việt Thuận  | 14+750<br>đến<br>14+846                               | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Cang | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 86 | <b>BẾN<br/>ANOVA</b>                                                                    | Công ty CP<br>Cụm công<br>nghiệp ANOVA                       | 15+040<br>đến<br>15+140                               | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Cang | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 87 | <b>CẢNG TND<br/>PHÂN BÓN<br/>BÌNH DIỄN</b>                                              | Công ty CP<br>phân bón Bình<br>Diễn                          | 17+020<br>đến<br>17+200                               | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Định | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 88 | <b>CẢNG TND<br/>CỔ PHẦN<br/>XI MĂNG<br/>HÀ TIÊN 1 -<br/>TRẠM<br/>NGHIỀN<br/>LONG AN</b> | Công ty cổ<br>phần Xi Măng<br>Hà Tiên 1                      | 17+300<br>đến<br>17+464 (<br>17+380<br>đến<br>17+490) | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Định | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 89 | <b>BẾN VINA -<br/>PSMC</b>                                                              | Công ty TNHH<br>bê tông đúc sẵn<br>VINA-PSMC                 | 17+580<br>đến<br>17+639                               | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Định | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 90 | <b>BẾN PHÂN<br/>BÓN NĂM<br/>SAO</b>                                                     | Chi nhánh Nhà<br>máy phân bón<br>Năm Sao                     | 17+663<br>đến<br>17+881                               | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Định | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 91 | <b>BẾN<br/>PVFCCo</b>                                                                   | Tổng Công ty<br>Phân bón Hóa<br>chất Dầu khí -<br>Công ty Cổ | 18+070<br>đến<br>18+124,5                             | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Định | Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 92 | <b>BẾN LONG<br/>VIỆT<br/>(CHÁNH<br/>HƯNG)</b>                                           | CTY CP PHÂN<br>BÓN LONG<br>VIỆT                              | 18+035<br>đến<br>18+135                               | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Định | Cần<br>Đước | Long<br>An |

|    |                                  |                                               |                                      |      |             |               |               |         |
|----|----------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------|------|-------------|---------------|---------------|---------|
| 93 | <b>BẾN SAF - VIỆT</b>            | Công ty TNHH Liên doanh Saf - Việt            | 18+575 đến 18+623                    | Trái | Vàm Cỏ Đông | Long Định     | Cần Đước      | Long An |
| 94 | <b>CẢNG TND HOÀNG TUẤN</b>       | Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Hoàng Tuấn | 19+010 đến 19+100; 18+320 đến 18+520 | Trái | Vàm Cỏ Đông | Long Định     | Cần Đước      | Long An |
| 95 | <b>CẢNG TND LONG SƠN LONG AN</b> | Cty TNHH Long Sơn                             | 19+147 đến 19+322                    | Phải | Vàm Cỏ Đông | xã Nhựt Chánh | Huyện Bến Lức | Long An |
| 96 | <b>CẢNG BOURBON BẾN LỨC</b>      | Công ty cổ phần Buorbon Bến Lức               | 19+950 đến 20+350                    | Trái | Vàm Cỏ Đông | TT. Bến Lức   | Bến Lức       | Long An |

|     |                                                              |                                                      |                         |      |                   |                |            |            |
|-----|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------|------|-------------------|----------------|------------|------------|
| 97  | <b>CẢNG<br/>CẨM<br/>NGUYỄN</b>                               | Công ty cổ<br>phần Thép Cẩm<br>Nguyên                | 20+150<br>đến<br>20+435 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | TT.<br>Bến Lức | Bến<br>Lức | Long<br>An |
| 98  | <b>BẾN<br/>THẮNG<br/>LỢI</b>                                 | Công ty CP<br>Đồng Tâm                               | 20+676<br>đến<br>20+906 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | TT.<br>Bến Lức | Bến<br>Lức | Long<br>An |
| 99  | <b>CẢNG MT<br/>GAS</b>                                       | Công ty TNHH<br>MT Gas                               | 20+880<br>đến<br>21+020 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thuận<br>Đạo   | Bến<br>Lức | Long<br>An |
| 100 | <b>BẾN NAM<br/>PHONG II</b>                                  | Công ty TNHH<br>MTV Nam<br>Phong                     | 21+319<br>đến<br>21+473 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | TT.<br>Bến Lức | Bến<br>Lức | Long<br>An |
| 101 | <b>BẾN TỔNG<br/>KHO BẾN<br/>LÚC - CTY<br/>XD LONG<br/>AN</b> | Tổng kho Bến<br>Lức - Công ty<br>Xăng Dầu Long<br>An | 21+455<br>đến<br>21+525 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | TT.<br>Bến Lức | Bến<br>Lức | Long<br>An |
| 102 | <b>BẾN MINH<br/>QUÂN</b>                                     | Công ty TNHH<br>Mai Phương                           | 22+715<br>đến<br>22+800 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | An<br>Thạnh    | Bến<br>Lức | Long<br>An |
| 103 | <b>BẾN<br/>QUANG<br/>THỊNH</b>                               | Doanh nghiệp<br>tư nhân Quang<br>Thịnh               | 23+203<br>đến<br>23+338 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | An<br>Thạnh    | Bến<br>Lức | Long<br>An |

|     |                                                     |                                                  |                      |      |             |            |          |         |
|-----|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|------|-------------|------------|----------|---------|
| 104 | <b>BẾN TRẠM BÌNH ĐỨC</b>                            | Cty CP Quản lý Bảo trì đường thủy nội địa số 10  | 26+035 đến 26+119.9  | Phải | Vàm Cỏ Đông | Thanh Đức  | Bến Lức  | Long An |
| 105 | <b>BẾN NAM TRÍ</b>                                  | CTY TNHH TM VT NAM TRÍ                           | 27+186 đến 27+316    | Phải | Vàm Cỏ Đông | Bình Đức   | Bến Lức  | Long An |
| 106 | <b>BẾN ĐĂNG MINH</b>                                | CTY TNHH ĐĂNG MINH                               | 27+014 đến 27+114    | Phải | Vàm Cỏ Đông | Bình Đức   | Bến Lức  | Long An |
| 107 | <b>BẾN BÊ TÔNG THỦ ĐỨC - LONG AN</b>                | Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An | 30+400 đến 30+615    | Trái | Vàm Cỏ Đông | An Thạnh   | Bến Lức  | Long An |
| 108 | <b>BẾN TIỀN PHONG - LONG AN</b>                     | Công ty TNHH Bê tông Tiên Phong                  | 31+102 đến 31+452    | Trái | Vàm Cỏ Đông | Lương Hòa  | Bến Lức  | Long An |
| 109 | <b>BẾN TÂN AN THẠNH</b>                             | DNTN Tân An Thạnh                                | 30+936 đến 31+061    | Trái | Vàm Cỏ Đông | An Thạnh   | Bến Lức  | Long An |
| 110 | <b>CÁNG THÀNH TÀI</b>                               | Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xây dựng     | 32+600               | Trái | Vàm Cỏ Đông | Long Định  | Cần Đước | Long An |
| 111 | <b>BẾN CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TUYẾT DUNG - SỐ 1</b> | Chi nhánh DNTN Tuyết Dung                        | 40+200 đến 40+240    | Trái | Vàm Cỏ Đông | Lương Bình | Bến Lức  | Long An |
| 112 | <b>BẾN QUỐC QUANG LONG AN</b>                       | Công ty CP Quốc Quang Long An                    | 40+665 đến 40+765    | Trái | Vàm Cỏ Đông | Lương Bình | Bến Lức  | Long An |
| 113 | <b>CÁNG TND BÊ TÔNG LY TÂM LONG AN</b>              | Công ty CP Bê tông ly tâm Phương Nam             | 41+616,38 đến 41+800 | Trái | Vàm Cỏ Đông | Lương Bình | Bến Lức  | Long An |
| 114 | <b>BẾN LONG HÙNG DỪNG</b>                           | Cty TNHH MTV Long Hùng Dừng                      | 42+813 đến 42+963    | Trái | Vàm Cỏ Đông | Lương Bình | Bến Lức  | Long An |

|     |                                      |                                                   |                         |      |                   |                             |                     |            |
|-----|--------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------|------|-------------------|-----------------------------|---------------------|------------|
| 115 | <b>BẾN VLXD<br/>KIẾN HOA</b>         | CTY TNHH<br>VLXD KIẾN<br>HOA (LONG<br>AN)         | 43+086<br>đến<br>43+186 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Lương<br>Bình               | Bến<br>Lúc          | Long<br>An |
| 116 | <b>BẾN NGÂN<br/>PHÁT<br/>LONG AN</b> | CTY TNHH<br>NGÂN PHÁT<br>LONG AN                  | 46+789<br>đến<br>46+880 | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thanh<br>Lợi                | Bến<br>Lúc          | Long<br>An |
| 117 | <b>BẾN HÒA<br/>HIỆP</b>              | CTY TNHH<br>HÒA HIỆP                              | 49+810<br>đến<br>49+880 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Hữu<br>Thanh                | Đức<br>Hòa          | Long<br>An |
| 118 | <b>BẾN<br/>THANH<br/>KIỀU</b>        | Hộ Kinh doanh<br>Nguyễn Văn<br>Thanh              | 49+820<br>đến 49+900    | Trái | Vàm Cỏ<br>Đông    | Hữu<br>Thanh                | Huyện<br>Đức<br>Hòa | Long<br>An |
| 119 | <b>BẾN GIA<br/>HUY</b>               | Công ty CP SX<br>TM DV Minh<br>Mẫn Long An        | 49+900<br>đến<br>49+951 | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thanh<br>Lợi                | Bến<br>Lúc          | Long<br>An |
| 120 | <b>BẾN<br/>THẠNH<br/>LỢI</b>         | Cty TNHH<br>Thanh Lợi                             | 51+478<br>đến<br>51+578 | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thanh<br>Lợi                | Bến<br>Lúc          | Long<br>An |
| 121 | <b>BẾN CÔNG<br/>MINH</b>             | CTY TNHH<br>MTV CÔNG<br>MINH                      | 51+634<br>đến<br>51+724 | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thanh<br>Lợi                | Bến<br>Lúc          | Long<br>An |
| 122 | <b>BẾN<br/>NGUYỄN<br/>THÔNG</b>      | Công ty Trách<br>nhiệm hữu hạn<br>Hải Ngân        | 56+142<br>đến<br>56+240 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Hòa<br>Khánh<br>Nam         | Đức<br>Hòa          | Long<br>An |
|     | <b>BẾN QUỐC<br/>THANH</b>            | Công ty TNHH<br>Xây dựng cơ khí<br>Quốc Thanh     | 63+797<br>đến 63+902    | Trái | Vàm Cỏ<br>Đông    | Xã Hòa<br>Khánh<br>Tây      | Huyện<br>Đức<br>Hòa | Long<br>An |
| 123 | <b>BẾN VĂN<br/>ĐƯỢC</b>              | Công ty Trách<br>nhiệm hữu hạn<br>Văn Được        | 64+090<br>đến<br>64+150 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Hòa<br>Khánh<br>Tây         | Đức<br>Hòa          | Long<br>An |
|     | <b>BẾN THANH<br/>TUYỀN</b>           | Doang nghiệp tư<br>nhân Đặng Thiên                | 64+099<br>đến 64+176    | Trái | Vàm Cỏ<br>Đông    | Xã Hòa<br>Khánh<br>Tây      | Huyện<br>Đức<br>Hòa | Long<br>An |
| 124 | <b>BẾN ÚT<br/>CAO</b>                | Cty TNHH SX<br>KD TM &<br>XNK Tổng hợp<br>Dư Đặng | 88+290<br>đến<br>88+636 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Lộc<br>Giang-<br>An<br>Ninh | Đức<br>Hòa          | Long<br>An |
| 125 | <b>BẾN DƯ'<br/>HOÀNG DỬ</b>          | HKD DƯ'<br>HOÀNG DỬ                               | 88+548<br>đến<br>88+613 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Lộc<br>Giang                | Đức<br>Hòa          | Long<br>An |

|     |                                                       |                                                                |                                                |      |                   |               |            |            |
|-----|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------|-------------------|---------------|------------|------------|
| 126 | <b>BẾN<br/>INNONCON<br/>S LA<br/>(VLXD CHÍ</b>        | Công ty TNHH<br>Chí Hiếu                                       | 30+690<br>đến<br>30+836                        | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | An<br>Thạnh   | Bến<br>Lúc | Long<br>An |
| 127 | <b>BẾN KHU<br/>CÔNG<br/>NGHIỆP<br/>NHẬT<br/>CHÁNH</b> | Công ty cổ<br>phần Thanh Yên                                   | 19+516<br>đến<br>19+576                        | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Nhựt<br>Chánh | Bến<br>Lúc | Long<br>An |
| 128 | <b>BẾN B.M.T</b>                                      | Công ty CP<br>Đầu tư Xây<br>dựng BMT-Chi<br>nhánh Long An      | 19+610<br>đến<br>19+660                        | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Nhựt<br>Chánh | Bến<br>Lúc | Long<br>An |
| 129 | <b>BẾN<br/>GREENFEE<br/>D 1</b>                       | Công ty CP<br>Greenfeed Việt<br>Nam                            | 20+312<br>đến<br>20+395<br>và<br>20+531<br>đến | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Nhựt<br>Chánh | Bến<br>Lúc | Long<br>An |
| 130 | <b>CẢNG TND<br/>GREENFEE<br/>D</b>                    | Công ty TNHH<br>Greenfeed Việt<br>Nam                          | 20+395<br>đến<br>20+540                        | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Nhựt<br>Chánh | Bến<br>Lúc | Long<br>An |
| 131 | <b>BẾN ĐA<br/>NĂNG</b>                                | Công ty TNHH<br>Đa Năng                                        | 21+110<br>đến<br>21+320                        | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Nhựt<br>Chánh | Bến<br>Lúc | Long<br>An |
| 132 | <b>BẾN VLXD<br/>PHÚ AN</b>                            | Công ty Cổ<br>phần đầu tư xây<br>dựng và phát<br>triển hạ tầng | 22+100<br>đến<br>25+950                        | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thạnh<br>Đức  | Bến<br>Lúc | Long<br>An |
| 133 | <b>BẾN PHAN<br/>TUẤN</b>                              | Công ty TNHH<br>TM-DV Phan<br>Tuấn                             | 25+270<br>đến<br>25+385                        | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thạnh<br>Đức  | Bến<br>Lúc | Long<br>An |
| 134 | <b>BẾN NGÔ<br/>VĂN LONG</b>                           | Ông Ngô Văn<br>Long                                            | 34+380<br>đến<br>34+430                        | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Bình<br>Đức   | Bến<br>Lúc | Long<br>An |
| 135 | <b>Khang<br/>Thịnh</b>                                | Công ty TNHH<br>TMDV VLXD<br>TTNT Khang<br>Thịnh               | 41+150<br>đến<br>41+278,5                      | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thạnh<br>Hòa  | Bến<br>Lúc | Long<br>An |
| 136 | <b>BẾN PHAN<br/>VŨ</b>                                | Cty TNHH XD<br>hạ tầng Phan Vũ                                 | 41+181<br>đến<br>41+361                        | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Lương<br>Bình | Bến<br>Lúc | Long<br>An |

|     |                                               |                                                          |                                    |      |                   |                     |               |            |
|-----|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------|------|-------------------|---------------------|---------------|------------|
| 137 | <b>Bảo<br/>Phương<br/>Gia 2</b>               | Công ty TNHH<br>MTV Bảo<br>Phương Gia                    | 51+136<br>đến<br>51+320            | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thanh<br>Lợi        | Bến<br>Lức    | Long<br>An |
| 138 | <b>Bảo<br/>Phương<br/>Gia 1</b>               | Công ty TNHH<br>MTV Bảo<br>Phương Gia                    | 51+377<br>đến<br>51+477            | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thanh<br>Lợi        | Bến<br>Lức    | Long<br>An |
| 139 | <b>BẾN ĐIỂM<br/>NGỌC</b>                      | Doanh nghiệp<br>tư nhân Diễm<br>Ngọc                     | 64+870<br>đến<br>64+930            | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Bình<br>Hòa Bắc     | Đức<br>Huệ    | Long<br>An |
| 140 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>SỐ 1</b> | Công ty CP<br>XNK Dầu Khí<br>Hoàng Hải Long              | 74+550<br>đến<br>74+580            | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Đông<br>Thành       | Đức<br>Huệ    | Long<br>An |
|     | <b>Cảng TNĐ<br/>xăng dầu<br/>Long Hưng</b>    | Công ty Cổ<br>phần sản xuất<br>dầu nhớt Long<br>An       | 118 + 555<br>đến<br>118 +<br>647,9 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Cang        | Cần<br>Đước   | Long<br>An |
| 141 | <b>CẢNG TNĐ<br/>PHƯƠNG<br/>QUÂN</b>           | Công ty TNHH<br>Sản xuất và<br>Thương mại<br>Phương Quân | 14+120<br>đến<br>14+246            | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Cang        | Cần<br>Đước   | Long<br>An |
| 142 | <b>BẾN<br/>THẮNG<br/>LỢI 2</b>                | Công ty CP<br>Đồng Tâm                                   | 20+586<br>đến<br>20+676            | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thị trấn<br>Bến Lức | Bến<br>Lức    | Long<br>An |
| 143 | <b>BẾN MINH<br/>KHÔI</b>                      | Cty CP Minh<br>Khôi                                      | 27+879<br>đến<br>27+919            | Phải | Cần<br>Giuộc      | Tân<br>Kim          | Cần<br>Giuộc  | Long<br>An |
| 144 | <b>BẾN VLXD<br/>MINH<br/>NGUYỄN</b>           | Võ Văn Nguyên                                            | 25+255<br>đến<br>25+286            | Phải | Vàm Cỏ            | Bình<br>Xuân        | Tx Gò<br>Công | Long<br>An |
| 145 | <b>BẾN VÕ<br/>CÔNG<br/>NGUYỄN</b>             | Cty CP ĐT và<br>XD Vàm Cỏ<br>Đông                        | 22+317<br>đến<br>22+387            | Phải | Vàm Cỏ            | Bình<br>Xuân        | TX Gò<br>Công | Long<br>An |

|     |                                      |                                          |                       |      |             |               |           |         |
|-----|--------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------|------|-------------|---------------|-----------|---------|
| 146 | <b>BẾN NGỌC ĐỨC</b>                  | CTY TNHH THIẾT KẾ XD THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC | 16+841 đến 16+902     | Phải | Cần Giuộc   | Long An       | Cần Giuộc | Long An |
| 147 | <b>BẾN TRƯƠNG PHÁT</b>               | Công ty TNHH Trương Phát                 | 13+719 đến 13+814     | Phải | Cần Giuộc   | Tân Lâm       | Cần Đước  | Long An |
| 148 | <b>BẾN AN LỘC</b>                    | Công ty TNHH Đóng Tàu An Lộc             | 5+977 đến 6+047       | Phải | Cần Giuộc   | Tân Tập       | Cần Giuộc | Long An |
| 149 | <b>BẾN HOA LONG FEED</b>             | Cty TNHH Hoa Long Feed                   | 15+758 đến 15+948     | Phải | Cần Giuộc   | Tân Lâm       | Cần Đước  | Long An |
| 150 | <b>BẾN HỮU NHUẬN</b>                 | Cty TNHH MTV Hữu Nhuận                   | 27+074.5 đến 27+107.4 | Phải | Cần Giuộc   | Tân Kim       | Cần Giuộc | Long An |
| 151 | <b>BẾN HUY VŨ</b>                    | Cty TNHH TM XD HUY VŨ                    | 23+565 đến 23+607     | Trái | Vàm Cỏ      | Tân Chánh     | Cần Đước  | Long An |
| 152 | <b>BẾN SÀI GÒN XANH</b>              | Cty Cp XNK Sài Gòn Xanh                  | 23+713 đến 23+893     | Trái | Cần Giuộc   | Phước Lại     | Cần Giuộc | Long An |
| 153 | <b>BẾN SÔNG LAM</b>                  | Cty TNHH Sông Lam                        | 7+489 đến 7+543       | Phải | Cần Giuộc   | Long Hựu Đông | Cần Đước  | Long An |
| 154 | <b>BẾN TRANG TRÍ NỘI THẤT TP HCM</b> | Cty cp VLXD và Trang trí nội thất tp HCM | 32+164 đến 32+194     | Trái | Vàm Cỏ      | Tân Ân        | Cần Đước  | Long An |
| 155 | <b>BẾN ANH BÌNH</b>                  | Cty TNHH MTV Anh Bình                    | 75+050 đến 75+110     | Trái | Vàm Cỏ Đông | tt Hiệp Hòa   | Đức Hòa   | Long An |
| 156 | <b>BẾN CÁT TƯỜNG NGUYỄN</b>          | Cty TNHH Cát Tường Nguyễn-LA             | 12+521 đến 12+581     | Trái | Cần Giuộc   | Long Phụng    | Cần Giuộc | Long An |
| 157 | <b>BẾN NGUY THỊ TUYẾT</b>            | Bà Ngụy Thị Tuyết                        | 13+469 đến 13+588     | Phải | Cần Giuộc   | Tân Lâm       | Cần Đước  | Long An |

|     |                                                  |                                                             |                           |      |                          |                           |                      |            |
|-----|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------|------|--------------------------|---------------------------|----------------------|------------|
| 158 | <b>BẾN VẬT<br/>LIỆU XÂY<br/>DỰNG BA<br/>MINH</b> | Bà Nguyễn Thị<br>Chi                                        | 19+965<br>đến<br>20+040   | Phải | Vàm Cỏ                   | Bình<br>Xuân              | thị xã<br>Gò<br>Công | Long<br>An |
| 159 | <b>BẾN BÊ<br/>TÔNG IBS</b>                       | Công ty cổ<br>phần bê tông<br>IBS                           | 19+817<br>đến<br>19+988   | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông        | Nhứt<br>Chánh             | Bến<br>Lúc           | Long<br>An |
| 160 | <b>BẾN 409</b>                                   | Ông Nguyễn<br>Thế Cường                                     | 06+117<br>đến<br>06+177   | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông        | Tân<br>Trạch              | Cần<br>Đước          | Long<br>An |
| 161 | <b>BẾN NAM<br/>PHONG</b>                         | Công ty TNHH<br>MTV Nam<br>Phong                            | 21+550<br>đến<br>21+593   | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông        | TT Bến<br>Lúc             | Bến<br>Lúc           | Long<br>An |
| 162 | <b>BẾN CÔNG<br/>MINH BẢO</b>                     | Công ty TNHH<br>Công Minh Bảo<br>- Chi Nhánh                | 09+013<br>đến<br>09+164   | Phải | Cần<br>Giuộc             | xã<br>Long<br>Hựu<br>Đông | Cần<br>Giuộc         | Long<br>An |
| 163 | <b>BẾN VLXD<br/>BA DỪNG</b>                      | Bà Phạm Thị<br>Cầm Vân                                      | 23+226<br>đến<br>23+253.5 | Phải | Vàm Cỏ                   | xã Bình<br>Xuân           | tx Gò<br>Công        | Long<br>An |
| 164 | <b>BẾN VLXD<br/>Á CHÂU</b>                       | Công ty TNHH<br>kỹ thuật xây<br>dựng Á Châu                 | 19+850<br>đến<br>19+908   | Phải | Vàm Cỏ                   | xã Bình<br>Đông           | tx Gò<br>Công        | Long<br>An |
| 165 | <b>BẾN<br/>NGUYỄN<br/>THỊ MƯỜI</b>               | Hộ kinh doanh<br>Nguyễn Thị<br>Mười                         | 9+265<br>đến 9+325        | Trái | Cần<br>Giuộc             | Đông<br>Thạnh             | Cần<br>Giuộc         | Long<br>An |
| 166 | <b>BẾN TRÚC<br/>MINH</b>                         | công ty TNHH<br>vận tải xây dựng<br>thương mại Trúc<br>Minh | 10+783<br>đến 10+900      | Phải | Cần<br>Giuộc             | xã<br>Phước<br>Đông       | Huyện<br>Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 167 | <b>BẾN THẾ<br/>TOÀN</b>                          | Công ty TNHH<br>XD TM Thế Toàn                              | 11+513<br>đến 11+560      | Phải | Cần<br>Giuộc             | xã<br>Phước<br>Đông       | Huyện<br>Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 168 | <b>BẾN HƯNG<br/>VẠN PHÁT</b>                     | Công ty TNHH<br>XD TH Hưng<br>Vạn Phát - CN1                | 28+820<br>đến 28+900      | Trái | Vàm Cỏ                   | Xã Tân<br>Ân              | Huyện<br>Cần<br>Đước | Long<br>An |
| 169 | <b>BẾN<br/>TRƯƠNG<br/>HOÀNG<br/>CÔNG</b>         | DNTN Trương<br>Hoàng Công                                   | 11+128<br>đến<br>11+191   | Trái | Chợ<br>Đệm<br>Bến<br>Lúc | Tân<br>Bửu                | Bến<br>Lúc           | Long<br>An |

|     |                                                                 |                                                                        |                           |      |                   |                       |              |            |
|-----|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------|-------------------|-----------------------|--------------|------------|
| 170 | <b>BẾN HÀNG<br/>GIANG 2</b>                                     | Doanh nghiệp<br>tư nhân sản<br>xuất thương<br>mại Dịch vụ<br>Thanh Duy | 10+677<br>đến<br>10+722   | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Bình<br>Trinh<br>Đông | Tân<br>Trụ   | Long<br>An |
| 171 | <b>BẾN TÀU<br/>THỦY ĐẠI<br/>NAM</b>                             | Cty TNHH tàu<br>thủy Đại Nam                                           | 13+097<br>đến<br>13+294,5 | Phải | Cần<br>Giuộc      | Tân Lâm               | Cần<br>Đước  | Long<br>An |
| 172 | <b>BẾN HỒNG<br/>ĐÀO</b>                                         | Doanh nghiệp<br>tư nhân Hồng<br>Đào                                    | 9+761<br>đến 9+871        | Trái | Cần<br>Giuộc      | Long<br>Hựu<br>Đông   | Cần<br>Đước  | Long<br>An |
| 173 | <b>BẾN<br/>HUỲNH<br/>NGỌC<br/>BÍCH</b>                          | CN Cty TNHH<br>Huỳnh Ngọc<br>Bích                                      | 12+210<br>đến<br>12+310   | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | An<br>Nhứt<br>Tân     | Tân<br>Trụ   | Long<br>An |
| 174 | <b>BẾN TẠM<br/>IMG<br/>PHƯỚC<br/>ĐÔNG<br/>(SÔNG<br/>VÀM CỎ)</b> | Công ty CP<br>IMG Phước<br>Đông                                        | 16+800<br>đến<br>16+930   | Trái | Vàm Cỏ            | Phước<br>Đông         | Cần<br>Đước  | Long<br>An |
| 175 | <b>BẾN<br/>QUANG<br/>PHONG</b>                                  | Công ty cổ<br>phần tư vấn<br>thiết kế và xây<br>dựng Quang             | 75+252<br>đến<br>75+431,8 | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | TT<br>Đông<br>Thành   | Đức<br>Huệ   | Long<br>An |
| 176 | <b>THÁI BÌNH<br/>DƯƠNG<br/>(KIM<br/>NHANH)</b>                  | Cty TNHH DV<br>VT SB Thái<br>Bình Dương                                | 08+263<br>đến<br>08+300   | Phải | Cần<br>Giuộc      | Long<br>Hựu<br>Đông   | Cần<br>Giuộc | Long<br>An |
| 177 | <b>BẾN THỐI<br/>BÌNH</b>                                        | Công ty CP XD<br>TM Thối Bình                                          | 27+661<br>đến<br>27+726   | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Bình<br>Đức           | Bến<br>Lức   | Long<br>An |
| 178 | <b>BẾN CÔNG<br/>MINH 2</b>                                      | Công ty TNHH<br>MTV Công<br>Minh                                       | 46+589<br>đến<br>46+685   | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thanh<br>Lợi          | Bến<br>Lức   | Long<br>An |
| 179 | <b>BẾN<br/>INNOCONS<br/>LA. (2)</b>                             | Công ty Cổ<br>phần Innocons<br>LA                                      | 30+930<br>đến<br>31+020   | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | An<br>Thanh           | Bến<br>Lức   | Long<br>An |
| 180 | <b>BẾN<br/>SOUTHGAT<br/>E 2</b>                                 | Công ty Cổ<br>phần Southgate                                           | 25+211<br>đến<br>25+361   | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | An<br>Thanh           | Bến<br>Lức   | Long<br>An |

|     |                              |                                                       |                                                               |      |             |             |                    |         |
|-----|------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------|-------------|-------------|--------------------|---------|
| 181 | <b>BẾN SÀI GÒN DC</b>        | Cty Cp tập đoàn Sài Gòn DC                            | 26+959 đến 26+992                                             | Phải | Vàm Cỏ Đông | Bình Đức    | Bến Lức            | Long An |
| 182 | <b>BẾN THÀNH PHƯƠNG PHÁT</b> | Công ty TNHH MTV TM DV Thành Phương Phát              | Vị trí 2: 46+521 đến 46+566<br>Vị trí 3: 0+059 đến 0+129      | Phải | Vàm Cỏ Đông | Thanh Lợi   | Bến Lức            | Long An |
| 183 | <b>BẾN TẠM NAM KHANG</b>     | Công ty TNHH MTV Đầu Tư Xây Dựng Phát triển Nam       | 24+817 đến 24+877                                             | Trái | Vàm Cỏ Đông | An Thạnh    | Bến Lức            | Long An |
| 184 | <b>BẾN MƯỜI NGỌC THÀNH</b>   | Công ty TNHH MTV XD TM DV XNK Mười Ngọc Thành         | 21+580 đến 21+620                                             | Phải | Vàm Cỏ Đông | Nhứt Chánh  | Bến Lức            | Long An |
| 185 | <b>BẾN HÀ TRANG</b>          | Hộ Kinh Doanh Nguyễn Hà Trang                         | 26+967 đến 27+002                                             | Phải | Vàm Cỏ Đông | Bình Đức    | Bến Lức            | Long An |
| 186 | <b>BẾN MƯỜI NHỎ</b>          | Công ty TNHH MTV Mười Nhỏ                             | 06+739 đến 06+809                                             | Trái | Cần Giuộc   | Tân Tập     | Cần Giuộc          | Long An |
| 187 | <b>BẾN TẠM TẤN VŨ</b>        | Công ty TNHH SX và TM Tấn Vũ                          | 83+172 đến 83+242                                             | Trái | Vàm Cỏ Đông | An Ninh Tây | Đức Hòa            | Long An |
| 188 | <b>BẾN DUY KIẾT VŨ</b>       | Công ty TNHH Duy Kiệt Vũ                              | 13+996 đến 14+067                                             | Trái | Cần Giuộc   | Long Phụng  | Cần Giuộc          | Long An |
| 189 | <b>BẾN BÙI NGỌC SEN</b>      | ÔNG BÙI NGỌC SEN                                      | 02+834 đến 02+934                                             | Phải | Vàm Cỏ      | Tân Phước   | Huyện Gò Công Đông | Long An |
| 190 | <b>BẾN TẠM NAM KHANG 2</b>   | Công ty TNHH MTV Đầu Tư Xây Dựng Phát triển Nam Khang | 25+872 đến 25+942;<br>27+510 đến 27+580;<br>28+482 đến 28+552 | Trái | Vàm Cỏ Đông | An Thạnh    | Bến Lức            | Long An |

|     |                                             |                                     |                       |      |             |                  |                    |            |
|-----|---------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|------|-------------|------------------|--------------------|------------|
| 191 | <b>BẾN HUỖNH THỊ LAN</b>                    | Hộ kinh doanh Huỳnh Thị Lan         | 6+200 đến 6+270       | Phải | Vàm Cỏ Đông | Tân Phước Tây    | Tân Trụ            | Long An    |
| 192 | <b>BẾN XĂNG DẦU VÀM CỎ MỸ LỢI</b>           | Cty TNHH Xăng dầu Vàm Cỏ Mỹ Lợi     | 17+862,7 đến 17+892,7 | Phải | Vàm Cỏ      | Bình Đông        | tx Gò Công         | Long An    |
| 193 | <b>BẾN PHƯƠNG ANH</b>                       | Công ty TNHH TM Vật Liệu Phương Anh | 46+880 đến 46+966     | Phải | Vàm Cỏ Đông | Thị trấn Đức Hòa | Đức Hòa            | Long An    |
| 194 | <b>BẾN TẠM THÁI HÙNG</b>                    | Cty CP ĐT XD Thái Hùng              | 2+890 đến 02+990      | Phải | Vàm Cỏ      | Tân Phước        | Gò Công Đông       | Long An    |
| 195 | <b>BẾN TẠM TY TNHH SETAS</b>                | Chi nhánh Công ty TNHH CETAS        | 19+470 đến 19+490     | Trái | Vàm Cỏ      | Phước Đông       | Cần Đước           | Long An    |
| 196 | <b>BẾN SOUTH GATE</b>                       | Công ty cổ phần South Gate          | 29+749 đến 29+899     | Trái | Vàm Cỏ Đông | An Thạnh         | Bến Lức            | Long An    |
| 197 | <b>BẾN THÁI HÙNG 2</b>                      | Cty cp đầu tư xây dựng Thái Hùng    | 08+753 đến 08+853     | Phải | Vàm Cỏ      | Tân Phước        | Gò Công Đông       | Long An    |
| 198 | <b>BẾN THANH THẢO</b>                       | Nguyễn Thị Tầm                      | 08+050 đến 08+180     | Phải | Cần Giuộc   | Long Hựu Đông    | Cần Đước           | Long An    |
| 199 | <b>BẾN TND CỦA CTY TNHH CẢNG QT THỊ VẢI</b> | Cty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải       | 16+100 đến 16+200     | Phải | Vàm Cỏ      | Xã Bình Đông     | tp Gò Công         | Tiền Giang |
| 200 | <b>BẾN VLXD NĂM TỎ</b>                      | Công ty TNHH XD TM DV Năm Tỏ        | 06+400 đến 06+438     | Phải | Vàm Cỏ      | Xã Tân Phước     | Huyện Gò Công Đông | Tiền Giang |
| 201 | <b>BẾN VLXD NĂM TỎ CƠ SỞ 3(Đức Lộc)</b>     | Công ty TNHH XD TM DV Đức Lộc       | 07+528 đến 07+598     | Phải | Vàm Cỏ      | Xã Tân Phước     | Huyện Gò Công Đông | Tiền Giang |

|     |                                                                                               |                                                        |                           |      |                      |                        |              |            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------|------|----------------------|------------------------|--------------|------------|
| 202 | <b>BẾN HẢI<br/>ÂU</b>                                                                         | Nguyễn Thị<br>Tuyệt Loan                               | 02+505<br>đến<br>02+557   | Trái | Tháp<br>mười<br>số 1 | TT.<br>Thanh<br>Hóa    | Thanh<br>Hóa | Long<br>An |
| 203 | <b>BẾN XN CB<br/>LƯƠNG<br/>THỰC SỐ 2</b>                                                      | Cty lương thực<br>Long An                              | 02+575<br>đến<br>02+845   | Trái | Tháp<br>mười<br>số 1 | TT.<br>Thanh<br>Hóa    | Thanh<br>Hóa | Long<br>An |
| 204 | <b>BẾN<br/>THANH<br/>TÙNG</b>                                                                 | DNTN Thái<br>Thanh Tùng                                | 22+510<br>đến<br>22+560,7 | Trái | Tháp<br>mười<br>số 1 | Nhon<br>Hòa            | Tân<br>Thanh | Long<br>An |
| 205 | <b>BẾN XN<br/>CHẾ BIẾN<br/>LƯƠNG<br/>THỰC TÂN<br/>THẠNH</b>                                   | Cty Lương<br>Thực Long An                              | 16+700<br>đến<br>16+840   | Trái | Tháp<br>mười<br>số 1 | Tân<br>Thanh           | Tân<br>Thanh | Long<br>An |
| 206 | <b>BẾN CHỢ<br/>TR.TÂM<br/>NS HẬU<br/>THẠNH<br/>ĐÔNG</b>                                       | Cty Lương<br>Thực Long An                              | 33+539<br>đến<br>33+652   | Trái | Tháp<br>mười<br>số 1 | Hâu<br>Thanh<br>Đông   | Tân<br>Thanh | Long<br>An |
| 207 | <b>BẾN VĂN<br/>ÚT</b>                                                                         | Công ty TNHH<br>Ngô Văn Út                             | 107+020<br>đến<br>107+036 | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây        | Bình<br>Phong<br>Thanh | Mộc<br>Hóa   | Long<br>An |
| 208 | <b>BẾN CN<br/>CÔNG TY<br/>TNHH<br/>WILMAR<br/>AGRO<br/>VIỆT NAM<br/>TẠI<br/>THẠNH<br/>HÓA</b> | Công ty TNHH<br>Wilmar Agro<br>Việt Nam                | 58+771<br>đến<br>58+993   | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây        | Xã Tân<br>Đông         | Thanh<br>Hóa | Long<br>An |
| 209 | <b>BẾN VĂN<br/>LƯỢNG</b>                                                                      | Công ty TNHH<br>kinh doanh<br>xăng dầu gas Út<br>Lượng | 94+200<br>đến<br>94+220   | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây        | Thanh<br>Phú           | Thanh<br>Hóa | Long<br>An |
| 210 | <b>BẾN CẨM<br/>HƯỜNG</b>                                                                      | Công ty TNHH<br>MTV xăng dầu<br>Cẩm Hường              | 128+174<br>đến<br>128+200 | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây        | Bình<br>Hòa Tây        | Mộc<br>Hóa   | Long<br>An |

|     |                                             |                                |                           |      |            |                |           |         |
|-----|---------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------|------|------------|----------------|-----------|---------|
| 211 | <b>BẾN VĨNH THỊNH PHÁT</b>                  | Công ty TNHH Vĩnh Thịnh Phát   | 50+330<br>đến<br>50+433   | Phải | Vàm Cỏ Tây | Mỹ An          | Thủ Thừa  | Long An |
| 212 | <b>BẾN ÁNH TUYẾT</b>                        | Công ty TNHH Ánh Tuyết         | 58+180<br>đến<br>58+280   | Phải | Vàm Cỏ Tây | Tân Đông       | Thạnh Hóa | Long An |
| 213 | <b>BẾN LONG THẠNH</b>                       | Cty TNHH MTV Long Thạnh        | 84+544<br>đến<br>84+618   | Phải | Vàm Cỏ Tây | TT. Thạnh Hóa  | Thạnh Hóa | Long An |
| 214 | <b>BẾN TRUNG HIẾU</b>                       | Bà Trần Thị Ngọc The           | 76+100<br>đến<br>76+150   | Trái | Vàm Cỏ Tây | Long Thạnh     | Thủ Thừa  | Long An |
| 215 | <b>BẾN TRẠM BÁN LẺ XĂNG DẦU SỐ 6</b>        | Cty cổ phần thương mại Mộc Hóa | 84+685<br>đến<br>84+715   | Phải | Vàm Cỏ Tây | TT. Thạnh Hóa  | Thạnh Hóa | Long An |
| 216 | <b>BẾN VĂN ĐẢM</b>                          | CN Cty TNHH Bảy Đám            | 55+354<br>đến<br>55+400   | Trái | Vàm Cỏ Tây | Mỹ Thạnh       | Thủ Thừa  | Long An |
| 217 | <b>BẾN XN CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC VĨNH HƯNG</b> | Cty Lương Thực Long An         | 143+850<br>đến<br>143+970 | Trái | Vàm Cỏ Tây | Tuyên Bình Tây | Vĩnh Hưng | Long An |
| 218 | <b>BẾN VLXD TƯ MỪNG</b>                     | Công ty TNHH Tư Mừng NTC       | 109+406<br>đến<br>109+450 | Trái | Vàm Cỏ Tây | Bình Hòa Đông  | Mộc Hóa   | Long An |
| 219 | <b>BẾN XĂNG DẦU ÚT NHÂN</b>                 | Doanh nghiệp tư nhân Út Nhân   | 155+300<br>đến<br>155+320 | Phải | Vàm Cỏ Tây | Vĩnh Đại       | Tân Hưng  | Long An |

|     |                                           |                                                     |                     |      |                |                  |               |         |
|-----|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------|------|----------------|------------------|---------------|---------|
| 220 | <b>BẾN NHÀ MÁY XX TÂN LẬP</b>             | Chi nhánh Mộc Hóa-CTy TNHH Nam Thiên                | 121+351 đến 121+412 | Phải | Vàm Cỏ Tây     | Tân Lập          | Mộc Hóa       | Long An |
| 221 | <b>BẾN CƯỜNG TIỀN</b>                     | CTy TNHH MTV VLXD Cường Tiên                        | 129+138 đến 129+182 | Phải | Vàm Cỏ Tây     | Tuyên Thạnh      | TX Kiến Tường | Long An |
| 222 | <b>BẾN CÔNG TY TNHH MTV LT VĨNH HƯNG</b>  | Công ty TNHH MTV LT Vĩnh Hưng                       | 153+119 đến 153+333 | Trái | Vàm Cỏ Tây     | Tuyên Bình Tây   | Vĩnh Hưng     | Long An |
| 223 | <b>BẾN VLXD TƯỜNG TRÚC</b>                | Công ty TNHH Tường Trúc                             | 12+358 đến 12+458   | Trái | Tháp mười số 1 | Kiến Bình        | Tân Thạnh     | Long An |
| 224 | <b>BẾN ĐỨC LẬP NGHĨA</b>                  | Công ty TNHH kinh doanh xăng dầu Phong Phú Long An  | 103+793 đến 103+805 | Trái | Vàm Cỏ Tây     | Bình Phong Thạnh | Mộc Hóa       | Long An |
| 225 | <b>BẾN NGÔ VĂN LEM</b>                    | Doanh nghiệp tư nhân Chính Lem                      | 00+300 đến 00+382,3 | Trái | Tháp mười số 2 | Lợi Bình Nhơn    | TP. Tân An    | Long An |
| 226 | <b>BẾN XAY XÁT RẠCH CHANH</b>             | Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Xay sát Rạch Chanh 1 | 00+755 đến 00+875   | Phải | Tháp mười số 2 | Mỹ Phú           | Thủ Thừa      | Long An |
| 227 | <b>BẾN CƠ KHÍ VIỆT LONG</b>               | DNTN Việt Long                                      | 19+800 đến 19+865   | Trái | Vàm Cỏ Tây     | Bình Tịnh        | Tân Trụ       | Long An |
| 228 | <b>BẾN THÀNH CÔNG</b>                     | Cty TNHH Thành Công                                 | 21+460 đến 21+500   | Trái | Vàm Cỏ Tây     | TT.Tân Trụ       | Tân Trụ       | Long An |
| 229 | <b>BẾN PHÂN XUỞNG II - XÍ NGHIỆP LTTP</b> | Cty cổ phần xây lắp cơ khí và LTTP                  | 21+575 đến 21+660   | Trái | Vàm Cỏ Tây     | TT.Tân Trụ       | Tân Trụ       | Long An |

|     |                                    |                                          |                           |      |               |                     |               |            |
|-----|------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------|------|---------------|---------------------|---------------|------------|
| 230 | <b>BẾN VĂN HOÀNG</b>               | Huỳnh Thị Y                              | 23+220<br>đến<br>23+260   | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây | Bình<br>Tịnh        | Tân trụ       | Long<br>An |
| 231 | <b>BẾN XN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM</b> | Cty cổ phần xây<br>lắp cơ khí và<br>LTTP | 32+740<br>đến<br>32+827,3 | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây | phường<br>5         | TP.<br>Tân An | Long<br>An |
| 232 | <b>BẾN TÍN THỊNH II</b>            | Công ty TNHH<br>MTV Tín Thịnh            | 37+000<br>đến<br>37+049,1 | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây | Hướng<br>Thọ Phú    | TP.<br>Tân An | Long<br>An |
| 233 | <b>BẾN TRÍ MAI</b>                 | Cty TNHH SX-<br>TM Trí Mai               | 44+760<br>đến<br>44+880   | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây | Bình<br>Thạnh       | Thủ<br>Thừa   | Long<br>An |
| 234 | <b>BẾN VLXD CÔNG DỪNG</b>          | DNTN VLXD<br>Công Dừng                   | 31+500<br>đến<br>31+540   | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Bình<br>Tâm         | TP.<br>Tân An | Long<br>An |
| 235 | <b>BẾN CHÍNH LEM</b>               | DNTN Chính<br>Lem                        | 30+500<br>đến<br>30+613,3 | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Bình<br>Tâm         | TP.<br>Tân An | Long<br>An |
| 236 | <b>BẾN ÚT SỪNG</b>                 | CTY TNHH<br>MTV Đức Hưng                 | 14+260<br>đến<br>14+336   | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Tầm Vu              | Châu<br>Thành | Long<br>An |
| 237 | <b>BẾN VLXD PHÚ KHANG L.A</b>      | Công ty TNHH<br>XD TMDV Phú<br>Khang L.A | 29+821,5<br>đến<br>29+900 | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Bình<br>Tâm         | TP.<br>Tân An | Long<br>An |
| 238 | <b>BẾN THÀNH PHÁT</b>              | Cty TNHH DV<br>TM Mai Thành<br>Phát      | 38+330<br>đến<br>38+400   | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Phường<br>6         | TP.<br>Tân An | Long<br>An |
| 239 | <b>BẾN LUẬN HÀ</b>                 | Công ty TNHH<br>VLXD Luận Hà             | 38+500<br>đến<br>38+548   | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Phường<br>6         | TP.<br>Tân An | Long<br>An |
| 240 | <b>BẾN NGUYỄN ĐÀO (MH)</b>         | Cty TNHH<br>Thương mại<br>dịch vụ Nguyễn | 38+690<br>đến<br>38+730   | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Phường<br>6         | TP.<br>Tân An | Long<br>An |
| 241 | <b>BẾN TẤN HIỆP</b>                | Công ty TNHH<br>MTV Huỳnh<br>Tấn Hiệp    | 45+942<br>đến<br>46+047   | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Mỹ Phú              | Thủ<br>Thừa   | Long<br>An |
| 242 | <b>BẾN VIỆT THANH</b>              | Công ty TNHH<br>Việt Thanh               | 40+952<br>đến<br>41+100   | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Lợi<br>Bình<br>Nhơn | TP.<br>Tân An | Long<br>An |

|     |                                                |                                                          |                           |      |               |                        |               |            |
|-----|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------|------|---------------|------------------------|---------------|------------|
| 243 | <b>BẾN<br/>PETROLIM<br/>EX-CỬA<br/>HÀNG 24</b> | Chi nhánh<br>Công ty xăng<br>dầu Long An-<br>Cửa hàng 24 | 46+055<br>đến<br>46+085   | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Mỹ Phú                 | Thủ<br>Thừa   | Long<br>An |
| 244 | <b>BẾN<br/>GIAVICO</b>                         | Công ty TNHH<br>Thực Phẩm<br>Quốc Tế                     | 58+300<br>đến<br>58+471.5 | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Tân<br>Đông            | Thạnh<br>Hóa  | Long<br>An |
| 245 | <b>BẾN VLXD<br/>HUỖNH<br/>ANH<br/>HOÀNG VŨ</b> | Công ty TNHH<br>MTV Huỳnh<br>Anh Hoàng Vũ                | 117+873<br>đến<br>117+931 | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Tân Lập                | Mộc<br>Hóa    | Long<br>An |
| 246 | <b>BẾN VLXD<br/>NGUYỄN<br/>HIỆP ĐOÀN</b>       | CTy TNHH<br>MTV Nguyễn<br>Hiệp Đoàn                      | 108+155<br>đến<br>108+206 | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây | Bình<br>Phong<br>Thạnh | Mộc<br>Hóa    | Long<br>An |
| 247 | <b>BẾN BA<br/>HÙNG</b>                         | Chi nhánh CTy<br>TNHH MTV<br>Ba Hùng                     | 15+423<br>đến<br>15+470   | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Phước<br>Tân<br>Hưng   | Châu<br>Thành | Long<br>An |
| 248 | <b>BẾN TÀI<br/>PHÁT ĐẠT</b>                    | CTy TNHH<br>MTV TM DV<br>Tài Phát Đạt                    | 110+051<br>đến<br>110+118 | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Tân<br>Thành           | Mộc<br>Hóa    | Long<br>An |
| 249 | <b>BẾN VLXD<br/>TÂN<br/>TRỌNG</b>              | HKD Nguyễn<br>Thị Kim Hà                                 | 127+534<br>đến<br>127+559 | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây | Bình<br>Hòa Tây        | Mộc<br>Hóa    | Long<br>An |
| 250 | <b>BẾN NGỌC<br/>PHƯƠNG<br/>NAM</b>             | CTy TNHH<br>TM Ngọc<br>Phương Nam                        | 46+345<br>đến<br>46+420   | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây | Bình An                | Thủ<br>Thừa   | Long<br>An |
| 251 | <b>BẾN VÕ<br/>NGUYỄN<br/>NGỌC<br/>PHÚC</b>     | Công ty TNHH<br>Võ Nguyễn<br>Ngọc Phúc                   | 38+431<br>đến<br>38+461   | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây | Phường<br>6            | TP.<br>Tân An | Long<br>An |
| 252 | <b>BẾN VLXD<br/>ÚT TÍNH</b>                    | Lê Văn Tính                                              | 112+695<br>đến<br>112+766 | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây | Bình<br>Hòa<br>Đông    | Mộc<br>Hóa    | Long<br>An |
| 253 | <b>BẾN<br/>PHƯƠNG<br/>ĐẠT II</b>               | Chi nhánh CTy<br>TNHH Phương<br>Đạt                      | 32+777<br>đến<br>32+847   | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây | Phường<br>5            | TP.<br>Tân An | Long<br>An |
| 254 | <b>BẾN KIM<br/>YẾN</b>                         | Hộ kinh doanh<br>Phạm Tấn Khôi                           | 95+076<br>đến<br>95+118   | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây | Thạnh<br>Phước         | Thạnh<br>Hóa  | Long<br>An |

|     |                                                    |                                                                |                           |      |                |                    |               |         |
|-----|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------|------|----------------|--------------------|---------------|---------|
| 255 | <b>BẾN HIỆP LỰC</b>                                | Cong ty TNHH LTTP Hiệp Lực                                     | 40+133<br>đến<br>40+204   | Phải | Vàm Cỏ Tây     | Lợi Bình Nhơn      | TP. Tân An    | Long An |
| 256 | <b>BẾN HUỖNH DƯ</b>                                | CN Công ty TNHH MTV Huỳnh Dư                                   | 21+234<br>đến<br>21+298   | Trái | Vàm Cỏ Tây     | TT Tân Trụ         | Tân Trụ       | Long An |
| 257 | <b>BẾN THÀNH PHÁT II</b>                           | Cty TNHH DV TM Mai Thành Phát                                  | 29+732<br>đến<br>29+818   | Phải | Vàm Cỏ Tây     | Bình Tâm           | TP. Tân An    | Long An |
| 258 | <b>BẾN IPLUS PRO VIỆT NAM</b>                      | Công ty TNHH Iplus Pro Việt Nam                                | 130+722<br>đến<br>130+813 | Phải | Vàm Cỏ Tây     | Tuyên Thạnh        | TX Kiến Tường | Long An |
| 259 | <b>BẾN NHÀ MÁY SX CẦU KIẾN BÊ TÔNG- THANH TUẤN</b> | CN CTy TNHH XD KS Công trình Thanh Tuấn- NM SX Cầu kiện betong | 40+910<br>đến<br>40+990   | Trái | Vàm Cỏ Tây     | Hướng Thọ Phú      | TP. Tân An    | Long An |
| 260 | <b>BẾN PHƯỚC TRIỀU</b>                             | CTy TNHH XD TM DV Phước Triều                                  | 83+275<br>đến<br>83+310,5 | Phải | Vàm Cỏ Tây     | Thủy Đông          | Thạnh Hóa     | Long An |
| 261 | <b>BẾN THÀNH NHƠN</b>                              | Ông Nguyễn Hữu Lợi                                             | 83+619<br>đến<br>83+690   | Trái | Vàm Cỏ Tây     | Thuận Nghĩa Hòa    | Thạnh Hóa     | Long An |
| 262 | <b>BẾN NGUYỄN HỒNG THẢO</b>                        | Ông Nguyễn Hồng Thảo                                           | 02+925<br>đến<br>02+959   | Trái | Tháp Mười Số 2 | Lợi Bình Nhơn      | TP. Tân An    | Long An |
| 263 | <b>BẾN XUẤT NHẬP HÀNG HÓA DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC</b>      | Chi cục Dự trữ Nhà nước Long An                                | 14+692<br>đến<br>14+771   | Trái | Tháp mười số 1 | Thị trấn Tân Thạnh | Tân Thạnh     | Long An |
| 264 | <b>LƯƠNG THỰC SỐ I</b>                             | Cty CP Lương thực Long An                                      | 33+050<br>đến<br>33+170   | Trái | Vàm Cỏ Tây     | Phường 5           | TP. Tân An    | Long An |

|     |                                          |                                                   |                         |      |                      |                          |                       |            |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------|------|----------------------|--------------------------|-----------------------|------------|
| 265 | <b>THU<br/>TRƯỜNG<br/>THỊNH</b>          | Công ty TNHH<br>Thu Trường<br>Thịnh               | 1+143<br>đến 1+261      | Phải | Tháp<br>Mười<br>Số 2 | Mỹ Phú                   | Thủ<br>Thừa           | Long<br>An |
| 266 | <b>VLXD<br/>PHƯỚC<br/>SANG</b>           | Công ty TNHH<br>MTV Phước<br>Sang                 | 17+740<br>đến<br>17+780 | Trái | Tháp<br>Mười<br>Số 1 | Thị trấn<br>Tân<br>Thạnh | Tân<br>Thạnh          | Long<br>An |
| 267 | <b>Bến Công<br/>Ty TNHH<br/>Dương Vũ</b> | Công ty TNHH<br>Dương Vũ                          | 37+259<br>đến<br>37+308 | Trái | Vàm<br>Cỏ Tây        | Xã<br>Hương<br>Thọ Phú   | TP.<br>Tân An         | Long<br>An |
| 268 | <b>BẾN TÀU<br/>TÂN AN</b>                | Công ty Cổ<br>phần Tổ chức<br>sự kiện Việt<br>Nam | 33+970<br>đến<br>34+020 | Phải | Vàm<br>Cỏ Tây        | Phường<br>1              | TP.<br>Tân An         | Long<br>An |
| 269 | <b>Bến Tân<br/>Thạnh An</b>              | Công ty TNHH<br>Tân Thạnh An                      | 44+574<br>đến 44+650    | Trái | Vàm Cỏ<br>Tây        | Xã Bình<br>Thạnh         | Huyện<br>Thủ<br>Thừa  | Long<br>An |
| 270 | <b>Bến Tấn Hiệp<br/>II</b>               | Công ty TNHH<br>MTV Huỳnh Tấn<br>Hiệp             | 29+900<br>đến 29+940    | Phải | Vàm Cỏ<br>Tây        | Xã Bình<br>Tâm           | TP.<br>Tân An         | Long<br>An |
| 271 | <b>Bến Ánh<br/>Tuyết II</b>              | Công ty TNHH<br>Ánh Tuyết                         | 59+120<br>đến 59+244    | Phải | Vàm Cỏ<br>Tây        | Xã Tân<br>Đông           | Huyện<br>Thạnh<br>Hóa | Long<br>An |
| 272 | <b>Bến Trương<br/>Hoàng Phúc</b>         | Công ty TNHH<br>XD-TM Trương<br>Hoàng Phúc        | 37+527<br>đến 37+577    | Trái | Vàm Cỏ<br>Tây        | Xã<br>Hương<br>Thọ Phú   | TP.<br>Tân An         | Long<br>An |

|     |                                                 |                                     |                                                                                 |      |            |               |                |          |
|-----|-------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------|------------|---------------|----------------|----------|
| 273 | <b>Bến Thanh Nhàn</b>                           | Công ty TNHH Thanh Nhàn             | 31+988 đến 32+070                                                               | Phải | Vàm Cỏ Tây | Phường 3      | TP. Tân An     | Long An  |
| 274 | <b>Bến Thương mại dịch vụ Hoàn Lộc</b>          | Công ty CP thương mại dịch vụ Hoàn  | 40+400 đến 40+510                                                               | Trái | Vàm Cỏ Tây | Hướng Thợ Phú | TP. Tân An     | Long An  |
| 275 | <b>Bến Thành Tín</b>                            | Công ty TNHH xăng dầu Quý Thành Tín | 46+400 đến 46+420                                                               | Phải | Vàm Cỏ Tây | Mỹ Phú        | Huyện Thủ Thừa | Long An  |
| 276 | <b>Bến Thành tài</b>                            | HKD Thành Tài                       | 5+186 đến 5+218.9                                                               | Trái | Vàm Cỏ Tây | Nhựt Ninh     | Huyện Tân Trụ  | Long An  |
| 277 | <b>BẾN BÃI TẬP KẾT CÁT VLXD SỐ 2, MINH HƯNG</b> | DNTN cát, đá, sỏi Minh Hưng         | 117+440 đến 117+500 (M1(X:12 37180.4; Y:596542.2), M2(X:123 7189.9; Y:596493.1) | Phải | Sài Gòn    | Đôn Thuận     | Trảng Bàng     | Tây Ninh |
| 278 | <b>BẾN ANH DUY (QUỐC HÙNG II)</b>               | Công ty TNHH MTV TM XD VT Anh Duy   | 79+405 đến 79+485 (A(1.224.068,68; 584.601,61); B(1.224.026,50;584.669,58)      | Phải | Sài Gòn    | Nhuận Đức     | Củ Chi         | Tp.HC M  |

|     |                                   |                                                          |                                                                                             |      |         |             |            |            |
|-----|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|-------------|------------|------------|
| 279 | <b>BẾN BA ĐÌNH</b>                | CN - Công ty CPĐT và Xây dựng Ba Đình                    | 109+865 đến 109+965( Toạ độ: C(123582 6,2660,57 4185,3950 ); D(123589 8,3269,57 4116,0609 ) | Trái | Sài Gòn | Thanh An    | Dầu Tiếng  | Bình Dương |
| 280 | <b>BẾN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC</b> | Chi nhánh Bình Dương - Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức | 73+158 đến 73+228                                                                           | Trái | Sài Gòn | An Tây      | Bến Cát    | Bình Dương |
| 281 | <b>BẾN BT TÂY NINH</b>            | Cty Cổ phần Bê tông Tây Ninh                             | km 104+058 đến km 104+118 (M1(X:12 40574.70; Y:596056.78), M4(X:124 0542.21; Y:596107.21)   | Phải | Sài Gòn | Đôn Thuận   | Trảng Bàng | Tây Ninh   |
| 282 | <b>BẾN DUỘC</b>                   | Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi                       | 101+800 đến 101+950 (A(1.232.882,38; 577.189,08) và (B(1.232.872,44; 577.189,64)            | Phải | Sài Gòn | Phú Mỹ Hưng | Củ Chi     | Tp.HC M    |

|     |                            |                                                                     |                                                                                    |      |         |           |                 |          |
|-----|----------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|-----------|-----------------|----------|
| 283 | <b>BẾN ĐÌNH</b>            | Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi                                  | 78+660 đến 78+710 (A(1.223.550,01; 585.067,95) và B(1.223.540,77; 585.071,51)      | Phải | Sài Gòn | Nhuận Đức | Củ Chi          | Tp.HC M  |
| 284 | <b>BẾN ĐỨC VƯƠNG</b>       | Chi nhánh - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Đức Thành Vinh | 78+464 đến 78+540 (1.223.390,70; 585.104,95); 1.223.320,05; 585.134,27)            | Phải | Sài Gòn | Nhuận Đức | Củ Chi          | Tp.HC M  |
| 285 | <b>BẾN HẢO HƯƠNG</b>       | Chi nhánh Cty TNHH Hảo Hương - Phân xưởng Hảo Hương                 | 43+986 đến 44+031 (K1(1.206.652,319; 602.534,769); K2(1.206.641,739; 602.538,961)) | Phải | Sài Gòn | Nhi Bình  | Hóc Môn         | Tp.HC M  |
| 286 | <b>BẾN HOÀNG NGUYỄN SA</b> | Công ty Cổ phần XD SX TM Hoàng Nguyễn Sa                            | 112+487 đến 112+555 A(X:1244 438.70; Y:592800.64), B(X:1244 486.68; Y:592848.83)   | Phải | Sài Gòn | Bến Củi   | Dương Minh Châu | Tây Ninh |

|     |                                                                 |                                                             |                                                                                                                                     |      |         |               |                    |               |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|---------------|--------------------|---------------|
| 287 | <b>BẾN<br/>HUỖNH<br/>NGỌC<br/>(HUNG<br/>THUẬN)</b>              | Nguyễn Thị<br>Thu Giàu (Vật<br>liệu xây dựng<br>Huỳnh Ngọc) | 106+370<br>đến<br>106+450(<br>M1(x:123<br>2060,3;y:6<br>02192,3),<br>M2(x:123<br>2091,0;y:6<br>02126,1)                             | Phải | Sài Gòn | Hung<br>Thuận | Trảng<br>Bàng      | Tây<br>Ninh   |
| 288 | <b>BẾN KIM<br/>ĐẠI<br/>THÔNG</b>                                | Công ty TNHH<br>MTV Kim Đại<br>Thông                        | 46+042<br>đến<br>46+200                                                                                                             | Trái | Sài Gòn | An Sơn        | Tp.<br>Thuận<br>An | Bình<br>Dương |
| 289 | <b>BẾN KIM<br/>HỎA<br/>(KHÁCH<br/>CÁ KOI<br/>HẢI<br/>THANH)</b> | Công ty Cổ<br>phần Kim Hỏa                                  | 61+120<br>đến<br>61+165(to<br>ạ độ<br>VN2000:<br>(1.217.231<br>,28;<br>594.884,0<br>6) và<br>(1.217.274<br>,09;<br>594.870,3<br>2)) | Phải | Sài Gòn | Trung<br>An   | Củ Chi             | Tp.HC<br>M    |

|     |                                        |                                                                           |                                                                                                                    |      |         |                    |                          |               |
|-----|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|--------------------|--------------------------|---------------|
| 290 | <b>BẾN KHU<br/>DU LỊCH<br/>BÌNH MỸ</b> | Cty TNHH vui<br>chơi giải trí du<br>lịch sinh thái<br>ven sông Bình<br>Mỹ | km<br>53+070<br>đến km<br>53+160<br>(1.212.501<br>,39;<br>597.985,5<br>8) và (1.212.414,<br>62;<br>598.009,4<br>9) | Phải | Sài Gòn | Bình<br>Mỹ         | Củ Chi                   | Tp.HC<br>M    |
| 291 | <b>BẾN PHÚ<br/>THUẬN<br/>HÒA</b>       | DNTN Thương<br>mại Dịch vụ<br>Phú Thuận Hòa                               | 75+985<br>đến<br>76+015<br>(1.221.579<br>,03;<br>587.305,8<br>8);<br>1.221.584,<br>52;<br>587.267,1<br>4)          | Phải | Sài Gòn | Phú<br>Hòa<br>Đông | Củ Chi                   | Tp.HC<br>M    |
| 292 | <b>BẾN QUÂN<br/>ĐOÀN 4</b>             | Cục Hậu cần -<br>Quân đoàn 4                                              | km25+380<br>đến<br>km25+410<br>( toạ độ:<br>10,894716<br>,106,6951<br>28)                                          | Trái | Sài Gòn | Lái<br>Thiêu       | Tp.<br>Thuận<br>An       | Bình<br>Dương |
| 293 | <b>BẾN<br/>TIAMO<br/>PHÚ THỊNH</b>     | Cty CP XD Tư<br>Vấn Đầu Tư<br>Bình Dương                                  | Km<br>34+801<br>đến Km<br>34+831<br>(toạ độ:<br>10,950453<br>,<br>106,65319<br>2)                                  | Trái | Sài Gòn | P.Phú<br>Thọ       | TP.<br>Thủ<br>Đầu<br>Mộc | Bình<br>Dương |

|     |                                                          |                                              |                                                                                                                                                                                                    |      |         |             |                          |               |
|-----|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|-------------|--------------------------|---------------|
| 294 | <b>BẾN TNĐ<br/>THI CÔNG<br/>DỰ ÁN<br/>VÀNH ĐAI<br/>3</b> | Cty cổ phần<br>xây dựng hà<br>tầng Đại Phong | Km52+58<br>0 đến<br>Km58+64<br>7<br>(Đ1:209.4<br>68,91;<br>598.096,9<br>9);<br>(Đ2:1.209<br>821,76;59<br>8.088,18)<br>(Đ3:1.209.<br>819,96;59<br>8.116,06)<br>(Đ4:1.209.<br>475,76;59<br>8.129,11) | Phải | Sài Gòn | Bình<br>Mỹ  | Huyện<br>Củ Chi          | Tp.HC<br>M    |
| 295 | <b>BẾN TỔNG<br/>KHO<br/>XĂNG DẦU<br/>CHÁNH MỸ</b>        | Tổng công ty<br>TM XNK<br>Thanh Lễ-CTCP      | Km39+00<br>9-<br>km39+115<br>(X10,9808<br>06,Y1064<br>1106;<br>10,x98236<br>8,Y106,64<br>2066)                                                                                                     | Trái | Sài Gòn | Chánh<br>Mỹ | TP.<br>Thủ<br>Dầu<br>Một | Bình<br>Dương |
| 296 | <b>BẾN TÚ TÚ<br/>- HOÀ PHÚ</b>                           | Công ty TNHH<br>thương mại<br>dịch vụ Tú Tú  | 58+265<br>đến<br>58+303(1.<br>214.832,1<br>4;<br>595.020,4<br>9);<br>(1.214.795<br>,06;595.02<br>5,33)                                                                                             | Phải | Sài Gòn | Hòa Phú     | Củ Chi                   | Tp.HC<br>M    |

|     |                                      |                                                                        |                                                                                                                 |      |         |                 |                    |               |
|-----|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|-----------------|--------------------|---------------|
| 297 | <b>BẾN TÚ TÚ<br/>- NHUẬN<br/>ĐỨC</b> | Công ty TNHH<br>thương mại<br>dịch vụ Tú Tú                            | 75+815<br>đến<br>75+846,7<br>(1.214.832<br>,14;595.02<br>0,49);<br>(1.214.795<br>,06;<br>595.035,3<br>3)        | Phải | Sài Gòn | Nhuận<br>Đức    | Củ Chi             | Tp.HC<br>M    |
| 298 | <b>BẾN<br/>THANH LỄ</b>              | Tổng công ty<br>TM XNK<br>Thanh Lễ-CTCP                                | 47+710<br>đến<br>48+280                                                                                         | Trái | Sài Gòn | An Sơn          | Tp.<br>Thuận<br>An | Bình<br>Dương |
| 299 | <b>BẾN<br/>THÀNH<br/>TRUNG</b>       | CTY TNHH<br>Thành Trung<br>Tây Ninh                                    | 95+292<br>đến<br>95+372<br>(A(X:123<br>5817.58;<br>Y:599567.<br>20),<br>B(X:1235<br>822.60;<br>Y:599647.<br>05) | Phải | Sài Gòn | Hung<br>Thuận   | Trảng<br>Bàng      | Tây<br>Ninh   |
| 300 | <b>BẾN<br/>THIÊN<br/>SINH</b>        | Công ty cổ<br>phần Thiên Sinh                                          | 68+335<br>đến<br>68+535                                                                                         | Trái | Sài Gòn | An Tây          | Bến<br>Cát         | Bình<br>Dương |
| 301 | <b>BẾN THỌ<br/>AN</b>                | Công ty Trách<br>nhiệm hữu hạn<br>Đầu tư Xây<br>dựng Dịch vụ<br>Thọ An | 38+880<br>đến<br>38+905                                                                                         | Trái | Sài Gòn | P. Vĩnh<br>Phú  | Tp.<br>Thuận<br>An | Bình<br>Dương |
| 302 | <b>BẾN TRẠM<br/>BƠM BA<br/>GIA</b>   | Cty TNHH<br>MTV<br>QLKTDV Thủy<br>lợi TPHCM                            | 75+685<br>đến<br>75+725<br>(A(1.221.<br>596,30;<br>587.191,6<br>9);<br>B(1.221.5<br>89,95;<br>587.232,1<br>8))  | Phải | Sài Gòn | Phạm<br>Văn Cội | Củ Chi             | Tp.HC<br>M    |

|     |                                                 |                                                                                 |                                                                                                                           |      |         |                    |                    |               |
|-----|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|--------------------|--------------------|---------------|
| 303 | <b>BẾN<br/>TRỊNH GIA<br/>( NGỌC<br/>HÂN CỬ)</b> | Chi nhánh công<br>ty Trách nhiệm<br>hữu hạn TM<br>Dịch vụ Xây<br>dựng Trịnh Gia | Km<br>58+646<br>đến Km<br>58+716(<br>A(1.221.5<br>53,16;<br>587.467,7<br>4) và<br>B(1.221.5<br>52,39;<br>587.537,7<br>4)  | Phải | Sài Gòn | Phú<br>Hòa<br>Đông | Củ Chi             | Tp.HC<br>M    |
| 304 | <b>BẾN<br/>TRƯỜNG<br/>ĐẠT</b>                   | DNTN Trường<br>Đạt                                                              | 105+100<br>đến<br>105+200(<br>M1(X:123<br>1962.0;Y:<br>602377.1),<br><br>M2(X:123<br>2003.6;Y:<br>602297.6)<br>)          | Phải | Sài Gòn | Hưng<br>Thuận      | Trảng<br>Bàng      | Tây<br>Ninh   |
| 305 | <b>BẾN VÂN<br/>TRÚC</b>                         | Cty TNHH TM<br>DV Vân Trúc                                                      | 23+415<br>đến<br>23+544.96<br>( toạ độ(<br>1203252.6<br>956,<br>602717.52<br>66;<br>123355.07<br>98,<br>602637.48<br>24)) | Trái | Sài Gòn | P. Vĩnh<br>Phú     | Tp.<br>Thuận<br>An | Bình<br>Dương |

|     |                           |                |                                                                                                                   |      |         |               |               |             |
|-----|---------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|---------------|---------------|-------------|
| 306 | <b>BẾN VĨNH<br/>THUẬN</b> | ông Lê Văn Quý | 103+935<br>đến<br>104+035<br>( M1(X:<br>1231601.8<br>;Y:603198<br>.2),<br>M2(X:123<br>1622.2;<br>Y:603312.<br>1)) | Phải | Sài Gòn | Hung<br>Thuận | Trảng<br>Bàng | Tây<br>Ninh |
|-----|---------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|---------------|---------------|-------------|

|     |                              |                                       |                                                                                                                                                           |      |         |              |                 |            |
|-----|------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|--------------|-----------------|------------|
| 307 | <b>BẾN VLXD ĐỒNG TÂM</b>     | Cty TNHH HTV TM-XD-SX Đồng Đồng Tâm   | 74+855 đến 74+913 và 74+925 đến 75+055 ((1.221.559,22; 587.891,52); (1.221.535,95; 588.019,44)); ((1.221.526,61; 588.088,85); (1.221.534,00; 588.031,28)) | Phải | Sài Gòn | Phú Hòa Đông | Củ Chi          | Tp.HC M    |
| 308 | <b>BÊN VLXD ĐỨC VINH</b>     | HỘ KINH DOANH ĐỨC VINH                | 61+208 đến 61+258                                                                                                                                         | Phải | Sài Gòn | Nhuận Đức    | Củ Chi          | Tp.HC M    |
| 309 | <b>CẢNG TND AN SƠN</b>       | Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ-CTCP     | 47+050 đến 47+187                                                                                                                                         | Trái | Sài Gòn | An Sơn       | Tp. Thuận An    | Bình Dương |
| 310 | <b>CẢNG TND BÀ LỰA</b>       | Cảng vụ đường thủy nội địa Bình Dương | 51+500 đến 51+584                                                                                                                                         | Trái | Sài Gòn | P.Phú Thọ    | TP. Thủ Dầu Một | Bình Dương |
| 311 | <b>CẢNG TND THẾ GIỚI NHÀ</b> | Công ty CP VLXD Thế Giới Nhà          | 109+480 đến 109+556                                                                                                                                       | Trái | Sài Gòn | Thanh Tuyên  | Dầu Tiếng       | Bình Dương |

|     |                                           |                                                         |                                                                                                                                   |      |                   |                |               |             |
|-----|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------------|----------------|---------------|-------------|
| 312 | <b>BẾN<br/>TRƯỜNG<br/>ĐẠT 2</b>           | Doanh nghiệp<br>tư nhân Trường<br>Đạt                   | M1(X:123<br>0782,97;<br>601525,87<br>);<br>M4(X:123<br>2710,Y39;<br>Y:601596,<br>68)                                              | Phải | Sài Gòn           | Hưng<br>Thuận  | Trảng<br>Bàng | Tây<br>Ninh |
| 313 | <b>HƯNG<br/>THUẬN-<br/>TRẢNG<br/>BÀNG</b> | Cty TNHH<br>SXTMDV<br>Huỳnh Ngân                        | Km104+6<br>45 đến<br>Km104+6<br>85;<br>M1(X:123<br>1841,058;<br>Y:602552,<br>106),<br>M4(X:123<br>4811,953;<br>Y:602579,<br>544l) | Phải | Sài Gòn           | Hưng<br>Thuận  | Trảng<br>Bàng | Tây<br>Ninh |
| 314 | <b>BẾN LỢI<br/>THÀNH<br/>PHÁT</b>         | Công ty TNHH<br>VLXD LỢI<br>THÀNH PHÁT                  | 100+690<br>đến<br>100+750                                                                                                         | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | TT. Gò<br>Dầu  | Gò<br>Dầu     | Tây<br>Ninh |
| 315 | <b>BẾN<br/>THANH<br/>PHƯỚC<br/>VRG</b>    | Công ty CP<br>Cảng và Dịch<br>vụ Logistics<br>VRG Thanh | 98+600<br>đến<br>98+750                                                                                                           | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thanh<br>Phước | Gò Dầu        | Tây<br>Ninh |
| 316 | <b>CẢNG TND<br/>THANH<br/>PHƯỚC</b>       | Công ty CP<br>Cảng và Dịch<br>vụ Logistics<br>VRG Thanh | 98+750<br>đến<br>98+827,2                                                                                                         | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thanh<br>Phước | Gò Dầu        | Tây<br>Ninh |
| 317 | <b>BẾN<br/>THANH<br/>PHƯỚC<br/>VRG 1</b>  | Công ty CP<br>Cảng và Dịch<br>vụ Logistics<br>VRG Thanh | 98+869<br>đến<br>99+025                                                                                                           | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Thanh<br>Phước | Gò Dầu        | Tây<br>Ninh |
| 318 | <b>BẾN LÁ</b>                             | Doanh nghiệp<br>tư nhân Tùng<br>Thiên                   | 131+355<br>đến<br>131+455                                                                                                         | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Trường<br>Đông | Hòa<br>Thành  | Tây<br>Ninh |
| 319 | <b>BẾN LỘC<br/>AN KHANG</b>               | Công Ty<br>TNHH Lộc An<br>Khang                         | 131+260<br>đến<br>131+330                                                                                                         | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Trường<br>Đông | Hòa<br>Thành  | Tây<br>Ninh |
| 320 | <b>BẾN HÒA<br/>LỢI</b>                    | Doanh nghiệp<br>tư nhân Phê<br>Hòa Lợi                  | 132+636<br>đến<br>132+670                                                                                                         | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Trường<br>Tây  | Hòa<br>Thành  | Tây<br>Ninh |

|     |                                                          |                                                               |                             |      |                   |                      |              |             |
|-----|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------|------|-------------------|----------------------|--------------|-------------|
| 321 | <b>BẾN<br/>THÀNH<br/>THÁI</b>                            | Doanh nghiệp<br>tư nhân Diễm<br>Thi                           | 133+508<br>đến<br>133+555   | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Trường<br>Tây        | Hòa<br>Thành | Tây<br>Ninh |
| 322 | <b>BẾN LONG<br/>VÂN</b>                                  | Công ty TNHH<br>TM Long Vân                                   | 133+688<br>đến<br>133+795   | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Trường<br>Tây        | Hòa<br>Thành | Tây<br>Ninh |
| 323 | <b>BẾN ĐỨC<br/>THÀNH</b>                                 | Công ty TNHH<br>TM - DV - SX -<br>Xuất nhập khẩu<br>Đức Thành | 133+795<br>đến<br>133+874   | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Trường<br>Tây        | Hòa<br>Thành | Tây<br>Ninh |
| 324 | <b>CẢNG<br/>KHO<br/>XĂNG DẦU<br/>VÀ LPG<br/>TÂY NINH</b> | Công ty cổ<br>phần xăng dầu<br>dầu khí Tây<br>Ninh            | 135+680<br>đến<br>135+740   | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Thành<br>Nam | Hòa<br>Thành | Tây<br>Ninh |
| 325 | <b>CẢNG TND<br/>FICO TÂY<br/>NINH</b>                    | Công ty cổ<br>phần Xi măng<br>FICO Tây Ninh                   | 135+785<br>đến<br>136+420   | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Thành<br>Nam | Hòa<br>Thành | Tây<br>Ninh |
| 326 | <b>CẢNG TND<br/>BẾN KÉO</b>                              | Công ty TNHH<br>MTV Mía<br>đường Tây Ninh                     | 136+355<br>đến<br>136+500   | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Long<br>Thành<br>Nam | Hòa<br>Thành | Tây<br>Ninh |
| 327 | <b>NGUYỄN<br/>THẮNG</b>                                  | Ông Nguyễn<br>Đại Thắng                                       | 131+265<br>đến<br>131+355   | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Trường<br>Đông       | Hòa<br>Thành | Tây<br>Ninh |
| 328 | <b>SÁU TÒNG</b>                                          | Ông Trần Quốc<br>Vương                                        | 122+420<br>đến<br>122+470   | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Tiên<br>Thuận        | Bến<br>Cầu   | Tây<br>Ninh |
| 329 | <b>NHÀ MÁY<br/>GẠO XUẤT<br/>KHẨU TÂY<br/>NINH</b>        | Công ty TNHH<br>MTV Mía<br>đường Tây Ninh                     | 104+535<br>đến<br>104+650   | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | An<br>Thạnh          | Bến<br>Cầu   | Tây<br>Ninh |
| 330 | <b>BẾN<br/>GIANG TÂN</b>                                 | Nguyễn Quốc<br>An                                             | 130+670<br>đến<br>130+715   | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Trường<br>Đông       | Hòa<br>Thành | Tây<br>Ninh |
| 331 | <b>BẾN TẤN<br/>TÀI 2</b>                                 | DNTN Phan<br>Tấn Tài                                          | 122 + 330<br>đến<br>122+385 | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Tiên<br>Thuận        | Bến<br>Cầu   | Tây<br>Ninh |
| 332 | <b>BẾN MINH<br/>TRUNG</b>                                | Công ty TNHH<br>Minh Trung                                    | 133 + 908<br>đến<br>133+956 | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông | Trường<br>Tây        | Hòa<br>Thành | Tây<br>Ninh |

|     |                                                                         |                                          |                                    |      |                      |                      |               |               |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------|------|----------------------|----------------------|---------------|---------------|
| 333 | <b>BẾN HẢI<br/>ĐĂNG<br/>KHOA</b>                                        | Doanh nghiệp<br>tư nhân Hải<br>Đăng Khoa | 122+020<br>đến<br>122+077          | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông    | Tiên<br>Thuận        | Bến<br>Cầu    | Tây<br>Ninh   |
| 334 | <b>BẾN<br/>THẠNH MỸ</b>                                                 | Nguyễn Thị Mỹ                            | 132+210<br>đến<br>132+234          | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông    | Trường<br>Đông       | Hòa<br>Thành  | Tây<br>Ninh   |
| 335 | <b>BẾN NGÂN<br/>THANH<br/>HƯNG</b>                                      | Cty TNHH<br>MTV Ngân<br>Thanh Hưng       | 134+071<br>đến<br>134+129          | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông    | Long<br>Thành<br>Nam | Hòa<br>Thành  | Tây<br>Ninh   |
| 336 | <b>BẾN KHẮC<br/>QUÂN</b>                                                | Trần Hải Khắc<br>Quân                    | 92+ 082<br>đến 92+<br>152          | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông    | Phước<br>Chỉ         | Trảng<br>Bàng | Tây<br>Ninh   |
| 337 | <b>BẾN SÂN<br/>LÚA 02</b>                                               | BÙI THANH<br>VIỆT                        | 110+155<br>đến<br>110+228          | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông    | Phước<br>Trạch       | Gò Dầu        | Tây<br>Ninh   |
| 338 | <b>BẾN VINH<br/>HIỂN</b>                                                | Cty TNHH<br>VLXD<br>Vinh Hiển            | 109+839<br>đến<br>109+899          | Trái | Vàm<br>Cỏ<br>Đông    | Phước<br>Trạch       | Gò Dầu        | Tây<br>Ninh   |
| 339 | <b>BẾN<br/>TRUYỀN<br/>THUYẾT</b>                                        | Nguyễn Truyền<br>Thuyết                  | 104+747<br>đến<br>104+781          | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông    | An<br>Thạnh          | Bến<br>Cầu    | Tây<br>Ninh   |
| 340 | <b>BẾN<br/>DƯƠNG<br/>ĐÔNG TN</b>                                        | Cty TNHH<br>Dương Đông<br>Tây Ninh       | Km<br>105+176<br>đến Km<br>105+256 | Phải | Vàm<br>Cỏ<br>Đông    | An<br>Thạnh          | Bến<br>Cầu    | Tây<br>Ninh   |
| 341 | <b>BẾN 4 TRÍ</b>                                                        | Công ty TNHH<br>4 Trí                    | 03+200<br>đến<br>03+266            | Trái | Kênh<br>28           | Đông<br>Hòa<br>Hiệp  | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 342 | <b>BẾN<br/>XUỞNG<br/>ĐÓNG TÀU<br/>NHỰT<br/>TRƯỜNG<br/>PHÚ<br/>PHONG</b> | Công ty TNHH<br>Nhựt Trường              | 84+410<br>đến<br>84+467,6          | Trái | Tiền                 | Phú<br>Phong         | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 343 | <b>BẾN CÔNG<br/>TY TNHH<br/>TÂN<br/>PHƯỚC<br/>TIỀN<br/>GIANG</b>        | CT TNHH Tân<br>Phước Tiền<br>Giang       | 16+946,5<br>đến<br>16+976          | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2 | Mỹ<br>Phước          | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |

|     |                                                                        |                                                        |                           |      |                              |                       |               |               |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------|------|------------------------------|-----------------------|---------------|---------------|
| 344 | <b>BẾN CÔNG<br/>TY TNHH<br/>TRƯƠNG<br/>LỘC</b>                         | Công ty TNHH<br>Xăng dầu Tân<br>Phước Lợi Hòa<br>Khánh | 84+544<br>đến<br>84+574   | Trái | Tiền                         | Kim<br>Sơn            | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 345 | <b>BẾN CƠ SỞ<br/>GỖ SÔNG<br/>TIỀN</b>                                  |                                                        | 124+774<br>đến<br>124+930 | Trái | Tiền                         | Hòa<br>Hưng           | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 346 | <b>BẾN CƠ SỞ<br/>SỬA CHỮA<br/>GHE<br/>XUÔNG<br/>NGUYỄN<br/>VĂN HẢI</b> | Nguyễn Văn Hải                                         | 06+217<br>đến<br>06+242,8 | Phải | Tháp<br>Mười<br>số 2         | Hưng<br>Thạnh         | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |
| 347 | <b>BẾN CỤM<br/>CN AN<br/>THẠNH</b>                                     | Công ty Phát<br>triển hạ tầng<br>các KCN Tiền          | 04+ 800<br>đến<br>04+892  | Trái | Kênh<br>28                   | Đông<br>Hòa<br>Hiệp   | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 348 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG BÁN<br/>LỄ XĂNG<br/>DẦU CHÂU<br/>THÀNH 7</b>       | Cty TNHH<br>TMDV Xăng<br>dầu Châu Thành                | 15+225<br>đến<br>15+275   | Phải | Kênh<br>Xáng<br>Long<br>Định | Phước<br>Lập          | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |
| 349 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>VLXD<br/>TUẤN HẢI</b>                          | Ông Trần Văn<br>Tựa                                    | 04+482<br>đến<br>04+533   | Phải | Rạch Lá                      | Thanh<br>Vĩnh<br>Đông | Châu<br>Thành | Long<br>An    |
| 350 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>CHÂU<br/>THÀNH 41</b>             | Công ty TNHH<br>MTV Thiên<br>Phú Phát                  | 77+830<br>đến<br>77+970   | Trái | Tiền                         | Song<br>Thuận         | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 351 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>ĐÔ<br/>NGUYỄN 1</b>               | DNTN Xăng<br>dầu Đô Nguyên                             | 10+696<br>đến<br>10+716   | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Hưng<br>Thạnh         | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |
| 352 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>ĐÔ<br/>NGUYỄN 2</b>               | DNTN Đô<br>Nguyên                                      | 16+916<br>đến<br>16+951   | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Mỹ<br>Phước           | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |

|     |                                                               |                                                    |                           |      |                      |                      |                  |               |
|-----|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------|------|----------------------|----------------------|------------------|---------------|
| 353 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>KIM DUNG</b>             | Công ty TNHH<br>XNK Kim Dung                       | 74+979<br>đến<br>75+101   | Phải | Tiền                 | Thới<br>Sơn          | Tp.<br>Mỹ<br>Tho | Tiền<br>Giang |
| 354 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>KIM<br/>PHUƠNG 4</b>     | Mai Kim<br>Nguyên                                  | 124+581<br>đến<br>124+631 | Trái | Tiền                 | Hòa<br>Hưng          | Cái Bè           | Tiền<br>Giang |
| 355 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>PHONG<br/>NAM</b>        | Chi nhánh Cty<br>CP XNK đầu tư<br>Phong Nam        | 19+000<br>đến<br>19+030   | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2 | Mỹ<br>Phước          | Tân<br>Phước     | Tiền<br>Giang |
| 356 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>SỐ 1 - NAM<br/>KHANG</b> | Cty TNHH<br>Xăng dầu Nam<br>Khang                  | 75+700<br>đến<br>75+745   | Phải | Tiền                 | Thới<br>Sơn          | Tp.<br>Mỹ<br>Tho | Tiền<br>Giang |
| 357 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>SỐ 12</b>                | Công ty CP<br>thương mại<br>dịch vụ Cái Bè         | 20+585<br>đến<br>20+617   | Phải | Kênh<br>28           | Mỹ<br>Trung          | Cái Bè           | Tiền<br>Giang |
| 358 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>SỐ 13</b>                | Công ty cổ<br>phần Thương<br>mại Dịch vụ<br>Cái Bè | 19+365<br>đến<br>19+400   | Trái | Kênh<br>28           | Mỹ<br>Trung          | Cái Bè           | Tiền<br>Giang |
| 359 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>SỐ 16</b>                | Công ty Cổ<br>Phần Thương<br>Mại Chợ Gạo           | 10+020<br>đến<br>10+058   | Phải | Kênh<br>Chợ<br>Gạo   | Tân<br>Thuận<br>Bình | Chợ<br>Gạo       | Tiền<br>Giang |
| 360 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>SỐ 4 KIM<br/>SƠN</b>     | Lê Thị Tươi                                        | 80+763<br>đến<br>80+805   | Trái | Tiền                 | Kim<br>Sơn           | Châu<br>Thành    | Tiền<br>Giang |
| 361 | <b>BẾN CỬA<br/>HÀNG<br/>XĂNG DẦU<br/>TUẤN ĐẠT</b>             | DNTN Tuấn<br>Đạt                                   | 05+720<br>đến<br>05+743   | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2 | Phú Mỹ               | Tân<br>Phước     | Tiền<br>Giang |
| 362 | <b>BẾN CH<br/>XĂNG DẦU<br/>SỐ 45</b>                          | Công ty Xăng<br>dầu Tiền Giang                     | 22+811<br>đến<br>22+841   | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2 | TT. Mỹ<br>Phước      | Tân<br>Phước     | Tiền<br>Giang |

|     |                                              |                                                         |                                                     |      |                              |                     |               |               |
|-----|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------|------------------------------|---------------------|---------------|---------------|
| 363 | <b>BẾN<br/>CHÍNH<br/>THIỆN</b>               | Trần Văn Chính                                          | 21+915<br>đến<br>21+932                             | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | TT. Mỹ<br>Phước     | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |
| 364 | <b>BẾN CHXD<br/>CHÂU<br/>THÀNH 3</b>         | Công ty TNHH<br>TMDV xăng<br>dầu Châu Thành             | 07+990<br>đến<br>08+020;<br>08+037<br>đến<br>08+137 | Trái | Kênh<br>Xáng<br>Long<br>Định | Long<br>Hưng        | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 365 | <b>BẾN<br/>DABACO<br/>TIỀN<br/>GIANG</b>     | Công ty TNHH<br>SX&TM Thiên<br>Phát                     | 79+331<br>đến<br>79+454.5                           | Trái | Tiền                         | Song<br>Thuận       | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 366 | <b>BẾN DNTN<br/>TRƯỜNG<br/>NHỰT</b>          | Công ty TNHH<br>Thảo Tuấn<br>Minh Hà                    | 83+507<br>đến<br>83+569                             | Trái | Tiền                         | Kim<br>Sơn          | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 367 | <b>BẾN ĐẠI<br/>PHƯỚC<br/>THÀNH</b>           | Công ty TNHH<br>TMXD Đại<br>Phước Thành                 | 15+704<br>đến<br>15+733.3                           | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Mỹ<br>Phước         | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |
| 368 | <b>BẾN ĐẠI<br/>THÀNH</b>                     | Công ty TNHH<br>Đại Thành                               | 00+516<br>đến<br>00+552                             | Phải | Kênh<br>Xáng<br>Long<br>Định | Song<br>Thuận       | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 369 | <b>BẾN ĐẠI<br/>THÀNH I</b>                   | Công ty TNHH<br>MTV Lê Thạch                            | 77+232<br>đến<br>77+361.5                           | Trái | Tiền                         | Song<br>Thuận       | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 370 | <b>BẾN ĐẠT<br/>ĐỨC<br/>THỊNH</b>             | Công ty TNHH<br>TMDV Đạt<br>Đức Thịnh                   | 03+715<br>đến<br>03+748                             | Phải | Kênh<br>28                   | Đông<br>Hòa<br>Hiệp | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 371 | <b>BẾN ĐỨC<br/>TÍN 1</b>                     | Nguyễn Thị<br>Bích Thủy                                 | 23+116<br>đến<br>23+136                             | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Mỹ<br>Phước         | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |
| 372 | <b>BẾN ĐỨC<br/>TÍN 2</b>                     | Nguyễn Thị<br>Bích Thủy                                 | 23+212<br>đến<br>23+260                             | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Mỹ<br>Phước         | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |
| 373 | <b>BẾN ĐỨC<br/>TÍN 3</b>                     | Nguyễn Thị<br>Bích Thủy                                 | 23+281<br>đến<br>23+313                             | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Mỹ<br>Phước         | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |
| 374 | <b>BẾN ĐỨC<br/>THỊNH</b>                     | Doanh nghiệp<br>tư nhân xay xát<br>Đức Thịnh            | 04+540<br>đến<br>04+574                             | Trái | Kênh<br>28                   | Đông<br>Hòa<br>Hiệp | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 375 | <b>BẾN<br/>FROZEN<br/>FOODS<br/>VIỆT NAM</b> | Chi nhánh<br>Công ty CPDK<br>Cửu Long tại<br>Tiền Giang | 76+545<br>đến<br>76+599                             | Trái | Tiền                         | Bình<br>Đức         | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |

|     |                                     |                                           |                            |      |                     |               |            |            |
|-----|-------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|------|---------------------|---------------|------------|------------|
| 376 | <b>BẾN HẢI LONG</b>                 | DNTN Hải Long                             | 05+705<br>đến<br>05+825    | Trái | Kênh 28             | Đông Hòa Hiệp | Cái Bè     | Tiền Giang |
| 377 | <b>BẾN HAI NGỌC</b>                 | Công ty TNHH Nhựt Trường                  | 82+799<br>đến<br>82+919    | Trái | Tiền                | Kim Sơn       | Châu Thành | Tiền Giang |
| 378 | <b>BẾN HÀNG HÓA HỒNG ĐỨC</b>        | Công ty TNHH XD Hồng Đức                  | 75+689<br>đến<br>75+754.64 | Trái | Tiền                | Bình Đức      | Châu Thành | Tiền Giang |
| 379 | <b>BẾN HĂNG NƯỚC MẮM HỒNG HƯƠNG</b> | DNTN Hồng Hương                           | 82+528<br>đến<br>82+556    | Trái | Tiền                | Bình Đức      | Châu Thành | Tiền Giang |
| 380 | <b>BẾN HĂNG NƯỚC MẮM VIỆT HƯƠNG</b> | Nguyễn Minh Thái                          | 74+000<br>đến<br>74+081    | Trái | Tiền                | Trung An      | Tp. Mỹ Tho | Tiền Giang |
| 381 | <b>BẾN HẠNH TÂN</b>                 | Hợp tác xã Rạch Gầm                       | 76+023<br>đến<br>76+055.2  | Trái | Tiền                | Bình Đức      | Châu Thành | Tiền Giang |
| 382 | <b>BẾN HÒA KHÁNH</b>                | DNTN Hòa Khánh                            | 13+430<br>đến<br>13+448    | Trái | Kênh 28             | Thiện Trung   | Cái Bè     | Tiền Giang |
| 383 | <b>BẾN HOÀNG PHƯƠNG 1</b>           | Công ty TNHH Hoàng Phương                 | 07+578<br>đến<br>07+621    | Trái | Kênh Xáng Long Định | Long Hưng     | Châu Thành | Tiền Giang |
| 384 | <b>BẾN HOÀNG PHƯƠNG 2</b>           | Công ty TNHH Hoàng Phương                 | 07+532<br>đến<br>07+558    | Trái | Kênh Xáng Long Định | Long Hưng     | Châu Thành | Tiền Giang |
| 385 | <b>BẾN HOÀNG PHƯƠNG 3</b>           | Công ty TNHH Hoàng Phương                 | 07+428<br>đến<br>07+479    | Trái | Kênh Xáng Long Định | Long Hưng     | Châu Thành | Tiền Giang |
| 386 | <b>BẾN HỒ HUY</b>                   | Công ty TNHH Hồ Huy                       | 17+620<br>đến<br>17+691    | Phải | Tháp mười số 2      | Mỹ Phước      | Tân Phước  | Tiền Giang |
| 387 | <b>BẾN HỒNG CHÂU</b>                | Doanh nghiệp tư nhân lương thực Hồng Châu | 04+714<br>đến<br>04+738    | Phải | Tháp mười số 2      | Phú Mỹ        | Tân Phước  | Tiền Giang |

|     |                                                         |                                                   |                             |      |                              |                      |               |               |
|-----|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------|------|------------------------------|----------------------|---------------|---------------|
| 388 | <b>BẾN HƯNG<br/>PHÚC<br/>THỊNH</b>                      | Hộ kinh doanh<br>lúa gạo Thắng<br>Tài             | 03+524<br>đến<br>03+600     | Trái | Kênh<br>28                   | Đông<br>Hòa<br>Hiệp  | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 389 | <b>BẾN KHO<br/>BÌNH ĐỨC<br/>1</b>                       | Công ty lương<br>thực Tiền Giang                  | 75+500<br>đến<br>75+579     | Trái | Tiền                         | Bình<br>Đức          | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 390 | <b>BẾN KHO<br/>BÌNH ĐỨC<br/>2</b>                       | Công ty Lương<br>Thực Tiền<br>Giang               | 74+612,1<br>đến<br>74+669   | Trái | Tiền                         | Bình<br>Đức          | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 391 | <b>BẾN KHO<br/>GẠO MỸ<br/>TUỜNG</b>                     | Công ty CP<br>Thủy sản Ngọc<br>Xuân               | 77+400<br>đến<br>77+501     | Trái | Tiền                         | Song<br>Thuận        | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 392 | <b>BẾN KHO<br/>MỸ<br/>PHƯỚC<br/>TÂY 1</b>               | Công ty lương<br>thực Tiền Giang                  | 32+610<br>đến<br>32+780     | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Mỹ<br>Phước<br>Tây   | Cai Lậy       | Tiền<br>Giang |
| 393 | <b>BẾN KHO<br/>XD BÌNH<br/>ĐỨC -<br/>HỒNG ĐỨC</b>       | CN Công ty<br>TNHH CK<br>Frozen Foods<br>Việt Nam | 76+500<br>đến<br>76+575     | Trái | Tiền                         | Bình<br>Đức          | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 394 | <b>BẾN KHO-<br/>BÃI BÊ<br/>TÔNG<br/>NHẬT<br/>VIỆT 1</b> | Doanh nghiệp<br>tư nhân Tùng<br>Quân              | 81+017<br>đến<br>81+114     | Trái | Tiền                         | Kim<br>Sơn           | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 395 | <b>BẾN KHO-<br/>BÃI BÊ<br/>TÔNG<br/>NHẬT<br/>VIỆT 2</b> | Công ty TNHH<br>Một thành viên<br>Thiên Hộ        | 82+952<br>đến<br>83+070     | Trái | Tiền                         | Kim<br>Sơn           | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 396 | <b>BẾN<br/>KHUÔNG<br/>HỮU</b>                           | Công ty TNHH<br>Khương Hữu                        | 00+792<br>đến<br>00+819     | Phải | Kênh<br>Xáng<br>Long<br>Định | Song<br>Thuận        | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 397 | <b>BẾN LÊ<br/>KIM LAN</b>                               | Lê Kim Lan                                        | 01+135<br>đến<br>01+175     | Phải | Rạch<br>Kỳ Hôn               | Long<br>Bình<br>Điền | Chợ<br>Gạo    | Tiền<br>Giang |
| 398 | <b>BẾN LÒ<br/>SẤY LỢI<br/>CHẰNG</b>                     | Bà Ngô Thị Lợi                                    | 43+511,5<br>đến<br>43+547,5 | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Hậu<br>Mỹ Bắc<br>B   | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |

|     |                                                          |                                                 |                            |      |                      |                     |               |               |
|-----|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------|------|----------------------|---------------------|---------------|---------------|
| 399 | <b>BẾN LÒ<br/>SẤY LÚA<br/>NẾP<br/>THANH<br/>MAI</b>      | Bà Trần Thị<br>Nghiem                           | 22+819<br>đến<br>22+589    | Trái | Tháp<br>mười<br>số 2 | Phước<br>Lập        | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |
| 400 | <b>BẾN LONG<br/>NẾP 1</b>                                | Doanh nghiệp<br>tư nhân Long<br>Nếp             | 08+983<br>đến<br>09+030    | Trái | Kênh<br>28           | Hậu<br>Thành        | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 401 | <b>BẾN LONG<br/>PHI NHÌ</b>                              | Công ty TNHH<br>Long Phi Nhi                    | 03+844<br>đến<br>03+873    | Trái | Kênh<br>28           | Đông<br>Hòa<br>Hiệp | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 402 | <b>BẾN<br/>LƯƠNG<br/>THỰC<br/>NAM<br/>THÀNH</b>          | Công ty TNHH<br>MTV Lương<br>thực Nam<br>Thành  | 74+980<br>đến<br>75+010    | Trái | Tiền                 | Bình<br>Đức         | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 403 | <b>BẾN MAI<br/>KIM LONG</b>                              | DNTN Mai<br>Kim Long                            | 04+980<br>đến<br>05+033.47 | Trái | Kênh<br>28           | Đông<br>Hòa<br>Hiệp | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 404 | <b>BẾN MINH<br/>TRÍ I</b>                                | Cty TNHH<br>Thương Mại -<br>Dịch Vụ Minh<br>Trí | 02+296<br>đến<br>02+386.2  | Trái | Rạch<br>Kỷ Hôn       | Xuân<br>Đông        | Chợ<br>Gạo    | Tiền<br>Giang |
| 405 | <b>BẾN NM<br/>LAU BÓNG<br/>GẠO<br/>PHƯỚC<br/>ĐẠT II</b>  | Công ty Trách<br>nhiệm hữu hạn<br>Phước Đạt     | 74+856<br>đến<br>74+918    | Trái | Tiền                 | Bình<br>Đức         | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 406 | <b>BẾN NÔNG<br/>SẢN THỰC<br/>PHẨM<br/>TIỀN<br/>GIANG</b> | Chi nhánh<br>DNTN Xăng<br>dầu Kim<br>Phượng     | 123+100<br>đến<br>123+452  | Trái | Tiền                 | Hòa<br>Hưng         | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 407 | <b>BẾN NƯỚC<br/>MẮM<br/>TRUNG<br/>PHÁT</b>               | Công ty TNHH<br>MTV Đại Tấn<br>Tài              | 81+114<br>đến<br>81+222,5  | Trái | Tiền                 | Kim<br>Sơn          | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 408 | <b>BẾN NGỌC<br/>HÀ</b>                                   | Công ty TNHH<br>MTV Hai Ngọc                    | 82+434,1<br>đến<br>82+529  | Trái | Tiền                 | Kim<br>Sơn          | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |

|     |                                              |                                                                 |                              |      |                     |               |             |            |
|-----|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------|------|---------------------|---------------|-------------|------------|
| 409 | <b>BẾN NGỌC XUÂN</b>                         | Công ty TNHH MTV Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | 77+538<br>đến<br>77+589,49   | Trái | Tiền                | Song Thuận    | Châu Thành  | Tiền Giang |
| 410 | <b>BẾN NGUYỄN THỊ THU VÂN</b>                | Nguyễn Thị Thu Vân                                              | 13+235<br>đến<br>13+260      | Phải | Kênh Xáng Long Định | Phước Lập     | Tân Phước   | Tiền Giang |
| 411 | <b>BẾN NHÀ MÁY GẠO ĐỨC TÀI 2</b>             | Công ty TNHH MTV TMDV Đức Tài Tiền Giang                        | 04+290,7<br>đến<br>04+332,07 | Trái | Kênh 28             | Đông Hòa Hiệp | Cái Bè      | Tiền Giang |
| 412 | <b>BẾN NHÀ MÁY LAU GẠO ĐẠI HÙNG</b>          | Cty TNHH HONGAI 1949 Việt Nam                                   | 75+899<br>đến<br>75+985      | Trái | Tiền                | Bình Đức      | Châu Thành  | Tiền Giang |
| 413 | <b>BẾN NHỰT TÂN</b>                          | Công Ty TNHH MTV Nhựt Tân                                       | 46+779<br>đến<br>46+829,6    | Phải | Tháp mười số 2      | Hậu Mỹ Bắc B  | Cái Bè      | Tiền Giang |
| 414 | <b>BẾN PETROLIM EX- CỬA HÀNG XĂNG DẦU 43</b> | Cty xăng dầu Tiền Giang                                         | 09+700<br>đến<br>09+754      | Trái | Rạch Lá             | Đồng Sơn      | Gò Công Tây | Tiền Giang |
| 415 | <b>BẾN PHƯỚC ĐẠT</b>                         | Công ty TNHH Hữu Biên                                           | 80+689<br>đến<br>80+799      | Trái | Tiền                | Song Thuận    | Châu Thành  | Tiền Giang |
| 416 | <b>BẾN PHƯỚC LỘC THIÊN HỘ</b>                | Công ty TNHH MTV Phước Lộc Thiên Hộ                             | 46+410<br>đến<br>46+461      | Phải | Tháp mười số 2      | Hậu Mỹ Bắc B  | Cái Bè      | Tiền Giang |
| 417 | <b>BẾN PHƯỚC THÀNH 2-CS3</b>                 | Công ty TNHH Phước Thành 2                                      | 7+891<br>đến<br>7+930,1      | Trái | Kênh Xáng Long Định | Long Hưng     | Châu Thành  | Tiền Giang |
| 418 | <b>BẾN PHƯỚC THÀNH 3-TG</b>                  | Công ty TNHH MTV Phước Thành 3-TG                               | 05+662<br>đến<br>05+700      | Trái | Kênh 28             | Đông Hòa Hiệp | Cái Bè      | Tiền Giang |

|     |                               |                                                            |                             |      |                |                 |            |            |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------|------|----------------|-----------------|------------|------------|
| 419 | <b>BẾN RẠCH GÀM</b>           | CTY CỔ PHẦN TM DẦU KHÍ THUẬN TIẾN                          | 76+215<br>đến<br>76+330     | Trái | Tiền           | Bình Đức        | Châu Thành | Tiền Giang |
| 420 | <b>BẾN RVAC</b>               | Công ty TNHH SX&TM RVAC                                    | 19+974,2<br>đến<br>19+007,2 | Phải | Tháp mười số 2 | Mỹ Phước        | Tân Phước  | Tiền Giang |
| 421 | <b>BẾN SONG THÀNH PHÁT</b>    | DNTN Lương thực Song Thành Phát                            | 03+965<br>đến<br>04+019     | Trái | Kênh 28        | Đông Hòa Hiệp   | Cái Bè     | Tiền Giang |
| 422 | <b>BẾN TÀU DU LỊCH CÁI BÈ</b> | TTVH-Thể thao & Truyền Thanh huyện Cái bè                  | 0+302<br>đến<br>0+322.7     | Phải | Kênh 28        | TT. Cái Bè      | Cái Bè     | Tiền Giang |
| 423 | <b>BẾN TÂN BÌNH AN</b>        | Công ty TNHH Phước Đạt                                     | 79+454,5<br>đến<br>79+503   | Trái | Tiền           | Song Thuận      | Châu Thành | Tiền Giang |
| 424 | <b>BẾN TÂN ĐẠT</b>            | Chi nhánh Công ty TNHH Tấn Đạt-Cửa hàng xăng dầu Tấn Đạt 1 | 01+435<br>đến<br>01+515     | Phải | Rạch Lá        | Thanh Vĩnh Đông | Châu Thành | Long An    |
| 425 | <b>BẾN TÂN ĐẠT TG</b>         | Công ty TNHH TM DV Tấn Đạt TG                              | 03+562<br>đến<br>03+599     | Phải | Kênh 28        | Đông Hòa Hiệp   | Cái Bè     | Tiền Giang |
| 426 | <b>BẾN TÂN THUẬN PHÁT</b>     | Lê Thanh Hùng                                              | 21+335<br>đến<br>21+359.5   | Phải | Tháp mười số 2 | TT Mỹ Phước     | Tân Phước  | Tiền Giang |
| 427 | <b>BẾN TÂN THUẬN THÀNH</b>    | Công ty TNHH MTV SX-TM-DV Tân Thuận Thành                  | 03+650<br>đến<br>03+714     | Trái | Kênh 28        | Đông Hòa Hiệp   | Cái Bè     | Tiền Giang |
| 428 | <b>BẾN TIẾN PHÁT</b>          | Công ty TNHH Hữu Biên                                      | 82+650<br>đến<br>82+699,2   | Trái | Tiền           | Kim Sơn         | Châu Thành | Tiền Giang |
| 429 | <b>BẾN TIẾN THỊNH</b>         | DNTN Tiến Thịnh                                            | 22+547<br>đến<br>22+565     | Phải | Tháp mười số 2 | TT. Mỹ Phước    | Tân Phước  | Tiền Giang |

|     |                                                  |                                                       |                           |      |                              |                      |                  |               |
|-----|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------|------|------------------------------|----------------------|------------------|---------------|
| 430 | <b>BẾN<br/>THANH<br/>HỒNG II</b>                 | Công ty TNHH<br>TM-DV Thanh<br>Hồng                   | 07+430<br>đến<br>07+465   | Trái | Kênh<br>28                   | Hậu<br>Thành         | Cái Bè           | Tiền<br>Giang |
| 431 | <b>BẾN TND<br/>HTX Vận<br/>tải Tân<br/>Phước</b> | Công ty TNHH<br>MTV Thanh<br>Phong                    | 18+030<br>đến<br>18+108   | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Mỹ<br>Phước          | Tân<br>Phước     | Tiền<br>Giang |
| 432 | <b>BẾN THE<br/>ISLAND<br/>LODGE<br/>THỐI SƠN</b> | Công ty TNHH<br>xăng dầu Hồng<br>Đức                  | 76+058<br>đến<br>76+106.4 | Phải | Tiền                         | Thối<br>Sơn          | Tp.<br>Mỹ<br>Tho | Tiền<br>Giang |
| 433 | <b>BẾN THI<br/>THÀNH TÀI</b>                     | DNTN THI<br>THÀNH TÀI                                 | 01+160<br>đến<br>01+220   | Phải | Rạch<br>Kỳ Hôn               | Long<br>Bình<br>Điền | Chợ<br>Gạo       | Tiền<br>Giang |
| 434 | <b>BẾN<br/>THIÊN<br/>PHÁT</b>                    | Công ty TNHH<br>xăng dầu Hồng<br>Đức                  | 79+580<br>đến<br>79+698,5 | Trái | Tiền                         | Song<br>Thuận        | Châu<br>Thành    | Tiền<br>Giang |
| 435 | <b>BẾN<br/>THIÊN<br/>PHÚ PHÁT</b>                | Công ty TNHH<br>Sản xuất<br>Thương Mại<br>Tân Bình An | 78+815<br>đến<br>78+871   | Trái | Tiền                         | Song<br>Thuận        | Châu<br>Thành    | Tiền<br>Giang |
| 436 | <b>BẾN<br/>THỐNG<br/>NHẤT</b>                    | Công ty TNHH<br>MTV Thống<br>Nhất                     | 07+634<br>đến<br>07+755   | Trái | Kênh<br>Xáng<br>Long<br>Định | Long<br>Hưng         | Châu<br>Thành    | Tiền<br>Giang |
| 437 | <b>BẾN<br/>THUẬN<br/>MINH</b>                    | Công ty TNHH<br>MTV TMDV<br>Thái Bình Tiền<br>Giang   | 83+635<br>đến<br>83+710   | Trái | Tiền                         | Kim<br>Sơn           | Châu<br>Thành    | Tiền<br>Giang |
| 438 | <b>BẾN THỦY<br/>SẢN CHÂU<br/>ÂU</b>              | Công ty Cổ<br>phần Châu Âu                            | 73+436<br>đến<br>73+572   | Trái | Tiền                         | Trung<br>An          | Tp.<br>Mỹ<br>Tho | Tiền<br>Giang |
| 439 | <b>CẢNG MỸ<br/>THO</b>                           | Công ty Cổ<br>phần Cảng Mỹ<br>Tho                     |                           | Trái | Tiền                         | Trung<br>An          | TP.<br>Mỹ<br>Tho | Tiền<br>Giang |
| 440 | <b>BẾN TRẠM<br/>XĂNG DẦU<br/>MINH TRÍ</b>        | Cty TNHH<br>Thương Mại -<br>Dịch Vụ Minh<br>Trí       | 00+840<br>đến<br>00+900   | Phải | Rạch<br>Kỳ Hôn               | Long<br>Bình<br>Điền | Chợ<br>Gạo       | Tiền<br>Giang |

|     |                                                             |                                                         |                           |      |                              |                     |               |               |
|-----|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------|------|------------------------------|---------------------|---------------|---------------|
| 441 | <b>BẾN TRẠM<br/>XĂNG DẦU<br/>PHÚC<br/>ĐĂNG</b>              | Cty TNHH TM<br>Xăng dầu Phúc<br>Đăng                    | 15+278đế<br>n 15+324      | Phải | Kênh<br>Xăng<br>Long<br>Định | Phước<br>Lập        | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |
| 442 | <b>BẾN TRẠM<br/>XĂNG DẦU<br/>THIÊN HỘ<br/>33</b>            | Chi nhánh Cty<br>CP XNK Thuận<br>Minh tại Tiền<br>Giang | 83+432<br>đến<br>83+504   | Trái | Tiền                         | Kim<br>Sơn          | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 443 | <b>BẾN TRẦN<br/>BỘ</b>                                      | DNTN Trần Bộ                                            | 03+032<br>đến<br>03+103,5 | Phải | Kênh<br>Xăng<br>Long<br>Định | Long<br>Hung        | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 444 | <b>BẾN TRẦN<br/>VĂN LÈO</b>                                 | ông Trần Văn<br>Lèo                                     | 04+ 490<br>đến<br>04+524  | Trái | Kênh<br>28                   | Đông<br>Hòa<br>Hiệp | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 445 | <b>BẾN<br/>TRUNG<br/>DỪNG</b>                               | CÔNG TY<br>TNHH ĐÌNH<br>TÀU TRUNG<br>DỪNG               | 03+710<br>đến<br>03+740,5 | Trái | Tháp<br>mười<br>số 2         | Phú Mỹ              | Tân<br>Phước  | Tiền<br>Giang |
| 446 | <b>BẾN<br/>TRUNG<br/>TÂM<br/>NÔNG SẢN<br/>PHÚ<br/>CƯỜNG</b> | Công ty lương<br>thực Tiền Giang                        | 36+100<br>đến<br>36+445   | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Phú<br>Cường        | Cai Lậy       | Tiền<br>Giang |
| 447 | <b>BẾN VẠN<br/>ĐỨC</b>                                      | Công ty CP<br>Dabaco Tiền<br>Giang                      | 78+172<br>đến<br>78+311,6 | Trái | Tiền                         | Song<br>Thuận       | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 448 | <b>BẾN VIỆT<br/>HÙNG I</b>                                  | Công ty TNHH<br>Việt Hùng                               | 06+459<br>đến<br>06+500   | Trái | Kênh<br>28                   | Hậu<br>Thành        | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 449 | <b>BẾN VIỆT<br/>HÙNG II</b>                                 | Công ty TNHH<br>Việt Hùng                               | 06+364<br>đến<br>06+405   | Trái | Kênh<br>28                   | Hậu<br>Thành        | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 450 | <b>BẾN VIỆT<br/>HÙNG IV</b>                                 | Cty TNHH Việt<br>Hùng                                   | 07+520<br>đến<br>07+592   | Trái | Kênh<br>28                   | Hậu<br>Thành        | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |
| 451 | <b>BẾN VIỆT<br/>HÙNG V</b>                                  | Công ty TNHH<br>Việt Hùng                               | 06+235<br>đến<br>06+270   | Trái | Kênh<br>28                   | Hậu<br>Thành        | Cái Bè        | Tiền<br>Giang |

|     |                                |                                    |                     |      |                     |              |            |            |
|-----|--------------------------------|------------------------------------|---------------------|------|---------------------|--------------|------------|------------|
| 452 | <b>BẾN VĨNH KIM</b>            | Công ty cổ phần thực phẩm Vĩnh Kim | 00+450 đến 00+500   | Trái | Kênh Xáng Long Định | Bình Đức     | Châu Thành | Tiền Giang |
| 453 | <b>BẾN VLXD BA CẢNH</b>        | Bà Nguyễn Thị Tám                  | 13+455 đến 13+475   | Trái | Kênh 28             | Thiện Trung  | Cái Bè     | Tiền Giang |
| 454 | <b>BẾN VLXD BA HOÀNG</b>       | Trần Văn Đạt                       | 20+420 đến 20+460   | Trái | Kênh 28             | Mỹ Trung     | Cái Bè     | Tiền Giang |
| 455 | <b>BẾN VLXD BA VUI</b>         | Hồ Thị Mỹ Hạnh                     | 08+000 đến 08+042   | Trái | Kênh 28             | Hậu Thành    | Cái Bè     | Tiền Giang |
| 456 | <b>BẾN VLXD BÌNH ĐỨC</b>       | Công ty cổ phần VLXD Tiền Giang    | 75+260 đến 75+312   | Trái | Tiền                | Bình Đức     | Châu Thành | Tiền Giang |
| 457 | <b>BẾN VLXD DƯƠNG THÀNH</b>    | Dương Văn Thành                    | 04+815 đến 04+835   | Phải | Tháp mười số 2      | Phú Mỹ       | Tân Phước  | Tiền Giang |
| 458 | <b>BẾN VLXD HẬU MỸ BẮC B</b>   | Công ty TNHH Cái Bè                | 48+337 đến 48+368   | Phải | Tháp mười số 2      | Hậu Mỹ Bắc B | Cái Bè     | Tiền Giang |
| 459 | <b>BẾN VLXD HỒNG KHÔI</b>      | Nguyễn Thanh Hồng                  | 19+690 đến 19+725   | Trái | Kênh 28             | Mỹ Trung     | Cái Bè     | Tiền Giang |
| 460 | <b>BẾN VLXD HỮU QUẾ</b>        | DNTN XD Thanh Toàn                 | 84+512 đến 84+534,5 | Trái | Tiền                | Phú Hòa      | Châu Thành | Tiền Giang |
| 461 | <b>BẾN VLXD LỘ VÀM</b>         | Doanh Nghiệp Tư Nhân Đồng Xanh     | 05+560 đến 05+606   | Phải | Rạch Kỳ Hôn         | Tân Mỹ Chánh | Tp. Mỹ Tho | Tiền Giang |
| 462 | <b>BẾN VLXD MAI KIM NGUYỄN</b> |                                    | 126+038 đến 126+098 | Trái | Tiền                | Hòa Hưng     | Cái Bè     | Tiền Giang |
| 463 | <b>BẾN VLXD MINH SANG</b>      | CTY TNHH VLXD Minh Sang            | 24+324 đến 24+349   | Phải | Tháp mười số 2      | Tân Hòa Tây  | Tân Phước  | Tiền Giang |
| 464 | <b>BẾN VLXD MƯỜI LỤC</b>       | CÔNG TY TNHH MTV MƯỜI LỤC          | 02+086 đến 02+156   | Trái | Rạch Kỳ Hôn         | Xuân Đông    | Chợ Gạo    | Tiền Giang |

|     |                                                         |                                              |                                  |      |                              |                      |                   |               |
|-----|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|------|------------------------------|----------------------|-------------------|---------------|
| 465 | <b>BẾN VLXD<br/>MƯỜI TỶ -<br/>XĂNG DẦU<br/>PHÚC HẬU</b> | Cty TNHH<br>Thương mại<br>Dịch vụ Mười<br>Tỷ | 04+565<br>đến<br>04+650          | Trái | Rạch Lá                      | Đồng<br>Sơn          | Gò<br>Công<br>Tây | Tiền<br>Giang |
| 466 | <b>BẾN VLXD<br/>MỸ<br/>PHƯỚC 1</b>                      | Công ty TNHH<br>MTV Xây dựng<br>Mỹ Phước     | 20+449<br>đến<br>20+479          | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Mỹ<br>Phước          | Tân<br>Phước      | Tiền<br>Giang |
| 467 | <b>BẾN VLXD<br/>MỸ<br/>PHƯỚC 2</b>                      | Cty TNHH<br>MTV Xây dựng<br>Mỹ Phước         | 20+324<br>đến<br>20+396          | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Mỹ<br>Phước          | Tân<br>Phước      | Tiền<br>Giang |
| 468 | <b>BẾN VLXD<br/>MỸ THUẬN</b>                            | Bà Nguyễn Thị<br>Tám                         | 123+457<br>đến<br>123+653.4<br>7 | Trái | Tiền                         | Hòa<br>Hưng          | Cái Bè            | Tiền<br>Giang |
| 469 | <b>BẾN VLXD<br/>NGUYỄN<br/>VĂN SỮA</b>                  | Cty TNHH<br>XDTM Nguyễn<br>Văn Sữa           | 74+550<br>đến<br>74+591          | Trái | Tiền                         | Bình<br>Đức          | Châu<br>Thành     | Tiền<br>Giang |
| 470 | <b>BẾN VLXD<br/>NGUYỄN<br/>VĂN XINH</b>                 | Nguyễn Văn<br>Xinh                           | 00+534<br>đến<br>00+574          | Trái | Kênh<br>Xáng<br>Long<br>Định | Bình<br>Đức          | Châu<br>Thành     | Tiền<br>Giang |
| 471 | <b>BẾN VLXD<br/>NHẤT NAM</b>                            | bà Ngô Thị Lầy                               | 34+972<br>đến<br>35+022          | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Phú<br>Cường         | Cai Lậy           | Tiền<br>Giang |
| 472 | <b>BẾN VLXD<br/>NHƠN HÒA</b>                            | Đoàn Thị Phụ                                 | 02+658<br>đến<br>02+679,4        | Trái | Kênh<br>28                   | Đông<br>Hòa<br>Hiệp  | Cái Bè            | Tiền<br>Giang |
| 473 | <b>BẾN VLXD<br/>NHUNG<br/>KHA</b>                       | Trần Thị Nhung                               | 17+700<br>đến<br>17+748          | Trái | Kênh<br>28                   | Mỹ<br>Trung          | Cái Bè            | Tiền<br>Giang |
| 474 | <b>BẾN VLXD<br/>QUỐC<br/>TOÀN</b>                       | Công ty TNHH<br>MTV Quốc<br>Toàn             | 00+570đế<br>n<br>00+668.34       | Phải | Rạch<br>Kỳ Hôn               | Long<br>Bình<br>Điền | Chợ<br>Gạo        | Tiền<br>Giang |
| 475 | <b>BẾN VLXD<br/>TẤN QUỐC<br/>1</b>                      | Ông Bùi Văn<br>Phà                           | 16+054<br>đến<br>16+091          | Phải | Kênh<br>Xáng<br>Long<br>Định | Phước<br>Lập         | Tân<br>Phước      | Tiền<br>Giang |
| 476 | <b>BẾN VLXD<br/>TẤN QUỐC<br/>2</b>                      | Ông Bùi Văn<br>Phà                           | 17+805<br>đến<br>17+844          | Phải | Kênh<br>Xáng<br>Long<br>Định | Phước<br>Lập         | Tân<br>Phước      | Tiền<br>Giang |

|     |                                     |                                                                               |                               |      |                              |                    |                  |               |
|-----|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------|------------------------------|--------------------|------------------|---------------|
| 477 | <b>BẾN VLXD<br/>TÂN TÍN</b>         | Hộ kinh doanh<br>Hồ Thị Dung                                                  | 13+011<br>đến<br>13+040       | Trái | Kênh<br>28                   | Thiện<br>Trung     | Cái Bè           | Tiền<br>Giang |
| 478 | <b>BẾN VLXD<br/>TUẦN ĐẠT<br/>1</b>  | Nguyễn Thị<br>Hong Nhan                                                       | 05+901<br>đến<br>05+936       | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Hung<br>Thanh      | Tân<br>Phước     | Tiền<br>Giang |
| 479 | <b>BẾN VLXD<br/>TUẦN ĐẠT<br/>2</b>  | Nguyễn Thị<br>Hong Nhan                                                       | 05+855<br>đến<br>05+908       | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Hung<br>Thanh      | Tân<br>Phước     | Tiền<br>Giang |
| 480 | <b>BẾN VLXD<br/>TÙNG<br/>QUÂN</b>   | Công ty Trách<br>nhiệm hữu hạn<br>Chế biến Thực<br>phẩm Thương<br>mại Ngọc Hà | 82+325<br>đến<br>82+472,7     | Trái | Tiền                         | Kim<br>Sơn         | Châu<br>Thành    | Tiền<br>Giang |
| 481 | <b>BẾN VLXD<br/>TƯ LỢI</b>          | Công ty TNHH<br>TMDV Xây<br>dựng Tư Lợi                                       | 05+620<br>đến<br>05+702,5     | Phải | Rạch<br>Kỳ Hôn               | Tân Mỹ<br>Chánh    | Tp.<br>Mỹ<br>Tho | Tiền<br>Giang |
| 482 | <b>BẾN VLXD<br/>THÁI BÌNH</b>       | Công ty TNHH<br>Trương Lộc                                                    | 85+505<br>đến<br>85+560       | Trái | Tiền                         | Phú<br>Phong       | Châu<br>Thành    | Tiền<br>Giang |
| 483 | <b>BẾN VLXD<br/>THANH<br/>ĐIỀN</b>  | Công ty TNHH<br>VLXD Thanh<br>Điền                                            | 29+122<br>đến<br>29+152       | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Mỹ<br>Phước<br>Tây | Cai Lậy          | Tiền<br>Giang |
| 484 | <b>BẾN VLXD<br/>THÀNH TÀI</b>       | ông Lê Văn Tú                                                                 | 35+139<br>đến<br>35+191       | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Phú<br>Cường       | Cai Lậy          | Tiền<br>Giang |
| 485 | <b>BẾN VLXD<br/>THIÊN<br/>PHƯỚC</b> | Công ty TNHH<br>Đầu tư Xây<br>dựng Thiên<br>Phước                             | 02+540<br>đến<br>02+575       | Trái | Kênh<br>28                   | TT. Cái<br>Bè      | Cái Bè           | Tiền<br>Giang |
| 486 | <b>BẾN VLXD<br/>TRANG<br/>THOA</b>  | Công ty TNHH<br>Cái Bè                                                        | 113+284,5<br>đến<br>113+318,5 | Trái | Tiền                         | Hòa<br>Khánh       | Cái Bè           | Tiền<br>Giang |
| 487 | <b>BẾN VLXD<br/>TRÍ TÂN</b>         | Nguyễn Thanh<br>Minh Tân                                                      | 13+725<br>đến<br>13+785       | Phải | Kênh<br>Xáng<br>Long<br>Định | Phước<br>Lập       | Tân<br>Phước     | Tiền<br>Giang |
| 488 | <b>BẾN VLXD<br/>ÚT NGON</b>         | Hộ kinh doanh<br>Út Ngon                                                      | 15+844<br>đến<br>15+894       | Trái | Kênh<br>28                   | Thiện<br>Trung     | Cái Bè           | Tiền<br>Giang |

|     |                                         |                                             |                      |      |                     |               |             |            |
|-----|-----------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------|------|---------------------|---------------|-------------|------------|
| 489 | <b>BẾN VLXD VINH QUANG</b>              | Công ty TNHH XD - TM Vinh Quang             | 02+602 đến 02+687,75 | Trái | Rạch Lá             | Bình Phú      | Gò Công Tây | Tiền Giang |
| 490 | <b>BẾN VLXD VÕ THANH NHƠN</b>           | Võ Thành Nhơn                               | 31+050 đến 31+085    | Trái | Tháp mười số 2      | Mỹ Phước Tây  | Cai Lậy     | Tiền Giang |
| 491 | <b>BẾN XÂY XÁT PHƯỚC THÀNH</b>          | Công ty TNHH MTV Xây xát Phước Thành        | 04+980 đến 05+033.46 | Trái | Kênh 28             | Đông Hòa Hiệp | Cái Bè      | Tiền Giang |
| 492 | <b>BẾN XĂNG DẦU ĐẠI TẤN TÀI</b>         | Công ty TNHH MTV Tiến Phát                  | 82+367 đến 82+449    | Trái | Tiền                | Kim Sơn       | Châu Thành  | Tiền Giang |
| 493 | <b>BẾN XĂNG DẦU GIA HÂN</b>             | Công ty TNHH xăng dầu Gia Hân               | 13+332 đến 13+355.8  | Phải | Kênh Xáng Long Định | Phước Lập     | Tân Phước   | Tiền Giang |
| 494 | <b>BẾN XĂNG DẦU HẢI YẾN</b>             | DNTN Hải Yến                                | 11+445 đến 11+463    | Phải | Kênh Xáng Long Định | Long Định     | Châu Thành  | Tiền Giang |
| 495 | <b>BẾN TND Cty TNHH TM XD Nam Khang</b> | Công ty TNHH TM XD Nam Khang                | 00+494 đến 00+534    | Trái | Kênh Xáng Long Định | Bình Đức      | Châu Thành  | Tiền Giang |
| 496 | <b>BẾN XĂNG DẦU KIM PHƯỢNG DINH CẬU</b> | Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang       | 111+750 đến 111+778  | Trái | Tiền                | Hòa Khánh     | Cái Bè      | Tiền Giang |
| 497 | <b>BẾN XĂNG DẦU MƯỜI LÝ</b>             | DNTN Mười Lý                                | 26+850 đến 26+885    | Phải | Tháp mười số 2      | Tân Hòa Tây   | Tân Phước   | Tiền Giang |
| 498 | <b>BẾN XĂNG DẦU PHÚC QUÝ</b>            | Công ty TNHH Xăng dầu Phúc Quý Cái Bè       | 03+849 đến 03+888    | Phải | Kênh 28             | Đông Hòa Hiệp | Cái Bè      | Tiền Giang |
| 499 | <b>BẾN XĂNG DẦU SÔNG TIỀN CHỢ GẠO</b>   | Công ty TNHH MTV xăng dầu Sông Tiền Chợ Gạo | 00+891 đến 00+954    | Trái | Rạch Lá             | Bình Xuân     | Gò Công     | Tiền Giang |
| 500 | <b>BẾN XD CỬU LONG TIỀN GIANG</b>       | Cty Cổ phần Mỹ Tường                        | 76+760 đến 76+840    | Trái | Tiền                | Bình Đức      | Châu Thành  | Tiền Giang |

|     |                                                                   |                                                        |                           |      |                              |              |                  |               |
|-----|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------|------|------------------------------|--------------|------------------|---------------|
| 501 | <b>BẾN XD<br/>HẢI<br/>PHONG TG</b>                                | Công ty TNHH<br>MTV Hải<br>Phong TG                    | 20+702<br>đến<br>20+740   | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Mỹ<br>Phước  | Tân<br>Phước     | Tiền<br>Giang |
| 502 | <b>BẾN XD<br/>PHÚ LỘC</b>                                         | Cty TNHH<br>Xăng dầu Phú<br>Lộc                        | 34+718<br>đến<br>34+774,3 | Phải | Tháp<br>mười<br>số 2         | Phú<br>Cường | Cai Lậy          | Tiền<br>Giang |
| 503 | <b>BẾN XD<br/>THANH<br/>TOÀN</b>                                  | Công ty TNHH<br>MTV xăng dầu<br>Kim Phượng<br>Dinh Cậu | 84+988<br>đến<br>85+025   | Trái | Tiền                         | Phú<br>Phong | Châu<br>Thành    | Tiền<br>Giang |
| 504 | <b>BẾN XD<br/>THUẬN<br/>TIỀN</b>                                  | Doanh nghiệp<br>tư nhân Thanh<br>Hiếu                  | 76+575<br>đến<br>76+625   | Trái | Tiền                         | Bình<br>Đức  | Châu<br>Thành    | Tiền<br>Giang |
| 505 | <b>BẾN XI<br/>MĂNG<br/>QUỐC<br/>THẮNG</b>                         | Công ty Cổ<br>phần xi măng<br>Quốc Thắng               | 74+824<br>đến<br>74+846   | Trái | Tiền                         | Bình<br>Đức  | Châu<br>Thành    | Tiền<br>Giang |
| 506 | <b>BẾN XÍ<br/>NGHIỆP<br/>SÔNG TIỀN</b>                            | Công ty Cổ<br>phần Cơ khí<br>Tiền Giang                | 73+900<br>đến<br>73+994   | Trái | Tiền                         | Trung<br>An  | Tp.<br>Mỹ<br>Tho | Tiền<br>Giang |
| 507 | <b>BẾN<br/>XUỞNG<br/>ĐÓNG SÀ<br/>LAN UÔNG<br/>TRUNG<br/>QUỲNH</b> | Công ty TNHH<br>Phát Trung<br>Phong                    | 18+049<br>đến<br>18+085   | Phải | Kênh<br>Xáng<br>Long<br>Định | Phước<br>Lập | Tân<br>Phước     | Tiền<br>Giang |
| 508 | <b>BẾN<br/>XUỞNG<br/>ĐÓNG TÀU<br/>NHỰT<br/>TRƯỜNG</b>             | DNTN Trường<br>Nhựt                                    | 83+080<br>đến<br>83+307   | Trái | Tiền                         | Kim<br>Sơn   | Châu<br>Thành    | Tiền<br>Giang |
| 509 | <b>BẾN<br/>XUỞNG<br/>ĐÓNG TÀU<br/>THANH<br/>HIẾU</b>              | Cty TNHH Đại<br>Thành                                  | 76+600<br>đến<br>76+714   | Trái | Tiền                         | Bình<br>Đức  | Châu<br>Thành    | Tiền<br>Giang |

|     |                                                                 |                                             |                           |      |      |               |               |               |
|-----|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|------|------|---------------|---------------|---------------|
| 510 | <b>BẾN<br/>XUỞNG<br/>ĐÓNG TÀU<br/>THẢO<br/>TUẤN<br/>MINH HÀ</b> | Cty TNHH Xây<br>dựng Hữu Quế                | 83+848.3<br>đến<br>84+024 | Trái | Tiền | Kim<br>Sơn    | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
| 511 | <b>CẢNG TND<br/>LÊ THẠCH</b>                                    | Công ty TNHH<br>TMDV xăng<br>dầu Châu Thành | 77+501<br>đến<br>77+605   | Trái | Tiền | Song<br>Thuận | Châu<br>Thành | Tiền<br>Giang |
|     |                                                                 |                                             |                           |      |      |               |               |               |



















1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15

| Quyết định công bố |            |                      |                                      | Mục đích sử dụng | Đại diện quản lý | Ghi Chú |
|--------------------|------------|----------------------|--------------------------------------|------------------|------------------|---------|
| Số quyết định      | Ngày cấp   | Cơ quan cấp phép     | Thời gian hoạt động đến ngày, tháng, |                  |                  |         |
| 936/UBND-KTTH      | 28/02/2025 | UBND H. Bắc Tân Uyên | 28/02/2026                           | VLXD             | Bình Dương       |         |
| 935/UBND-KTTH      | 28/02/2025 | UBND H. Bắc Tân Uyên | 28/02/2026                           | VLXD             | Bình Dương       |         |
| 902/UBND-KTTH      | 27/02/2025 | UBND H. Bắc Tân Uyên | 27/02/2026                           | VLXD             | Bình Dương       |         |
| 901/UBND-KTTH      | 27/02/2025 | UBND H. Bắc Tân Uyên | 27/02/2026                           | VLXD             | Bình Dương       |         |
| 1101/QĐ-ĐTNĐ       | 03/12/2021 | Cục ĐTNĐ VN          | 31/12/2026                           | Cảng hàng hóa    | Bình Dương       |         |
| 721/QĐ-SGTVT       | 23/12/2022 | Sở GTVT Bình Dương   | 01/01/2027                           | Sắt thép         | Bình Dương       |         |
| 480/QĐ-SGTVT       | 03/11/2021 | Sở GTVT Bình Dương   | 09/11/2023                           | VLXD             | Bình Dương       |         |
| 7253/UBND-KTTH     | 23/12/2024 | UBND TP Tân Uyên     | 23/12/2025                           | VLXD             | Bình Dương       |         |
| 1112/UBND-KTTH     | 11/03/2025 | UBND H. Bắc Tân Uyên | 11/03/2026                           | VLXD             | Bình Dương       |         |

|                |            |                         |            |                            |                   |  |
|----------------|------------|-------------------------|------------|----------------------------|-------------------|--|
| 1803/UBND-KTTH | 17/4/2025  | UBND Huyện Bắc Tân Uyên | 16/2/2026  | VLXD                       | <b>Bình Dương</b> |  |
| 505/QĐ-SGTVT   | 08/12/2021 | Sở GTVT Bình Dương      | 01/12/2023 | VLXD                       | <b>Bình Dương</b> |  |
| 812/UBND-KTTH  | 24/02/2025 | UBND H. Bắc Tân Uyên    | 24/02/2026 | VLXD                       | <b>Bình Dương</b> |  |
| 1538/UBND-KTTH | 31/3/2025  | UBND TP Tân Uyên        | 31/3/2026  | Xăng dầu                   | <b>Bình Dương</b> |  |
| 1922/UBND-KTTH | 23/04/2025 | UBND Huyện Bắc Tân Uyên | 19/02/2026 | VLXD                       | <b>Bình Dương</b> |  |
| 695/QĐ-SGTVT   | 14/12/2022 | Sở GTVT Bình Dương      | 31/12/2024 | VLXD                       | <b>Bình Dương</b> |  |
| 1737/UBND-KTTH | 15/4/2025  | UBND Huyện Bắc Tân Uyên | 19/2/2026  | VLXD                       | <b>Bình Dương</b> |  |
| 800/UBND-KTTH  | 21/02/2025 | UBND H. Bắc Tân Uyên    | 21/02/2026 | VLXD                       | <b>Bình Dương</b> |  |
| 1015/UBND-KTTH | 28/02/2025 | UBND TP Tân Uyên        | 28/02/2026 | VLXD, hàng hóa, lương thực | <b>Bình Dương</b> |  |
| 1110/UBND-KTTH | 05/03/2025 | UBND TP Tân Uyên        | 05/03/2026 | VLXD                       | <b>Bình Dương</b> |  |

|                |            |                                    |            |                       |                   |  |
|----------------|------------|------------------------------------|------------|-----------------------|-------------------|--|
| 1295/UBND-KTTH | 19/3/2025  | Ủy Ban Nhân Dân Huyện Bắc Tân Uyên | 19/3/2026  | VLXD                  | <b>Bình Dương</b> |  |
| 903/UBND-KTTH  | 27/02/2025 | UBND H. Bắc Tân Uyên               | 27/02/2026 | VLXD                  | <b>Bình Dương</b> |  |
| 1113/UBND-KTTH | 11/03/2025 | UBND H. Bắc Tân Uyên               | 11/03/2026 | VLXD                  | <b>Bình Dương</b> |  |
| 799/UBND-KTTH  | 21/02/2025 | UBND H. Bắc Tân Uyên               | 21/02/2026 | VLXD                  | <b>Bình Dương</b> |  |
| 7252/UBND-KTTH | 23/12/2024 | UBND TP Tân Uyên                   | 23/12/2025 | VLXD                  | <b>Bình Dương</b> |  |
| 386/QĐ/SGTVT   | 19/09/2022 | Sở GTVT Bình Dương                 | 22/08/2024 | VLXD                  | <b>Bình Dương</b> |  |
| 1016/UBND-KTTH | 28/02/2025 | UBND TP Tân Uyên                   | 28/02/2026 | VLXD                  | <b>Bình Dương</b> |  |
| 1111/UBND-KTTH | 03/05/2025 | Ủy Ban Nhân Dân Huyện Bắc Tân Uyên | 03/05/2026 | VLXD                  | <b>Bình Dương</b> |  |
| 7254/UBND-KTTH | 23/12/2024 | UBND TP Tân Uyên                   | 23/12/2025 | VLXD, Bê tông đúc sẵn | <b>Bình Dương</b> |  |
| 811/UBND-KTTH  | 24/02/2025 | UBND H. Bắc Tân Uyên               | 24/12/2026 | VLXD                  | <b>Bình Dương</b> |  |
| 596/QĐ-SGTVT   | 17/11/2022 | Sở GTVT Bình Dương                 | 31/12/2024 | VLXD                  | <b>Bình Dương</b> |  |

|                                                                                                                                                                                                                                                      |            |                                                              |            |                                                          |                 |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------|-----------------|--|
| 993/QĐ-UBND<br>(5/4/24-31/12/25)                                                                                                                                                                                                                     | 05/04/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu                                    | 31/12/2025 | VLXD                                                     | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 86/QĐ-CĐTNĐ                                                                                                                                                                                                                                          | 02/01/2023 | Cục ĐTNĐ                                                     | 31/12/2027 | Mật rỉ,<br>Phân Ami<br>Ami,NH3                           | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 2105/QĐ-UBND(16/7/24-30/6/25)                                                                                                                                                                                                                        | 16/07/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu                                    | 30/06/2025 | VLXD                                                     | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 2/GPBTNĐ<br>(9/6/14-31/12/15); 30-18/GPBTNĐ<br>(19/6/18-20/6/19); 50-2019/GPBTNĐ<br>(25/7/19-25/7/20);65-2020/GPBTNĐ<br>(30/9/20-30/9/21);839/QĐ-SGTVT<br>(16/12/21-30/11/22);1402/QĐ-SGTVT<br>(17/11/22-15/11/23);2626/QĐ-UBND<br>(16/8/24-30/7/25) | 16/08/2024 | CV III; Sở<br>GTVT<br>Đồng Nai;<br>UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu | 30/07/2025 | neo đậu<br>tàu thuyền<br>bốc xếp<br>vật liệu<br>xây dựng | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 2625/QĐ-UBND<br>(16/8/24-30/8/25)                                                                                                                                                                                                                    | 16/08/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu                                    | 30/08/2025 | VLXD                                                     | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 3055/QĐ-UBND(<br>2/10/24-30/9/25)                                                                                                                                                                                                                    | 02/10/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu                                    | 30/09/2025 | VLXD                                                     | <b>Đồng Nai</b> |  |

|                                            |            |                           |            |                                        |                 |  |
|--------------------------------------------|------------|---------------------------|------------|----------------------------------------|-----------------|--|
| 6734/QĐ-<br>UBND(23/12/<br>24-31/12/25)    | 23/12/2024 | UBND TP<br>Biên Hòa       | 31/12/2025 | VLXD                                   | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 1307/QĐ-<br>UBND<br>(4/5/24-3/5/25)        | 04/05/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu | 03/05/2025 | VLXD                                   | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 2627/QĐ-<br>UBND<br>(16/8/24-<br>30/8/25)  | 16/08/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu | 30/08/2025 | VLXD                                   | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 1769/QĐ-<br>UBND(14/6/2<br>4-30/6/25)      | 14/06/2024 | Sở GTVT<br>Đồng Nai       | 30/06/2025 | VLXD                                   | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 2993/QĐ-<br>UBND<br>(26/9/24-<br>30/9/26)  | 26/09/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu | 30/09/2026 | VLXD                                   | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 16/QĐ-<br>UBND(06/1/2<br>5-31/12/25)       | 06/01/2025 | UBND TP<br>Biên Hòa       | 31/12/2025 | bến neo<br>đậu tàu<br>thuyền<br>bốc dỡ | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 2812/QĐ-<br>SGTVT(<br>30/8/24-<br>30/9/26) | 30/08/2024 | Sở GTVT<br>Đồng Nai       | 30/09/2026 | VLXD                                   | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 1747/QĐ-<br>UBND<br>(14/6/24-<br>30/6/25)  | 14/06/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu | 30/06/2025 | VLXD                                   | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 110/QĐ-<br>UBND(<br>15/1/25-<br>31/12/25)  | 15/01/2025 | UBND TP<br>Biên Hòa       | 31/12/2025 | VLXD                                   | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 1210/QĐ-<br>UBND(<br>22/4/23-1/30)         | 22/04/2023 | Sở GTVT<br>Đồng Nai       | 01/05/2030 | VLXD                                   | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 2811/QĐ-<br>SGTVT<br>(30/8/24-<br>30/9/26) | 30/08/2024 | Sở GTVT<br>Đồng Nai       | 30/09/2026 | VLXD                                   | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 2813/QĐ-<br>SGTVT(30/8/2<br>4-30/10/26)    | 30/08/2024 | Sở GTVT<br>Đồng Nai       | 30/10/2026 | VLXD                                   | <b>Đồng Nai</b> |  |

|                                                                                    |            |                                                  |            |      |                 |  |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------|------------|------|-----------------|--|
| 20/QĐ-UBND(<br>06/1/25-<br>31/12/25)                                               | 06/01/2025 | UBND TP<br>Biên Hòa                              | 31/12/2025 | VLXD | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 6733/QĐ-UBND(23/12/<br>24-31/12/25)                                                | 23/12/2024 | UBND TP<br>Biên Hòa                              | 31/12/2025 | VLXD | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 922/QĐ-UBND<br>(5/4/24-<br>31/12/25)                                               | 05/04/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu                        | 31/12/2025 | VLXD | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 1260/QĐ-SGTVT;1840/<br>QĐ-UBND(<br>19/6/24-<br>30/6/25)<br>( 12/10/22-<br>15/9/23) | 19/06/2024 | Sở GTVT<br>Đồng<br>Nai;UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu | 30/06/2025 | VLXD | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 1947/QĐ-UBND(28/6/2<br>4-30/6/29)                                                  | 28/06/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu                        | 30/06/2029 | VLXD | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 3136/QĐ-UBND<br>(11/10/24-<br>10/10/25)                                            | 11/10/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu                        | 10/10/2025 | VLXD | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 1351/QĐ-UBND<br>(18/4/25-<br>17/4/26)                                              | 18/04/2025 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu                        | 17/04/2026 | VLXD | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 1948/QĐ-UBND(28/6/2<br>4-30/6/29)                                                  | 28/06/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu                        | 30/06/2029 | VLXD | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 2810/QĐ-UBND(30/8/2<br>4-30/9/26)                                                  | 30/08/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu                        | 30/09/2026 | VLXD | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 2178/QĐ-UBND<br>(19/7/24-<br>30/6/25)                                              | 19/07/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu                        | 30/06/2025 | VLXD | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 994/QĐ-UBND(<br>5/4/24-                                                            | 05/04/2024 | UBND<br>huyện<br>Vĩnh Cửu                        | 31/12/2025 | VLXD | <b>Đồng Nai</b> |  |

|                                    |            |                              |                                                                                              |                                                     |                 |  |
|------------------------------------|------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|--|
| 180/QĐ-UBND<br>(15/1/25-30/12/25)  | 15/01/2025 | Sở GTVT<br>Đồng Nai          | 30/12/2025                                                                                   | VLXD                                                | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 373/QĐ-CDTNĐ<br>(28/4/23-31/12/28) | 28/04/2023 | Cục<br>ĐTNĐ<br>Việt Nam      | 31/12/2028                                                                                   | VLXD                                                | <b>Đồng Nai</b> |  |
| 6189/QĐ-UBND                       | 06/11/2024 | UBND<br>huyện Cần<br>Giulộc  | 03/11/2025                                                                                   | Xăng dầu                                            | <b>Bến Lức</b>  |  |
| 16690/QĐ-UBND                      | 25/12/2024 | UBND<br>huyện Cần<br>Đuớc    | 25/12/2025                                                                                   | Xăng dầu                                            | <b>Bến Lức</b>  |  |
| 5831/QĐ-UBND                       | 17/10/2024 | UBND<br>huyện Cần<br>Giulộc  | 03/10/2025                                                                                   | Xăng dầu                                            | <b>Bến Lức</b>  |  |
| 8994/QĐ-UBND                       | 25/9/2024  | UBND<br>huyện Bến<br>Lức     | 26/9/2025                                                                                    | Xếp dỡ<br>nguyên<br>vật liệu<br>thức ăn<br>gia súc, | <b>Bến Lức</b>  |  |
| 6823/QĐ-UBND                       | 9/7/2024   | UBND Bến<br>Lức              |  9/7/2025 | Bến<br>chuyên<br>dùng.                              | <b>Bến Lức</b>  |  |
| 2945/QĐ-UBND                       | 12/8/2024  | UBND<br>huyện Đức<br>Huệ     | 08/12/2026                                                                                   | Xăng dầu                                            | <b>Bến Lức</b>  |  |
| 1527/QĐ-UBND                       | 18/3/2025  | UBNDH<br>huyện Cần<br>Giulộc | 18/3/2026                                                                                    | Xăng dầu                                            | <b>Bến Lức</b>  |  |

|                |            |                      |            |                                |                |  |
|----------------|------------|----------------------|------------|--------------------------------|----------------|--|
| 6898/QĐ-UBND   | 09/12/2024 | UBND huyện Cần Giuộc | 08/12/2025 | Xăng dầu                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 723/QĐ-UBND    | 24/2/2025  | UBND Huyện Cần Giuộc | 24/2/2026  | Đóng mới, sửa chữa phương      | <b>Bến Lức</b> |  |
| 13670/QĐ-UBND  | 10/10/2024 | UBND huyện Cần Đước  | 10/10/2025 | Xăng dầu                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 4751//QĐ-UBND  | 22/05/2025 | UBND huyện Cần Đước  | 22/05/2026 | Xếp dỡ hàng hóa tổng hợp       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1164/QĐ-CĐTND  | 30/08/2024 | Cục ĐTNĐ Việt Nam    | 01/06/2060 | Phân bón                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1820/QĐ - UBND | 03/05/2025 | UBND Huyện Cần Đước  | 03/05/2026 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 3014/QĐ-UBND   | 29/05/2024 | UBND HUYỆN CẦN GIUỘC | 02/05/2025 | Đóng mới, sửa chữa phương      | <b>Bến Lức</b> |  |
| 6060/QĐ-UBND   | 30/10/2024 | UBND huyện Cần Giuộc | 11/11/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 4905/QĐ-UBND   | 27/05/2025 | UBND huyện Cần Đước  | 27/05/2026 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 6335/QĐ-UBND   | 18/11/2024 | UBND huyện Cần Giuộc | 10/11/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1526/QĐ - UBND | 18/3/2025  | UBND HUYỆN CẦN GIUỘC | 18/3/2026  | Đóng mới, sửa chữa phương tiện | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5506/QĐ-UBND   | 05/10/2024 | UBND huyện Cần Giuộc | 05/10/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1791/QĐ-UBND   | 28/03/2025 | UBND huyện Bến Lức   | 31/03/2026 | Xăng dầu                       | <b>Bến Lức</b> |  |

|               |            |                      |            |                             |                |  |
|---------------|------------|----------------------|------------|-----------------------------|----------------|--|
| 6041/QĐ-UBND  | 30/10/2024 | UBND huyện Cần Giuộc | 11/11/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 6334/QĐ-UBND  | 18/11/2024 | UBND huyện Cần Giuộc | 14/11/2025 | Xăng dầu                    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 3516/QĐ-UBND  | 21/06/2024 | UBND huyện Cần Giuộc | 22/06/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 6356/QĐ-UBND  | 19/11/2024 | UBND huyện Cần Giuộc | 07/12/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 112/QĐ-UBND   | 08/01/2025 | UBND huyện Cần Giuộc | 05/12/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5074/QĐ-UBND  | 21/08/2024 | UBND huyện Cần Đước  | 03/08/2025 | Hàng hóa                    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 8903/QĐ-UBND  | 23/09/2024 | UBND huyện Bến Lức   | 23/09/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 3002/QĐ-UBND  | 5/11/2025  | UBND HUYỆN BẾN LỨC   | 13/05/2026 | Xếp dỡ hàng hóa             | <b>Bến Lức</b> |  |
| 16462/QĐ-UBND | 23/12/2024 | UBND huyện Cần Đước  | 23/12/2025 | Xăng dầu                    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 15999/QĐ-UBND | 10/12/2024 | UBND huyện Cần Đước  | 10/12/2025 | Xăng dầu                    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 15769/QĐ-UBND | 05/12/2024 | UBND huyện Cần Đước  | 05/12/2025 | Xăng dầu                    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 14621/QĐ-UBND | 06/11/2024 | UBND huyện Cần Đước  | 06/11/2025 | Xăng dầu, Vật liệu xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |
| 15998/QĐ-UBND | 10/12/2024 | UBND huyện Cần Đước  | 10/12/2025 | Đóng mới, sửa chữa phương   | <b>Bến Lức</b> |  |

|                                                                                    |            |                               |             |                             |                |  |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------|-------------|-----------------------------|----------------|--|
| 5367/QĐ-UBND                                                                       | 09/06/2025 | UBND huyện Cần Đước           | 09/06/2026  | Xăng dầu, Vật liệu xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5365/QĐ-UBND                                                                       | 09/06/2025 | UBND huyện Cần Đước           | 09/06/2026  | Đóng mới, sửa chữa phương   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 15770/QĐ-UBND                                                                      | 05/12/2024 | UBND huyện Cần Đước           | 05/12/2025  | Xăng dầu                    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 14894/QĐ-UBND                                                                      | 14/11/2024 | UBND huyện Cần Đước           | 14/11/2025  | Đóng mới, sửa chữa phương   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 12453/QĐ-UBND                                                                      | 05/09/2024 | UBND huyện Cần Đước           | 05/09/2025  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 13910/QĐ-UBND                                                                      | 18/10/2024 | UBND huyện Cần Đước           | 18/10/2025  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 13911/QĐ-UBND                                                                      | 18/10/2024 | UBND huyện Cần Đước           | 18/10/2025  | Đóng mới, sửa chữa phương   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1165/UBND                                                                          | 31/3/2025  | UBND Tp Gò Công               | 21/3/2027   | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 3417/QĐ-UBND                                                                       | 25/11/2024 | UBND huyện Châu               | 25/11/2025  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 3652/QĐ-UBND                                                                       | 18/04/2025 | UBND Huyện Cần Đước           | 18/04/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 13369/QĐ-UBND                                                                      | 02/10/2024 | UBND huyện Cần Đước           | 02/10/2025  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1753/QĐ-BGTVT<br>(6/6/2016-vô thời hạn);<br>996/QĐ-CĐTNĐ<br>(1/11/2018-30/10/2023) | 06/06/2016 | Bộ GTVT;<br>Cục ĐTNĐ Việt Nam | vô thời hạn | Hàng hóa                    | <b>Bến Lức</b> |  |

|                                                                             |            |                    |             |                             |                |  |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------|-------------|-----------------------------|----------------|--|
| 1525/QĐ-UBND                                                                | 21/2/2025  | UBND HUYỆN CẦN ĐỨC | 21/2/2026   | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 4750/QĐ-UBND                                                                | 22/05/2025 | UBND huyện Cần Đức | 22/05/2026  | Xăng dầu, hàng hóa tổng hợp | <b>Bến Lức</b> |  |
| 610/QĐ-UBND                                                                 | 17/01/2025 | UBND huyện Cần Đức | 17/01/2026  | Xếp dỡ lúa gạo              | <b>Bến Lức</b> |  |
| 16408/QĐ-UBND                                                               | 19/12/2024 | UBND huyện Cần Đức | 19/12/2025  | Lương thực                  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 9218/QĐ-UBND                                                                | 11/07/2024 | UBND huyện Cần Đức | 11/07/2025  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 2175/QĐ-BGTVT<br>(10/9/2012-vô thời hạn)                                    | 10/09/2012 | Bộ GTVT            | vô thời hạn | Hàng hóa                    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5830/QĐ-UBND                                                                | 12/06/2025 | UBND huyện Cần Đức | 12/06/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 15327/QĐ-UBND                                                               | 26/11/2024 | UBND huyện Cần Đức | 26/11/2025  | Thức ăn chăn nuôi           | <b>Bến Lức</b> |  |
| 4562/QĐ-UBND                                                                | 16/05/2025 | UBND Huyện Cần Đức | 16/05/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 78/QĐ-CĐTNĐ<br>(22/1/2016-30/1/2021),<br>11/QĐ-CĐTNĐ<br>(08/01/21-30/01/26) | 08/01/2021 | Cục ĐTNĐ Việt Nam  | 30/01/2026  | Hàng hóa                    | <b>Bến Lức</b> |  |

|                                                                                                                   |            |                       |            |                                    |                |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------|------------|------------------------------------|----------------|--|
| 231.cc (Chi Cục); 299/QĐ-CĐTNĐ (23/3/16-31/3/21); 266/QĐ-CĐTNĐ (14/04/21-30/04/26)                                | 14/04/2021 | Cục ĐTNĐ Việt Nam     | 30/04/2026 | Hàng hóa                           | <b>Bến Lức</b> |  |
| 13909/QĐ-UBND                                                                                                     | 18/10/2024 | UBND huyện Cần Đước   | 18/10/2025 | Xếp dỡ nông sản, thức ăn chăn nuôi | <b>Bến Lức</b> |  |
| 651/QĐ-CHHĐTVN                                                                                                    | 28/05/2025 | Cục HH và ĐT Việt Nam | 08/09/2054 | Phân bón                           | <b>Bến Lức</b> |  |
| 698/QĐ-CĐTNĐ (24/9/09-30/9/14); 1273/QĐ-CĐTNĐ (5/11/14-1/12/19); 1167/QĐ-CĐTNĐ (29/11/19-30/11/24); 1257/QĐ-CĐTNĐ | 27/09/2024 | Cục ĐTNĐ Việt Nam     | 30/11/2029 | Xi măng                            | <b>Bến Lức</b> |  |
| 13672QĐ-UBND                                                                                                      | 10/10/2024 | UBND huyện Cần Đước   | 10/10/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng           | <b>Bến Lức</b> |  |
| 4527/QĐ-UBND                                                                                                      | 14/06/2025 | UBND huyện Cần Đước   | 14/06/2026 | Phân bón                           | <b>Bến Lức</b> |  |
| 11549/QĐ-SGTVT                                                                                                    | 09/08/2024 | Sở GTVT Long An       | 09/08/2025 | Phân bón                           | <b>Bến Lức</b> |  |
| 2005/QĐ-UBND                                                                                                      | 03/12/2025 | UBND Huyện Cần Đước   | 03/12/2026 | Phân bón                           | <b>Bến Lức</b> |  |

|                                                                                                                                     |                                                                     |                           |             |          |                |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------|----------|----------------|--|
| 4371/QĐ-UBND                                                                                                                        | 09/05/2025                                                          | UBND Huyện Cần Đước       | 09/05/2026  | Hàng hóa | <b>Bến Lức</b> |  |
| 853/QĐ-CHHĐTVN<br>753/QĐ-BGTVT                                                                                                      | 13/06/2025                                                          | CụcHHĐT Việt Nam, Bộ GTVT | 28/10/2053  | Hàng hóa | <b>Bến Lức</b> |  |
| 463/QĐ-CĐTNĐ (19/6/18-30/06/23);<br>738/QĐ-CĐTNĐ (14/09/18-30/09/23)<br>(Thay thế quyết định                                        | 28/09/2023                                                          | CụcĐTNDViệt Nam           | 30/09/2028  | Xi măng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1826/2002/QĐ-BGTVT + 24/2005/BGTVT,<br>2191/QĐ-CĐS,<br>2774/QĐ-BGTVT,<br>92/QĐ-BGTVT ;<br>1388/QĐ-CĐTNĐ (cầu số 5, số 6 (6/11/2017- | 12/5/2005,<br>07/12/2005,<br>12/9/2008,<br>17/01/2011,<br>6/11/2017 | CụcĐTNDViệt Nam, Bộ GTVT  | vô thời hạn | Hàng hóa | <b>Bến Lức</b> |  |

|                                                                                                                                                                                                                                |                                          |                                     |             |                                |                |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|-------------|--------------------------------|----------------|--|
| 1030/QĐ-BGTVT<br>(23/4/09-vô thời hạn),<br>2845/QĐ-BGTVT<br>(13/12/11-vô thời hạn),<br>325/QĐ-CĐTNĐ<br>(11/4/13-30/4/18),<br>839/QĐ-CĐTNĐ<br>(10/10/18-30/10/23),118<br>8/QĐ-CĐTNĐ (18/10/16-31/10/21),<br>1291/QĐ-CĐTNĐ(18/10 | 23/04/2009,<br>13/12/2011,<br>11/04/2013 | Cục<br>ĐTNĐ<br>Việt Nam,<br>Bộ GTVT | vô thời hạn | Hàng hóa                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 10344/QĐ-UBND                                                                                                                                                                                                                  | 18/11/2024                               | UBND<br>huyện Bến<br>Lức            | 19/11/2025  | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |
| 687/QĐ-BGTVT(21/3/2006-Vô thời hạn)                                                                                                                                                                                            | 21/03/2006                               | Bộ GTVT                             | vô thời hạn | Hàng hóa                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 159/QĐ-SGTVT                                                                                                                                                                                                                   | 03/06/2024                               | UBND<br>HUYỆN<br>BẾN LỨC            | 03/06/2025  | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |
| 11625/QĐ-UBND                                                                                                                                                                                                                  | 23/12/2024                               | UBND<br>huyện Bến<br>Lức            | 25/12/2025  | Xăng dầu                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 329/QĐ-SGTVT                                                                                                                                                                                                                   | 01/09/2024                               | Sở GTVT<br>Long An                  | 09/01/2025  | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |
| 14/QĐ-UBND                                                                                                                                                                                                                     | 02/01/2025                               | UBND<br>huyện Bến<br>Lức            | 06/01/2026  | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |

|                                                                   |                        |                    |             |                          |                |  |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------|-------------|--------------------------|----------------|--|
| 11263/QĐ-UBND                                                     | 11/12/2024             | UBND huyện Bến Lức | 13/12/2025  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |
| 412/QĐ-UBND                                                       | 21/01/2025             | UBND huyện Bến Lức | 20/01/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1240/QĐ-UBND                                                      | 03/06/2025             | UBND huyện Bến Lức | 03/06/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |
| 11119/QĐ-UBND                                                     | 09/12/2024             | UBND huyện Bến Lức | 09/12/2025  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |
| 12531/QĐ-UBND                                                     | 31/12/2024             | UBND huyện Bến Lức | 02/01/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |
| 2871/QĐ-UBND                                                      | 09/05/2025             | UBND huyện Bến Lức | 12/05/2026  | Xăng dầu                 | <b>Bến Lức</b> |  |
| 3466/QĐ-BGTVT, 353/QĐ-BGTVT                                       | 08/11/2007, 05/02/2008 | Bộ GTVT            | vô thời hạn | Hàng hóa                 | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1238/ QĐ-UBND                                                     | 03/06/2025             | UBND huyện Bến Lức | 03/07/2026  | xăng dầu                 | <b>Bến Lức</b> |  |
| 708/QĐ-UBND                                                       | 11/02/2025             | UBND huyện Bến Lức | 16/02/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1362/QĐ-CĐTNĐ (21/11/14-31/12/19); 15/QĐ-CĐTNĐ (14/1/20-31/12/25) | 14/01/2020             | Cục ĐTNĐ Việt Nam  | 31/12/2025  | Hàng hóa                 | <b>Bến Lức</b> |  |
| 10346/QĐ-UBND                                                     | 18/11/2024             | UBND huyện Bến Lức | 19/11/2025  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |

|                   |            |                          |            |                                   |                |  |
|-------------------|------------|--------------------------|------------|-----------------------------------|----------------|--|
| 411/QĐ_UBND       | 21/01/2025 | UBND<br>huyện Bến<br>Lức | 22/01/2026 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 367/QĐ-<br>SGTVT  | 04/10/2024 | Sở GTVT<br>Long An       | 07/10/2025 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 8800/QĐ-<br>SGTVT | 16/05/2025 | Sở GTVT<br>Long An       | 13/05/2026 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 9391/QĐ-<br>UBND  | 02/06/2025 | UBND<br>Huyện<br>Đức Hòa | 01/06/2026 | Xếp dỡ vật<br>liệu xây<br>dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1161/QĐ -<br>UBND | 03/03/2025 | UBND<br>huyện Bến<br>Lức | 03/05/2026 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 3372/QĐ-<br>UBND  | 13/05/2025 | UBND<br>huyện Bến<br>Lức | 27/05/2026 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 11446/QĐ-<br>UBND | 18/12/2024 | UBND<br>huyện Bến<br>Lức | 19/12/2025 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 8801/UBND-<br>SX  | 26/05/2025 | UBND<br>HUYỆN<br>ĐỨC HÒA | 23/05/2026 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 9534/QĐ-<br>UBND  | 04/06/2025 | UBND<br>HUYỆN<br>ĐỨC HÒA | 04/06/2026 | Xếp dỡ vật<br>liệu xây<br>dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 8217/QĐ-<br>UBND  | 16/05/2025 | UBND<br>HUYỆN<br>ĐỨC HÒA | 15/05/2026 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 8803/QĐ-<br>UBND  | 26/05/2025 | UBND<br>huyện Đức<br>Hòa | 23/05/2026 | Xếp dỡ vật<br>liệu xây<br>dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 6317/QĐ-<br>UBND  | 17/04/2025 | UBND<br>Huyện<br>Đức Hòa | 15/04/2026 | Xăng dầu,<br>Vật liệu<br>xây dựng | <b>Bến Lức</b> |  |
| 6979/QĐ-<br>UBND  | 26/04/2025 | UBND<br>Huyện<br>Đức Hóa | 25/04/2026 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |

|                |            |                    |            |                                                |                |  |
|----------------|------------|--------------------|------------|------------------------------------------------|----------------|--|
| 2353/QĐ-UBND   | 17/04/2025 | UBND HUYỆN BẾN LÚC | 18/04/2026 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 3657/QĐ-UBND   | 30/05/2025 | UBND HUYỆN BẾN LÚC | 04/06/2026 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 4230/QĐ-UBND   | 05/07/2024 | UBND HUYỆN BẾN LÚC | 05/07/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 8839/QĐ-UBND   | 18/09/2024 | UBND huyện Bến Lức | 18/09/2025 | Xếp dỡ nguyên liệu, sản phẩm thức ăn chăn nuôi | <b>Bến Lức</b> |  |
| 60/QĐ-CĐTND    | 15/01/2024 | Cục Đường thủy nội | 31/12/2028 | Hàng hóa                                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1999/QĐ - UBND | 04/08/2025 | UBND huyện Bến Lức | 04/09/2026 | Xếp dỡ hàng nông sản, thực phẩm                | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5460/QĐ-UBND   | 13/06/2024 | UBND HUYỆN BẾN LÚC | 17/06/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1910/QĐ_UBND   | 02/04/2025 | UBND huyện Bến Lức | 04/04/2026 | Xăng dầu                                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 10642/QĐ-UBND  | 26/11/2024 | UBND huyện Bến Lức | 26/11/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 4079/QĐ-UBND   | 10/06/2025 | UBND HUYỆN BẾN LÚC | 12/06/2026 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng                       | <b>Bến Lức</b> |  |
| 11262/QĐ-UBND  | 11/12/2024 | UBND huyện Bến Lức | 16/12/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng                       | <b>Bến Lức</b> |  |

|                 |            |                                     |             |                           |                |  |
|-----------------|------------|-------------------------------------|-------------|---------------------------|----------------|--|
| 4078/QĐ-UBND    | 6/10/2025  | UBND HUYỆN BẾN LÚC                  | 12/06/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 4080/QĐ-UBND    | 10/06/2025 | UBND HUYỆN BẾN LÚC                  | 12/06/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1683/QĐ-UBND    | 13/05/2025 | UBND huyện Đức Huệ                  | 13/05/2027  | Xăng dầu                  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 528/ QĐ-UBND    | 21/2/2025  | UBND huyện Đức Huệ                  | 01/09/2026  | Xăng dầu                  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 631/QĐ-CHHĐTVN  | 26/05/2025 | Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam | 30/05/2030  | Xăng dầu                  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 745/QĐ-BGTVT    | 19/04/2011 | Bộ GTVT                             | vô thời hạn | Hàng hóa                  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1922/ QĐ - UBND | 04/03/2025 | UBND huyện Bến Lức                  | 04/03/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 8336/QĐ-SGTVT   | 06/06/2025 | UBND HUYỆN CẦN GIUỘC                | 09/05/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 2261/UBND       | 18/10/2024 | UBND Tp Gò Công                     | 15/08/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 97/SGTVT-KC     | 06/10/2023 | Sở GTVT Tiền Giang                  | 01/12/2025  | Đóng mới, sửa chữa phương | <b>Bến Lức</b> |  |

|               |            |                      |            |                           |                |  |
|---------------|------------|----------------------|------------|---------------------------|----------------|--|
| 1380/QĐ-UBND  | 03/04/2025 | UBND Huyện Cần Giuộc | 03/06/2026 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 11953/QĐ-UBND | 22/08/2024 | UBND huyện Cần Đước  | 22/08/2025 | Hàng hóa                  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 6017/QĐ-UBND  | 29/10/2024 | UBND huyện Cần Giuộc | 17/10/2025 | Đóng mới, sửa chữa phương | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5215/QĐ-UBND  | 05/06/2025 | UBND HUYỆN CẦN ĐƯỚC  | 05/06/2026 | Hàng hóa                  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5951/QĐ-UBND  | 24/10/2024 | UBND huyện Cần Giuộc | 24/10/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5366/QĐ-UBND  | 09/06/2025 | UBND HUYỆN CẦN ĐƯỚC  | 09/06/2026 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 394/QĐ-SGTVT  | 07/10/2024 | Sở GTVT tỉnh Long An | 18/10/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 634/QĐ-UBND   | 20/01/2025 | UBND huyện Cần Đước  | 20/01/2026 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 609/ QĐ-UBND  | 17/1/2025  | UBND Huyện Cần Đước  | 17/1/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 6165/QĐ-UBND  | 15/04/2025 | UBND Huyện Đức Hòa   | 14/04/2026 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 6846/QĐ-UBND  | 02/12/2024 | UBND HUYỆN CẦN GIUỘC | 13/11/2025 | Đóng mới, sửa chữa phương | <b>Bến Lức</b> |  |
| 720/QĐ-UBND   | 22/01/2025 | UBND huyện Cần Đước  | 22/01/2026 | Hàng hóa                  | <b>Bến Lức</b> |  |

|                   |            |                               |            |                                                                  |                |  |
|-------------------|------------|-------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------|----------------|--|
| 1164/UBND         | 31/3/2025  | UBND Tp<br>Gò Công            | 28/2/2027  | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng                                   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1625/QĐ -<br>UBND | 24/3/2025  | UBND<br>huyện Bến<br>Lức      | 24/3/2026  | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng                                   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 15854/QĐ-<br>UBND | 06/12/2024 | UBND<br>huyện Cần<br>Đước     | 06/12/2025 | Neo đầu<br>cano                                                  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5133/QĐ-<br>UBND  | 03/06/2024 | UBND<br>HUYỆN<br>BẾN LỨC      | 03/06/2025 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng                                   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1568/QĐ-<br>UBND  | 24/02/2025 | UBND<br>huyện Cần<br>Đước     | 24/02/2026 | Đóng mới<br>sửa chữa<br>phương<br>tiện, Vật<br>liệu xây<br>dựng  | <b>Bến Lức</b> |  |
| 3143/UBND         | 17/12/2024 | UBND<br>huyện Gò<br>Công Đông | 19/10/2026 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng                                   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1423/UBND         | 16/04/2025 | UBND TP<br>Gò Công            | 29/03/2027 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng                                   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 139/QĐ-<br>UBND   | 09/01/2025 | UBND<br>huyện Cần<br>Giộc     | 09/01/2026 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng                                   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 4825/QĐ-<br>UBND  | 26/05/2025 | UBND<br>huyện Cần<br>Đước     | 26/05/2026 | Đóng mới,<br>sửa chữa<br>tàu, sản<br>xuất cầu<br>kiện bê<br>tông | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5472/QĐ-<br>UBND  | 11/6/2025  | UBND<br>huyện Cần<br>Đước     | 06/11/2026 | xếp dỡ<br>hàng hoá<br>tổng hợp                                   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 4704/QĐ-<br>UBND  | 22/5/2025  | UBND<br>huyện Cần<br>Đước     | 26/06/2026 | xếp dỡ vật<br>liệu xây<br>dựng                                   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 8332/QĐ-<br>UBND  | 30/08/2024 | UBND<br>huyện Bến<br>lức      | 05/09/2025 | Xếp dỡ<br>vật liệu<br>xây dựng                                   | <b>Bến Lức</b> |  |

|                |            |                     |            |                                              |                |  |
|----------------|------------|---------------------|------------|----------------------------------------------|----------------|--|
| 1000/QĐ-UBND   | 31/3/2025  | UBND Huyện Tân Trụ  | 31/3/2026  | Đóng mới, sửa chữa phương tiện               | <b>Bến Lức</b> |  |
| 16275/QĐ-UBND  | 16/12/2024 | UBND huyện Cần Đước | 16/12/2025 | Đóng mới, sửa chữa phương tiện               | <b>Bến Lức</b> |  |
| 3653/QĐ-UBND   | 18/04/2025 | UBND HUYỆN CẦN ĐƯỚC | 18/04/2026 | Xăng dầu                                     | <b>Bến Lức</b> |  |
| 331/QĐ - UBND  | 21/2/2025  | UBND Huyện Tân Trụ  | 21/2/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng                     | <b>Bến Lức</b> |  |
| 4530/UBND - KT | 14/05/2024 | UBND huyện Cần Đước | 14/11/2025 | Bơm cát san lấp phục vụ Dự án KCN Phước Đông | <b>Bến Lức</b> |  |
| 2279/QĐ-UBND   | 24/06/2024 | UBND huyện Đức Huệ  | 25/06/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng                     | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1751/ QĐ-UBND  | 28/2/2025  | UBND Huyện Cần Đước | 28/2/2026  | Xếp dỡ vật liệu xây dựng                     | <b>Bến Lức</b> |  |
| 8229/QĐ-UBND   | 28/08/2024 | UBND huyện Bến lức  | 28/08/2025 | Neo đậu phương tiện                          | <b>Bến Lức</b> |  |
| 10219/QĐ-UBND  | 12/11/2024 | UBND huyện Bến Lức  | 14/11/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng                     | <b>Bến Lức</b> |  |
| 2351/QĐ-UBND   | 17/04/2025 | UBND huyện Bến Lức  | 18/04/2026 | Hàng hóa                                     | <b>Bến Lức</b> |  |
| 11447/QĐ-UBND  | 18/12/2024 | UBND HUYỆN BẾN LỨC  | 20/12/2025 | Hành khách                                   | <b>Bến Lức</b> |  |

|                |            |                         |            |                             |                |  |
|----------------|------------|-------------------------|------------|-----------------------------|----------------|--|
| 10073/QĐ-UBND  | 06/11/2024 | UBND huyện Bến Lức      | 08/11/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 11182/QĐ-UBND  | 10/12/2024 | UBND HUYỆN BẾN LỨC      | 12/12/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5916/QĐ-UBND   | 26/06/2024 | UBND huyện Bến Lức      | 28/06/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 4298/QĐ-UBND   | 09/05/2024 | UBND huyện Bến Lức      | 05/09/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5309/QĐ-UBND   | 24/06/2025 | UBND huyện Bến lức      | 27/06/2026 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 8345/QĐ-UBND   | 09/06/2025 | UBND huyện Cần Giuộc    | 09/06/2026 | Đóng mới, sửa chữa phương   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 8231/UBND-HT   | 30/05/2024 | UBND huyện Đức Hoà      | 28/05/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1626/QĐ-UBND   | 21/03/2025 | UBND Huyện Cần Giuộc    | 21/03/2026 | Đóng mới, sửa chữa phương   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 3199/UBND-KTHT | 24/10/2024 | UBND huyện Gò Công Đông | 04/10/2025 | Bơm bùn nạo vét lên san lấp | <b>Bến Lức</b> |  |
| 5930/QĐ-UBND   | 27/06/2024 | UBND huyện Bến lức      | 27/06/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng    | <b>Bến Lức</b> |  |

|               |            |                         |            |                                                                                        |                |  |
|---------------|------------|-------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--|
| 4901/QĐ-UBND  | 15/07/2024 | UBND huyện Tân Trụ      | 15/07/2025 | Xếp dỡ vật liệu xây dựng                                                               | <b>Bến Lức</b> |  |
| 3426/UBND     | 31/12/2024 | UBNDH Tp Gò Công        | 18/11/2025 | Xăng dầu                                                                               | <b>Bến Lức</b> |  |
| 9978/QĐ-UBND  | 05/11/2024 | UBND huyện Bến lức      | 07/11/2025 | Bốc xếp hàng rời (phục vụ thi công Dự án 1: Xây dựng đường vành đai 3 đoạn qua tp HCM) | <b>Bến Lức</b> |  |
| 2075/QĐ-UBND  | 10/10/2024 | UBND huyện Gò Công Đông | 14/10/2025 | Bơm bùn nạo vét lên san lấp                                                            | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1752/UBND-KT  | 28/2/2025  | UBND huyện Cần Đước     | 28/8/2025  | xếp dỡ VLXD phục vụ công trình chính                                                   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 10911/QĐ-UBND | 04/12/2024 | UBND HUYỆN BẾN LỨC      | 04/12/2025 | đón trả hành khách                                                                     | <b>Bến Lức</b> |  |
| 2421/QĐ-UBND  | 17/12/2024 | UBND huyện Gò Công Đông | 19/12/2025 | Bơm bùn nạo vét lên san lấp                                                            | <b>Bến Lức</b> |  |
| 721/QĐ-UBND   | 22/01/2025 | UBND huyện Cần Đước     | 22/01/2026 | VLXD                                                                                   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 1414/QĐ-UBND  | 12/06/2025 | UBND Thành phố Gò Công  | 12/06/2027 | Bơm bùn nạo vét lên san lấp                                                            | <b>Bến Lức</b> |  |
| 04/UBND-KTHT  | 6/11/2024  | UBND huyện Gò Công Đông | 22/07/2026 | VLXD                                                                                   | <b>Bến Lức</b> |  |
| 03/UBND-KTHT  | 6/11/2024  | UBND huyện Gò Công Đông | 20/09/2026 | VLXD                                                                                   | <b>Bến Lức</b> |  |

|                                            |            |                                              |            |                           |                |  |
|--------------------------------------------|------------|----------------------------------------------|------------|---------------------------|----------------|--|
| 1602/QĐ-<br>UBND                           | 04/08/2025 | UBND<br>Huyện<br>Thanh Hóa                   | 31/8/2025  | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 2970/QĐ-<br>UBND                           | 18/06/2025 | UBND<br>Thanh Hóa                            | 18/06/2026 | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 919; 381/QĐ-<br>SGTVT                      | 02/01/2024 | CV III;<br>SGTVT<br>LA                       | 02/01/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 3018/QĐ-<br>UBND                           | 23/06/2025 | UBND<br>Tân Thạnh                            | 23/06/2026 | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 3012/QĐ-<br>UBND                           | 23/06/2025 | UBND<br>Tân Thạnh                            | 18/06/2026 | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 242/QĐ-<br>UBND                            | 18/3/2025  | UBND<br>Huyện<br>Mộc Hóa                     | 18/3/2026  | Xăng dầu                  | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 501/QĐ-<br>UBND                            | 02/04/2025 | UBND<br>Huyện<br>Thanh Hóa                   | 02/06/2026 | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 917; 190/QĐ-<br>SGTVT;<br>4628/QĐ-<br>UBND | 05/08/2024 | CV III;<br>SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Thanh Hóa | 05/08/2025 | Xăng dầu                  | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 151/QĐ-<br>SGTVT;<br>1244/QĐ-<br>UBND      | 17/06/2024 | CV III;<br>SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Mộc Hóa   | 17/06/2025 | Xăng dầu                  | <b>Mộc Hóa</b> |  |

|                                    |            |                                                 |            |                           |                |  |
|------------------------------------|------------|-------------------------------------------------|------------|---------------------------|----------------|--|
| 354; 293/QĐ-SGTVT;<br>6292/QĐ-UBND | 08/11/2024 | CV III;<br>SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Thủ Thừa     | 09/11/2025 | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1005/QĐ-UBND                       | 03/05/2025 | UBND<br>Huyện<br>Thanh Hóa                      | 03/06/2026 | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 382/QĐ-SGTVT;<br>6440/QĐ-UBND      | 17/10/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Thanh Hóa               | 22/10/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 341/QĐ-SGTVT;<br>7173/QĐ-UBND      | 18/12/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Thủ Thừa                | 18/12/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 774/QĐ-UBND                        | 19/02/2025 | UBND<br>Thanh Hóa                               | 20/02/2026 | Xăng dầu                  | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1261/QĐ-UBND                       | 27/3/2025  | Ủy Ban<br>Nhân Dân<br>Huyện<br>Thủ Thừa         | 27/3/2026  | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 339/QĐ-SGTVT;<br>4498/QĐ-UBND      | 09/10/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Vĩnh Hưng               | 08/10/2025 | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 255/QĐ-SGTVT;<br>1242/QĐ-UBND      | 17/06/2024 | CV III;<br>SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>H.Mộc<br>Hóa | 17/06/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 210/QĐ-SGTVT;<br>3894/QĐ-UBND      | 09/12/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Tân Hưng                | 09/12/2025 | Xăng dầu                  | <b>Mộc Hóa</b> |  |

|                                                        |            |                                            |            |                                                                |                |  |
|--------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------|----------------|--|
| 141/QĐ-SGTVT;<br>1241/QĐ-UBND                          | 17/06/2024 | CV III;<br>SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Mộc Hóa | 17/06/2025 | lương<br>thực,nông<br>sản                                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 836/QĐ-UBND                                            | 13/3/2025  | UBND<br>Thị Xã<br>Kiến                     | 18/9/2025  | VLXD                                                           | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 380/QĐ-SGTVT;<br>5418/QĐ-UBND                          | 29/11/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Vĩnh Hưng          | 29/11/2025 | lương<br>thực,nông<br>sản                                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1129/SGTVT-ATGT;<br>1768/DGTVT-QLKCHT;<br>3979/UBND-KT | 11/11/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Tân Thạnh          | 15/06/2025 | VLXD                                                           | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 245/QĐ-SGTVT;<br>2902/QĐ-UBND                          | 11/10/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Mộc Hóa            | 11/10/2025 | Xăng dầu                                                       | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1653/QĐ-UBND                                           | 28/05/2025 | UBND TP<br>Tân An                          | 28/11/2025 | VLXD                                                           | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 222/2015                                               | 11/09/2015 | CV III;<br>SGTVT<br>LA                     | 11/09/2025 | lương<br>thực,nông<br>sản                                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 181/QĐ-SGTVT;<br>4941/QĐ-UBND                          | 22/07/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Tân Trụ            | 22/07/2025 | chuyên<br>dùng sữa<br>chữa,<br>đóng mới<br>phương<br>tiện thủy | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 319/QĐ-SGTVT;<br>4900/QĐ-UBND                          | 15/07/2024 | CV III;<br>SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Tân Trụ | 15/07/2025 | VLXD                                                           | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 2350/QĐ-UBND                                           | 06/06/2025 | UBND<br>Huyện Tân<br>Trụ                   | 06/06/2026 | lương<br>thực,nông<br>sản                                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |

|                                   |            |                                             |            |                           |                |  |
|-----------------------------------|------------|---------------------------------------------|------------|---------------------------|----------------|--|
| 321/QĐ-SGTVT;<br>5280/QĐ-UBND     | 19/08/2024 | CV III;<br>SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Tân Trụ  | 19/08/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 976/ QĐ-UBND                      | 24/3/2025  | UBND TP<br>Tân An                           | 24/9/2025  | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 831/ QĐ -<br>UBND                 | 19/3/2025  | UBND TP<br>Tân An                           | 30/9/2025  | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 399;<br>388/2021;<br>4726/QĐ-UBND | 07/08/2024 | CV III;<br>SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Thủ Thừa | 08/08/2025 | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1017/ QĐ-UBND                     | 31/3/2025  | UBND TP<br>Tân An                           | 30/9/2025  | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 3378/QĐ-UBND                      | 19/11/2024 | UBND TP<br>Tân An                           | 19/05/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1762/QĐ-UBND                      | 28/05/2025 | UBND<br>Huyện<br>Châu                       | 28/05/2026 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1339/QĐ-UBND                      | 29/04/2025 | UBND TP<br>Tân An                           | 29/10/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 800/QĐ-UBND                       | 14/3/2025  | ỦY Ban<br>Nhân Dân<br>TP Tân An             | 14/9/2025  | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 829/QĐ-UBND                       | 18/3/2025  | UBND TP<br>Tân An                           | 18/9/2025  | Nông sản,<br>VLXD         | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1015/ QĐ-UBND                     | 31/3/2025  | Ủy Ban<br>Nhân Dân<br>TP Tân An             | 30/9/2025  | Nông sản,<br>VLXD         | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1941/QĐ-UBND                      | 28/4/2025  | UBND<br>Huyện<br>Thủ Thừa                   | 28/04/2026 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 786/QĐ-UBND                       | 03/12/2025 | UBND<br>TP Tân An                           | 30/9/2025  | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |

|                               |            |                                         |            |                           |                |  |
|-------------------------------|------------|-----------------------------------------|------------|---------------------------|----------------|--|
| 133/QĐ-SGTVT;<br>6490/QĐ-UBND | 19/11/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Thủ Thừa        | 18/11/2025 | Xăng dầu                  | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 2138/QĐ-UBND                  | 08/05/2025 | UBND H<br>Thanh Hóa                     | 12/05/2026 | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 288/QĐ-SGTVT;<br>1404/QĐ-UBND | 11/07/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Mộc Hóa         | 11/07/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 293/QĐ-SGTVT;<br>3374/QĐ-UBND | 18/12/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Mộc Hóa         | 18/12/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 295/QĐ-SGTVT;<br>2223/QĐ-UBND | 16/07/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Châu            | 16/07/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 284/QĐ-SGTVT;<br>3407/QĐ-UBND | 30/12/2024 | SGTVT<br>LA,<br>UBND<br>Mộc Hóa         | 30/12/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 241/ QĐ -<br>UBND             | 18/3/2025  | UBND<br>Huyện<br>Mộc Hóa                | 18/3/2026  | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1067/QĐ-UBND                  | 19/3/2025  | Ủy Ban<br>Nhân Dân<br>Huyện<br>Thủ Thừa | 17/3/2026  | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 801/ QĐ -<br>UBND             | 14/3/2025  | UBND TP<br>Tân An                       | 14/9/2025  | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 322/QĐ-SGTVT;<br>1243/QĐ-UBND | 17/06/2024 | SGTVT<br>LA;<br>UBND<br>Mộc Hóa         | 17/06/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 606/ QĐ -<br>UBND             | 26/2/2025  | UBND TP<br>Tân An                       | 26/8/2025  | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 349/QĐ-SGTVT                  | 18/01/2024 | SGTVT<br>LA                             | 18/01/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |

|                                          |            |                                           |            |                        |                |  |
|------------------------------------------|------------|-------------------------------------------|------------|------------------------|----------------|--|
| 844/QĐ-UBND                              | 19/3/2025  | Ủy Ban Nhân Dân TP Tân An                 | 19/9/2025  | lương thực,nông sản    | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 155/QĐ-UBND                              | 20/01/2025 | UBND Tân Trụ                              | 20/01/2026 | lương thực,nông sản    | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 815/QĐ-UBND                              | 17/3/2025  | Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Tân An          | 17/9/2025  | VLXD                   | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 589/ QĐ-UBND                             | 25/2/2025  | UBND Thị Xã Kiến                          | 25/2/2026  | Phân bón               | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 817/QĐ - UBND                            | 17/3/2025  | UBND TP Tân An                            | 17/9/2025  | VLXD, Cầu kiện bê tông | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 410/QĐ-SGTVT;<br>3266/QĐ-UBND            | 03/06/2024 | SGTVT LA;<br>UBND H.Thạnh Hóa             | 05/06/2025 | VLXD                   | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 004/QĐ-SGTVT;<br>5795/QĐ-UBND            | 23/09/2024 | SGTVT LA;<br>UBND Thạnh Hóa               | 23/09/2025 | VLXD                   | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 287/QĐ-SGTVT;<br>2230/QĐ-UBND            | 12/08/2024 | SGTVT LA;<br>UBND TP Tân An               | 12/08/2025 | VLXD                   | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 285.CC;<br>259/QĐ-SGTVT;<br>1732/QĐ-UBND | 01/07/2024 | CCĐTNĐP N;<br>SGTVT LA;<br>UBND Tân Thạnh | 01/07/2025 | lương thực,nông sản    | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 825/QĐ - UBND                            | 18/3/2025  | UBND TP Tân An                            | 18/9/2025  | lương thực,nông sản    | <b>Mộc Hóa</b> |  |

|                  |            |                            |            |                           |                |  |
|------------------|------------|----------------------------|------------|---------------------------|----------------|--|
| 997/QĐ -<br>UBND | 14/3/2025  | UBND<br>Huyện<br>Thủ Thừa  | 03/12/2026 | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 2567/UBND-<br>KT | 26/07/2024 | UBND<br>Tân Thạnh          | 10/07/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1239/QĐ-<br>UBND | 16/4/2025  | UBND TP<br>Tân An          | 16/10/2025 | Hàng Hóa                  | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 212/QĐ-<br>UBND  | 17/01/2025 | UBND TP<br>Tân An          | 17/01/2026 | Bến khách                 | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1742/QĐ-<br>UBND | 18/04/2025 | UBND<br>huyện Thủ<br>Thừa  | 18/04/2026 | lương<br>thực,nông<br>sản | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1058/QĐ-<br>UBND | 08/04/2025 | UBND TP<br>Tân An          | 08/10/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1690/QĐ-<br>UBND | 10/04/2025 | UBND<br>huyện<br>Thanh Hóa | 14/04/2026 | Nông sản,<br>VLXD         | <b>Mộc Hóa</b> |  |
| 1287/QĐ-<br>UBND | 23/04/2025 | UBND TP<br>Tân An          | 23/10/2025 | VLXD                      | <b>Mộc Hóa</b> |  |

|               |            |                          |              |                     |          |  |
|---------------|------------|--------------------------|--------------|---------------------|----------|--|
| 1338/QĐ-UBND  | 29/04/2025 | UBND TP Tân An           | 29/10/2025   | VLXD                | Mộc Hóa  |  |
| 1352/QĐ-UBND  | 06/05/2025 | UBND TP Tân An           | ✓ 06/11/2025 | lương thực,nông sản | Mộc Hóa  |  |
| 2885/QĐ-UBND  | 05/06/2025 | UBND TP Huyện Thủ Thừa   | ✓ 05/06/2026 | Xăng dầu            | Mộc Hóa  |  |
| 6160/QĐ-UBND  | 29/11/2024 | UBND Huyện Tân Trụ       | 29/11/2025   | VLXD                | Mộc Hóa  |  |
| 1496/SGTVT    | 15/11/2023 | CV III; Sở GTVT Tây Ninh | 15/11/2025   | Bơm cát lên bãi     | Phú Long |  |
| 12648/QĐ-UBND | 12/10/2024 | UBND huyện Củ Chi        | 31/12/2025   | VLXD                | Phú Long |  |

|                                                                                                                                                                                                           |             |                                           |            |                                                        |                 |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------|-----------------|--|
| 261.CC; 45<br>(CHƯA CÓ<br>GP) (15/9/16-<br>9/10/18);<br>58/2018<br>(31/10/18-<br>31/10/19);45/2<br>020/GPBTNĐ,<br>141/QĐ-<br>SGTVT(20/04/<br>2021-<br>20/04/2023);1<br>590/SGTVT-<br>QLGT<br>(12/05/2023) | 12/05//2023 | CCĐTNĐP<br>N; Sở<br>GTVT<br>Bình<br>Dương | 20/04/2025 | VLXD                                                   | <b>Phú Long</b> |  |
| 1463/UBND-<br>KT                                                                                                                                                                                          | 31/3/2025   | UBND TP<br>Bến Cát                        | 31/3/2026  | Bốc dỡ bê<br>tông đúc<br>sẵn, vật<br>liệu xây<br>dựng. | <b>Phú Long</b> |  |
| 64/UBND                                                                                                                                                                                                   | 16/.1/2.25  | UBND<br>THỊ XÃ<br>TRẢNG<br>BÀNG           | 31/12/2025 | VLXD                                                   | <b>Phú Long</b> |  |
| 12573/QĐ-<br>UBND                                                                                                                                                                                         | 12/05/2024  | UBND<br>huyện Củ<br>Chi                   | 31/12/2025 | Hành<br>khách                                          | <b>Phú Long</b> |  |

|                                      |            |                        |            |            |                 |  |
|--------------------------------------|------------|------------------------|------------|------------|-----------------|--|
| 12575/QĐ-UBND                        | 12/05/2024 | UBND huyện Củ Chi      | 31/12/2025 | Hành khách | <b>Phú Long</b> |  |
| 12574/QĐ-UBND                        | 12/05/2024 | UBND huyện Củ Chi      | 31/12/2025 | VLXD       | <b>Phú Long</b> |  |
| 1434/QĐ-SGTVT(20/12/2023-18/12/2024) | 20/12/2023 | CV III; Sở GTVT Tp.HCM | 18/12/2024 | Hàng Hóa   | <b>Phú Long</b> |  |
| 37/QĐ-SGTVT(31/01/2023)              | 31/01/2023 | Sở GTVT Tây Ninh       | 31/12/2025 | vlxd       | <b>Phú Long</b> |  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |            |                                |            |               |                 |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------|------------|---------------|-----------------|--|
| 813; 57; 73<br>(21/11/16-<br>21/11/17);<br>16/GPBTNĐ/(<br>19/1/18-<br>19/1/19) ;<br>10/GPBTNĐ<br>(28/1/19-<br>28/1/20);45/G<br>PBTNĐ;130/G<br>PBTNĐ(10/6/<br>20-<br>10/9/20);224/<br>GPBTNĐ(17/9<br>/20-16/12/20);<br>316/GPBTNĐ(<br>18/12/20-<br>17/03/21);<br>152/QĐ-<br>SGTVT(24/6/2<br>1-24/6/26);<br>337/QĐ-<br>SGTVT(08/12/<br>2022-<br>24/06/2026) | 12/08/2022 | CV III; Sở<br>GTVT Tây<br>Ninh | 24/06/2026 | VLXD          | <b>Phú Long</b> |  |
| 1608/UBND-<br>KT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 24/04/2025 | UBND TP<br>Thuận An            | 04/10/2025 | VLXD          | <b>Phú Long</b> |  |
| 12576/QĐ-<br>UBND huyện<br>Củ Chi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 12/05/2024 | UBND<br>huyện Củ<br>Chi        | 31/12/2025 | Hành<br>khách | <b>Phú Long</b> |  |

|                                   |            |                               |            |                                                                |                 |  |
|-----------------------------------|------------|-------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------|-----------------|--|
| 12646/QĐ-<br>UBND huyện<br>Củ Chi | 12/10/2024 | UBND<br>huyện Củ<br>Chi       | 09/05/2025 | Phương<br>tiện thủy<br>cấp bến<br>đưa rước<br>khách du<br>lịch | <b>Phú Long</b> |  |
| 12944/QĐ-<br>UBND(27/12/<br>2023) | 24/12/2024 | UBND<br>huyện Củ<br>Chi       | 31/12/2025 | VLXD                                                           | <b>Phú Long</b> |  |
| 4261/UBND-<br>KT (06 tháng)       | 11/11/2024 | UBND<br>Thành Phố<br>Thuận An | 05/11/2025 | Hàng Hóa                                                       | <b>Phú Long</b> |  |
| 5311/QĐ-<br>UBND                  | 12/06/2024 | UBND TP<br>Thủ Dầu<br>Một     | 01/12/2025 | Neo đậu<br>phương<br>tiện, vận<br>chuyển<br>hành<br>khách      | <b>Phú Long</b> |  |

|                                                    |            |                          |            |                                                    |                 |  |
|----------------------------------------------------|------------|--------------------------|------------|----------------------------------------------------|-----------------|--|
| 112089/QĐ-<br>UBND huyện<br>Củ Chi                 | 08/11/2024 | UBND<br>huyện Củ<br>Chi  | 31/03/2026 | Neo đậu<br>phương<br>tiện bơm<br>cát công<br>trình | <b>Phú Long</b> |  |
| 2692/SGTVT-<br>QLGT(01/08/3<br>023-<br>31/07/2024) | 01/08/2023 | Sở GTVT<br>Bình<br>Dương | 31/07/2025 | kinh<br>doanh<br>xăng dầu<br>bằng<br>đường ống     | <b>Phú Long</b> |  |
| 12650/QĐ-<br>UBND                                  | 12/10/2024 | UBND<br>huyện Củ<br>Chi  | 31/12/2025 | VLXD                                               | <b>Phú Long</b> |  |

|                          |            |                        |            |                            |                 |  |
|--------------------------|------------|------------------------|------------|----------------------------|-----------------|--|
| 12649/QĐ-UBND            | 12/10/2024 | UBND huyện Củ Chi      | 31/12/2025 | VLXD                       | <b>Phú Long</b> |  |
| 304/UBND-KT              | 21/01/2025 | UBND TP Thuận An       | 21/01/2026 | bơm cát san lấp công trình | <b>Phú Long</b> |  |
| 4300/QĐ-UBND             | 23/05/2025 | UBND Thị xã Trảng Bàng | 30/06/2026 | VLXD                       | <b>Phú Long</b> |  |
| 1285/UBND-KT             | 20/3/2025  | UBND TP Bến Cát        | 20/4/2026  | Phân bón                   | <b>Phú Long</b> |  |
| 1159/UBND-KT TP Thuận An | 28/3/2025  | UBND-TP Thuận An       | 29/9/2025  | Hành khách nội bộ          | <b>Phú Long</b> |  |
| 12864/QĐ-UBND            | 19/12/2024 | UBND huyện Củ Chi      | 31/12/2025 | VLXD                       | <b>Phú Long</b> |  |

|               |            |                        |            |                                    |                 |  |
|---------------|------------|------------------------|------------|------------------------------------|-----------------|--|
| 12652/QĐ-UBND | 10/12/2024 | UBND huyện Củ Chi      | 31/12/2026 | VLXD                               | <b>Phú Long</b> |  |
| 4348/QĐ_UBND  | 23/05/2025 | UBND THỊ XÃ TRẢNG BÀNG | 25/04/2029 | VLXD                               | <b>Phú Long</b> |  |
| 1289/UBND-KT  | 04/02/2025 | UBND-TP Thuận An       | 02/10/2025 | kinh doanh xăng dầu bằng đường ống | <b>Phú Long</b> |  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |            |                                |            |      |                 |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------|------------|------|-----------------|--|
| 1; 26/2015;<br>26/2016;<br>26/2017<br>(5/5/17-<br>5/5/18);<br>50/GPBTNĐ<br>(11/5/18-<br>11/5/19) ;<br>36/GPBTNĐ<br>(5/4/19-<br>5/4/20);<br>88/GPBTNĐ(2<br>9/04/20-<br>28/07/20);<br>178/GPBTNĐ(<br>29/07/20-<br>28/10/20);278/<br>GPBTNĐ(27/1<br>0/2020-<br>28/01/2021);<br>38/GPBTNĐ(2<br>3/02/2021-<br>22/05/2021);<br>153/QĐ-<br>SGTVT(23/05/<br>2021- | 23/05/2021 | CV III; Sở<br>GTVT Tây<br>Ninh | 23/05/2026 | VLXD | <b>Phú Long</b> |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------|------------|------|-----------------|--|

|                                          |            |                   |            |                                                                                  |                 |  |
|------------------------------------------|------------|-------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--|
| 12647/QĐ-UBND                            | 12/10/2024 | UBND huyện Củ Chi | 31/12/2025 | VLXD                                                                             | <b>Phú Long</b> |  |
| 12151/QĐ-UBND                            | 22/11/2024 | UBND huyện Củ Chi | 31/12/2025 | Phương tiện thủy cập bến tập kết, trung chuyển VLXD phục vụ thi công công trình. | <b>Phú Long</b> |  |
| 371/QĐ-CĐTND<br>(01/05//2023-30/04/2028) | 05/01/2023 | Cục ĐTNĐ Việt Nam | 30/04/2028 | Hàng hóa, Container                                                              | <b>Phú Long</b> |  |
| 1290/QĐ-CĐTND(21/12/21-31/12/2026)       | 21/12/2021 | Cục ĐTNĐ Việt Nam | 31/12/2026 | Hàng hóa                                                                         | <b>Phú Long</b> |  |
| 265/QĐ-CĐTND<br>(14/04/2021-30/04/2026)  | 14/04/2021 | Cục ĐTNĐ Việt Nam | 30/04/2026 | VLXD                                                                             | <b>Phú Long</b> |  |

|               |            |                                 |            |                                         |                 |  |
|---------------|------------|---------------------------------|------------|-----------------------------------------|-----------------|--|
| 322/QĐ-UBND   | 22/01/2025 | UBND TX<br>Trảng<br>Bàng        | 31/12/2025 | Chuyên<br>dùng.<br>Hàng hóa<br>tổng hợp | <b>Phú Long</b> |  |
| 320/UBND      | 28/02/2025 | UBND<br>THỊ XÃ<br>TRẢNG<br>BÀNG | 30/06/2025 | VLXD                                    | <b>Phú Long</b> |  |
| 830/UBND-KTTH | 28/04/2025 | UBND<br>H.GÒ<br>DẦU             | 1/5/2028   | VLXD                                    | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 175/QĐ-SGTVT  | 06/08/2021 | Sở GTVT<br>TN                   | 08/06/2026 | VLXD                                    | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 1130/QĐ-CĐTND | 07/10/2020 | Cục ĐTNĐ                        | 30/10/2025 | Hàng hóa                                | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 174/QĐ-SGTVT  | 06/08/2021 | Sở GTVT<br>TN                   | 08/06/2026 | THAN                                    | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 160/QĐ-SGTVT  | 21/05/2021 | Sở GTVT<br>TN                   | 25/05/2026 | VLXD                                    | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 08/QĐ-SGTVT   | 17/01/2022 | Sở GTVT<br>Tây Ninh             | 17/01/2025 | VLXD                                    | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 41/QĐ-SGTVT   | 31/01/2023 | Sở GTVT<br>TN                   | 31/12/2025 | VLXD                                    | <b>Tây Ninh</b> |  |

|                                           |            |                                     |            |            |                 |  |
|-------------------------------------------|------------|-------------------------------------|------------|------------|-----------------|--|
| 102/QĐ-SGTVT                              | 12/04/2023 | Sở GTVT TN                          | 31/12/2025 | VLXD       | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 07/QĐ-SGTVT                               | 18/01/2024 | Sở GTVT TN                          | 31/12/2025 | VLXD       | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 137/QĐ-SGTVT                              | 15/05/2021 | CV III; Sở GTVT TN                  | 14/12/2026 | Phân bón   | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 1443/QĐ-CĐTND                             | 11/20/2024 | Cục ĐTNĐ                            | 1/9/2030   | Xăng dầu   | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 577/QĐ-CĐTND                              | 06/10/2024 | Cục ĐTNĐ                            | 26/2/2029  | Clinke     | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 771/QĐ-CĐTND                              | 21/07/2020 | Cục ĐTNĐ                            | 30/07/2025 | Hàng hóa   | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 185/QĐ-SGTVT                              | 06/11/2021 | CVIII<br>SGTVT TN                   | 11/6/2026  | VLXD       | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 59/QĐ-SGTVT;<br>1689/SGTVT<br>; 1439/UBND | 1/8/2024   | Sở GTVT TN;<br>UBND<br>H.BẾN<br>CẦU | 31/12/2024 | VLXD       | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 148/QĐ-SGTVT;<br>57/QĐ-SGTVT              | 31/01/2023 | Sở GTVT TN                          | 31/12/2025 | Lương thực | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 163/QĐ-SGTVT                              | 02/06/2021 | SGTVT TN                            | 02/06/2026 | VLXD       | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 58/QĐ-SGTVT                               | 01/31/2021 | SGTVT TN                            | 31/12/2025 | VLXD       | <b>Tây Ninh</b> |  |
| 194/QĐ-SGTVT;<br>43/QĐ-SGTVT              | 01/31/2023 | SGTVT TN                            | 31/12/2025 | Phân bón   | <b>Tây Ninh</b> |  |

|                                |            |                                |            |                                                          |                       |  |
|--------------------------------|------------|--------------------------------|------------|----------------------------------------------------------|-----------------------|--|
| 158/QĐ-SGTVT                   | 24/05/2021 | CV III;<br>SGTVT<br>TN         | 24/05/2026 | VLXD                                                     | <b>Tây Ninh</b>       |  |
| 164/QĐ-SGTVT                   | 06/02/2021 | Sở GTVT<br>TN                  | 02/06/2026 | Tro, vôi                                                 | <b>Tây Ninh</b>       |  |
| 320/QĐ-SGTVT                   | 11/22/2021 | Sở GTVT<br>TN                  | 22/11/2026 | VLXD                                                     | <b>Tây Ninh</b>       |  |
| 46/QĐ-SGTVT;<br>290/QĐ-SGTVT   | 03/07/2023 | Sở GTVT<br>TN                  | 31/12/2025 | VLXD                                                     | <b>Tây Ninh</b>       |  |
| 127/QĐ-SGTVT ;<br>336/QĐ-SGTVT | 08/12/2022 | Sở GTVT<br>TN                  | 10/08/2025 | Xếp dỡ<br>VLXD                                           | <b>Tây Ninh</b>       |  |
| 125/QĐ-SGTVT                   | 04/16/2021 | Sở GTVT<br>TN                  | 10/12/2025 | Xếp dỡ<br>VLXD                                           | <b>Tây Ninh</b>       |  |
| 126/QĐ-SGTVT                   | 04/16/2021 | Sở GTVT<br>TN                  | 16/04/2025 | Xếp dỡ<br>VLXD                                           | <b>Tây Ninh</b>       |  |
| 02/QĐ-SGTVT                    | 11/01/2024 | Sở GTVT<br>TN                  | 31/12/2026 | Xăng dầu                                                 | <b>Tây Ninh</b>       |  |
| 1018/UBND-CN                   | 04/03/2025 | UBND<br>Huyện Cái<br>Bè        | 30/3/2027  | xếp dỡ<br>lương thực                                     | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 1051/QĐ-UBND                   | 28/2/2025  | UBND<br>Huyện<br>Châu<br>Thành | 26/8/2025  | Bến<br>chuyên<br>dùng, sửa<br>chữa đóng<br>mới sà<br>Lan | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 2717/QĐ-UBND                   | 20/11/2024 | Huyện Tân<br>Phước             | 15/11/2026 | Lên<br>xuống củi<br>trầu, hàng<br>nông sản               | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |

|                                      |            |                                   |            |                                                                             |                       |  |
|--------------------------------------|------------|-----------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--|
| 232                                  | 16/03/2022 | SGTVT                             | 31/12/2025 | Bến<br>chuyên<br>dùng,<br>đóng mới<br>và sửa<br>chữa<br>phương<br>tiện thủy | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 351                                  | 24/07/2024 | SGTVT                             | 26/7/2026  | lên<br>xuồng gỗ                                                             | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 324                                  | 30/08/2024 | SGTVT                             | 23/08/2026 | Sửa<br>chữa và<br>đóng mới<br>ghe,<br>xuồng<br>bằng gỗ                      | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 238                                  | 07/03/2024 | SGTVT                             | 23/03/2026 | xếp dỡ<br>lương thực                                                        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 2320                                 | 08/10/2024 | QĐ-<br>UBND<br>huyện Tân<br>Phước | 08/10/2026 | Mua bán<br>Xăng dầu                                                         | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 1961/QĐ-<br>UBND Huyện<br>Châu Thành | 05/06/2025 | UBND<br>Huyện<br>Châu<br>Thành    | 05/06/2026 | xếp dỡ<br>VLXD                                                              | <b>Mỹ Tho</b>         |  |
| 681                                  | 21/12/2023 | SGTVT                             | 21/12/2025 | Xếp dỡ<br>VLXD,<br>xăng dầu;<br>sửa chữa,<br>đóng mới<br>PT thủy            | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 258                                  | 06/06/2024 | SGTVT                             | 06/06/2026 | Kinh<br>doanh<br>xăng dầu                                                   | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 1108/QĐ-<br>UBND                     | 23/05/2024 | UBND<br>Huyện Tân<br>Phước        | 22/05/2026 | Kinh<br>doanh<br>xăng dầu                                                   | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |

|                                            |            |                                         |            |                           |                       |  |
|--------------------------------------------|------------|-----------------------------------------|------------|---------------------------|-----------------------|--|
| 259                                        | 24/06/2024 | SGTVT                                   | 23/06/2025 | Kinh<br>doanh<br>xăng dầu | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 219/QĐ-<br>SGTVT                           | 04/03/2025 | SGTVT                                   | 07/02/2026 | xếp dỡ<br>Xăng dầu        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 639                                        | 08/06/2023 | SGTVT                                   | 30/05/2025 | xếp dỡ<br>Xăng dầu        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 131                                        | 26/12/2023 | SGTVT                                   | 31/12/2025 | xếp dỡ<br>Xăng dầu        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 682                                        | 31/12/2024 | SGTVT                                   | 31/12/2025 | xếp dỡ<br>xăng dầu        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 249                                        | 31/12/2024 | SGTVT                                   | 31/12/2025 | Xếp dỡ<br>xăng dầu        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 487                                        | 31/10/2024 | SGTVT                                   | 28/10/2026 | kinh<br>doanh<br>Xăng dầu | <b>Mỹ Tho</b>         |  |
| 497                                        | 17/02/2025 | SGTVT                                   | 12/08/2025 | Kinh<br>doanh<br>Xăng dầu | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 468/UBND-<br>KTKT&ĐT<br>huyện Tân<br>Phước | 25/3/2025  | UBND-<br>KTKT&Đ<br>T huyện<br>Tân Phước | 19/3/2027  | Xếp dỡ<br>Xăng dầu        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 1221                                       | 18/05/2015 | SGTVT                                   | 15/10/2043 | Xăng dầu                  | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |

|                       |            |                               |            |                                  |                       |  |
|-----------------------|------------|-------------------------------|------------|----------------------------------|-----------------------|--|
| 1592                  | 18/06/2015 | SGTVT                         | 20/10/2043 | Vật tư<br>nông<br>nghiệp         | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 341                   | 20/07/2022 | SGTVT                         | 20/07/2024 | mua bán<br>VLXD,<br>Xăng dầu     | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 542/QĐ-<br>SGTVT      | 20/02/2025 | SGTVT                         | 12/08/2025 | Xếp dỡ<br>lương thực             | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 938/UBND-<br>TH       | 28/2/2025  | UBND<br>Huyện<br>Châu         | 26/8/2025  | Sửa chữa,<br>đóng mới<br>sà lan  | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 466/UBND-<br>KT,HT&ĐT | 25/3/2025  | UBND<br>Huyện Tân<br>Phước    | 20/3/2027  | Xếp dỡ<br>VLXD                   | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 1636/UBND-<br>TH      | 16/4/2025  | UBND<br>Huện<br>Châu<br>Thành | 17/10/2025 | xếp dỡ<br>hàng thủy<br>sản       | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 334                   | 18/07/2024 | SGTVT                         | 18/07/2026 | xếp dỡ<br>hàng thủy<br>sản       | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 515                   | 25/12/2024 | SGTVT                         | 11/01/2027 | Xếp dỡ<br>lương thực             | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 2079/QĐ-<br>UBND      | 30/08/2024 | Huyện Tân<br>Phước            | 23/08/2026 | Kinh<br>doanh<br>VLXD            | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 2080/QĐ-<br>UBND      | 30/08/2024 | Huyện Tân<br>Phước            | 23/08/2026 | Kinh<br>doanh<br>VLXD            | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 2081/QĐ-<br>UBND      | 30/08/2024 | Huyện Tân<br>Phước            | 21/08/2026 | Kinh<br>doanh<br>VLXD            | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 421                   | 09/10/2024 | SGTVT                         | 12/10/2026 | xếp dỡ<br>lương thực             | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 132                   | 15/12/2023 | SGTVT                         | 31/12/2025 | Lên<br>xuống<br>hàng thủy<br>sản | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |

|              |            |                      |            |                               |                   |  |
|--------------|------------|----------------------|------------|-------------------------------|-------------------|--|
| 1403/UBND-CN | 09/05/2025 | UBND Huyện Cái Bè    | 23/05/2027 | Xếp dỡ lương thực             | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 1639/UBND-TH | 16/04/2025 | UBND H Châu Thành    | 18/4/2025  | Sửa chữa, đóng mới sà lan     | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 330/QĐ-SGTVT | 17/02/2025 | SGTVT                | 15/05/2025 | trung chuyển, Xếp dỡ hàng hóa | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 68           | 05/12/2023 | SGTVT                | 2/11/2025  | xếp dỡ nước mắm               | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 375          | 16/09/2024 | SGTVT                | 15/9/2025  | Xếp dỡ nước mắm và thủy sản   | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 86           | 05/12/2023 | SGTVT                | 18/11/2025 | sửa chữa và đóng mới xà lan   | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 422          | 30/09/2024 | SGTVT                | 12/10/2026 | Xăng dầu                      | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 492/QĐ-SGTVT | 17/02/2025 | SGTVT                | 12/08/2025 | VLXD                          | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 491/QĐ_SGTVT | 20/02/2025 | SGTVT                | 12/08/2025 | VLXD                          | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 493/QĐ-SGTVT | 17/02/2025 | SGTVT                | 12/08/2025 | Lên xuống VLXD                | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 658/QĐ-UBND  | 25/3/2025  | UBND huyện Tân Phước | 20/3/2027  | xếp dỡ VLXD + Xăng dầu        | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 1593         | 18/06/2015 | SGTVT                | 15/10/2043 | Lương thực                    | <b>Tiền Giang</b> |  |

|              |            |                       |            |                                           |                   |  |
|--------------|------------|-----------------------|------------|-------------------------------------------|-------------------|--|
| 2610/UBND-CN | 16/09/2024 | huyện Cái Bè          | 09/09/2025 | xếp dỡ lương thực                         | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 227          | 27/02/2024 | SGTVT                 | 27/02/2026 | Xếp dỡ lương thực                         | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 1777/UBND-TH | 24/04/2025 | UBND Huyện Châu Thành | 31/10/2025 | Neo đậu phươg tiện, xếp dỡ lúa gạo        | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 326          | 18/07/2024 | SGTVT                 | 20/07/2026 | Kinh doanh lương thực                     | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 478/QĐ-SGTVT | 31/12/2024 | SGTVT                 | 31/12/2025 | Lê xuống lương thực                       | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 154          | 04/01/2024 | SGTVT                 | 18/01/2026 | Xăng dầu                                  | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 514          | 24/01/2025 | SGTVT                 | 11/01/2026 | Neo đậu phươg tiện lên xuống bê tông      | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 121          | 24/01/2025 | SGTVT                 | 11/01/2026 | Neo đậu phươg tiện, lên xuống cọc bê tông | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 6338/QĐ-UBND | 17/10/2024 | huyện Châu Thành      | 17/04/2025 | xếp dỡ lương thực                         | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 331          | 06/08/2024 | SGTVT                 | 06/08/2025 | Xếp dỡ đường                              | <b>Mỹ Tho</b>     |  |
| 104          | 20/12/2023 | SGTVT                 | 20/12/2025 | Xếp dỡ lương thực                         | <b>Tiền Giang</b> |  |

|      |            |                                |            |                                                    |                       |  |
|------|------------|--------------------------------|------------|----------------------------------------------------|-----------------------|--|
| 19   | 08/05/2023 | SGTVT                          | 07/05/2025 | Neo đậu<br>phương<br>tiện lên<br>xuống<br>hàng hoá | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 429  | 09/10/2024 | SGTVT                          | 25/10/2026 | xếp dỡ<br>lương thực                               | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 467  | 28/11/2024 | SGTVT                          | 15/12/2026 | xếp dỡ<br>lương thực                               | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 151  | 17/01/2022 | SGTVT                          | 30/06/2025 | lương thực                                         | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 4193 | 19/04/2024 | QĐ-<br>UBND<br>huyện Cái<br>Bè | 17/4/2026  | Xếp dỡ<br>lương thực                               | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 427  | 22/01/2025 | UBND<br>Chợ Gạo                | 22/01/2027 | xếp dỡ<br>Xăng dầu                                 | <b>Mỹ Tho</b>         |  |
| 315  | 18/07/2024 | SGTVT                          | 03/07/2025 | kinh<br>doanh<br>lương thực                        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 469  | 25/12/2024 | SGTVT                          | 28/12/2026 | Xếp dỡ<br>nông sản,<br>thủy sản                    | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 299  | 03/07/2024 | SGTVT                          | 17/06/2026 | Kinh<br>doanh<br>nước mắm                          | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 57   | 07/07/2023 | SGTVT                          | 05/07/2025 | Xếp dỡ<br>thủy sản                                 | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |

|                  |            |                                        |            |                             |                       |  |
|------------------|------------|----------------------------------------|------------|-----------------------------|-----------------------|--|
| 625              | 08/05/2023 | SGTVT                                  | 08/05/2025 | bốc dỡ<br>thủy sản          | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 387              | 19/11/2024 | SGTVT                                  | 15/11/2026 | Kinh<br>doanh phé<br>liệu   | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 48               | 29/05/2023 | SGTVT                                  | 29/05/2025 | Kinh<br>doanh<br>lương thực | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 580/QĐ-<br>SGTVT | 10/02/2025 | SGTVT                                  | 06/03/2027 | Lương<br>thực               | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 201              | 30/01/2024 | SGTVT                                  | 15/2/2026  | Xếp dỡ<br>lương thực        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 42               | 30/01/2024 | UBND<br>huyện Chợ<br>Gạo-Tiền<br>Giang | 15/02/2026 | xếp dỡ<br>xăng dầu          | <b>Mỹ Tho</b>         |  |
| 33               | 05/06/2023 | SGTVT                                  | 05/06/2025 | Xếp dỡ<br>lương thực        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 1575             | 16/06/2015 | SGTVT                                  | 30/10/2060 | Xếp dỡ<br>lương thực        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 635              | 23/05/2023 | SGTVT                                  | 23/05/2025 | lương thực                  | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 1245/UBND-<br>CN | 25/04/2025 | UBND<br>Huyện Cái<br>Bè                | 23/05/2027 | Xếp dỡ<br>lương thực        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |

|                   |             |                           |            |                                                  |                   |  |
|-------------------|-------------|---------------------------|------------|--------------------------------------------------|-------------------|--|
| 650/QĐ-SGTVT      | 07/07/2023  | Sở GTVT tỉnh Tiền Giang   | 04/07/2025 | Bến chuyên dùng, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 765UBND-KTHT&ĐT   | 06/05/2025  | UBND H Tân Phước          | 6/5/2027   | xếp dỡ nguyên liệu, than ùn, vôi,...             | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 122               | 25/12/2024  | SGTVT                     | 25/12/2025 | Xếp dỡ lương thực                                | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 285               | 02/08/2024  | SGTVT                     | 30/06/2026 | Neo đậu PT lên xuống khách du lịch               | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 3857/QĐ-UBND      | 23/12/2024  | SGTVT                     | 06/06/2025 | Xếp dỡ lương thực                                | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 410               | 112/23/2024 | huyện Châu Thành, Long An | 06/06/2025 | Xếp dỡ xăng dầu                                  | <b>Mỹ Tho</b>     |  |
| 2660/UBND-CN      | 19/9/2024   | UBND Huyện Cái Bè         | 27/9/2026  | xếp dỡ lương thực                                | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 467/UBND-KT,HT&ĐT | 25/3/2025   | UBND Huyện Tân PHƯỚC      | 20/3/2027  | xếp dỡ VLXD                                      | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 333               | 17/07/2024  | SGTVT                     | 13/07/2026 | Xếp dỡ lương thực                                | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 333/QĐ-SGTVT      | 17/07/2024  | Sở GTVT tỉnh Tiền Giang   | 13/07/2026 | Kinh doanh tấm, cám                              | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 6/QĐ-SGTVT        | 21/04/2023  | Sở GTVT tỉnh Tiền Giang   | 21/04/2025 | Lên xuống phân bón                               | <b>Tiền Giang</b> |  |

|                                          |                                       |                       |                |                                           |                   |  |
|------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|----------------|-------------------------------------------|-------------------|--|
| 2659/UBND-CN                             | 19/9/2024                             | UBND Huyện Cái Bè     | 21/9/2026      | xếp dỡ lương thực                         | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 133                                      | 14/12/2023                            | SGTVT                 | 31/12/2025     | Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy     | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 332                                      | 06/08/2024                            | SGTVT                 | 6/8/2025       | Neo đậu phương tiện đón trả khách du lịch | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 6453/QĐ-UBND                             | 06/08/2024                            | SGTVT                 | 6/8/2025       | Kinh doanh VLXD                           | <b>Mỹ Tho</b>     |  |
| 6453/QĐ-UBND                             | 16/11/2024                            | UBND huyện Châu       | 16/05/2025     | xếp dỡ trấu                               | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 471                                      | 24/12/2024                            | SGTVT                 | 19/06/2025     | xếp dỡ tấm, cám.....                      | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 374                                      | 26/08/2024                            | SGTVT                 | 14/08/2026     | kinh doanh VLXD                           | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 195                                      | 04/01/2024                            | SGTVT                 | 27/01/2026     | xếp dỡ lương thực                         | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 427                                      | 22/01/2025                            | SGTVT                 | 22/01/2027     | xếp dỡ nguyên liệu thủy sản               | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 44/QĐ-PCHH;<br>100/QĐ-CHHV<br>68/QĐ-CHHV | 23/01/1995;<br>30/01/2024<br>2/2/2007 | Cục Hàng Hải Việt Nam | Không thời hạn | Tổng Hợp - hàng lỏng                      | <b>Mỹ Tho</b>     |  |
| 1613                                     | 19/07/2024                            | UBND Chợ Gạo          | 12/07/2025     | xếp dỡ xăng dầu                           | <b>Mỹ Tho</b>     |  |

|              |            |                               |            |                                          |                       |  |
|--------------|------------|-------------------------------|------------|------------------------------------------|-----------------------|--|
| 59           | 28/09/2023 | QĐ-UBND                       | 29/9/2025  | Kinh doanh<br>Xăng dầu                   | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 484          | 12/02/2025 | SGTVT                         | 08/07/2025 | Xếp dỡ<br>xăng dầu                       | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 4194         | 19/04/2024 | SGTVT                         | 17/04/2026 | Kinh doanh<br>xăng dầu                   | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 4194/QĐ-UBND | 19/4/2024  | UBND<br>Huyện Cái Bè          | 17/4/2026  | xếp dỡ<br>lương thực                     | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 480          | 02/01/2025 | SGTVT                         | 02/01/2026 | Sửa chữa,<br>đóng mới<br>sà lan          | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 274          | 14/06/2024 | SGTVT                         | 15/05/2026 | lên xuống<br>lương<br>thực &<br>xăng dầu | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 511          | 25/12/2024 | SGTVT                         | 10/1/2027  | Xếp dỡ<br>thủy hải<br>sản                | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 147          | 05/01/2024 | SGTVT                         | 06/01/2026 | xếp dỡ<br>lương thực                     | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 510          | 25/12/2024 | SGTVT                         | 10/1/2027  | xếp dỡ<br>lương thực                     | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 512          | 25/12/2024 | SGTVT                         | 10/1/2027  | xếp dỡ<br>lương thực                     | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 512/QĐ-SGTVT | 25/12/2024 | Sở GTVT<br>tỉnh Tiền<br>Giang | 10/01/2027 | xếp dỡ<br>lương thực                     | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |

|              |            |                       |            |                     |                   |  |
|--------------|------------|-----------------------|------------|---------------------|-------------------|--|
| 1641/UBND-TH | 16/04/2025 | UBND huyện Châu Thành | 17/10/2025 | Xếp thủy hải sản... | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 403          | 19/09/2024 | SGTVT                 | 21/09/2026 | Kinh doanh VLXD     | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 348          | 01/08/2024 | SGTVT                 | 22/07/2026 | kinh doanh VLXD     | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 1267         | 20/05/2015 | SGTVT                 | 01/01/2046 | VLXD                | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 1267/GPBTN Đ | 20/5/2015  | SGTVT                 | 01/01/2046 | VLXD                | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 120          | 15/12/2023 | SGTVT                 | 20/12/2025 | Xếp dỡ VLXD         | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 369          | 24/07/2024 | SGTVT                 | 4/8/2026   | xếp dỡ VLXD         | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 2010/UBND-CN | 24/7/2024  | UBND Huyện Cái Bè     | 08/04/2026 | Kinh doanh VLXD     | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 482          | 19/12/2024 | SGTVT                 | 18/12/2025 | Xếp dỡ VLXD         | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 504/QĐ-SGTVT | 19/03/2025 | SGTVT                 | 11/3/2027  | Xếp dỡ VLXD         | <b>Mỹ Tho</b>     |  |
| 310          | 06/09/2024 | SGTVT                 | 06/09/2026 | Xếp dỡ VLXD         | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 513          | 08/01/2025 | SGTVT                 | 11/01/2027 | Kinh doanh VLXD     | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 817          | 20/08/2024 | SGTVT                 | 19/08/2026 | Xếp dỡ VLXD         | <b>Mỹ Tho</b>     |  |

|                |            |                           |            |                                       |                   |  |
|----------------|------------|---------------------------|------------|---------------------------------------|-------------------|--|
| 2710/QĐ-UBND   | 20/11/2024 | QĐ-UBND huyện Gò Công Tây | 15/11/2026 | Kinh doanh VLXD - Kinh doanh xăng dầu | <b>Mỹ Tho</b>     |  |
| 327            | 30/08/2024 | huyện Tân Phước           | 23/8/2026  | kinh doanh VLXD                       | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 118            | 15/12/2023 | SGTVT                     | 20/12/2025 | Xếp dỡ VLXD                           | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 547/QĐ-SGTVT   | 12/02/2025 | SGTVT                     | 08/08/2025 | Kinh doanh VLXD                       | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 547/QĐ-SGTVT   | 12/02/2025 | Sở GTVT tỉnh Tiền Giang   | 08/08/2025 | Xếp dỡ VLXD                           | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 2443/UBND – TH | 24/07/2024 | UBND Huyện Châu Thành     | 1/8/2026   | Xếp dỡ VLXD                           | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 670/QĐ-SGTVT   | 13/09/2023 | Sở GTVT tỉnh Tiền Giang   | 15/04/2025 | Xếp dỡ VLXD                           | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 350            | 24/07/2024 | SGTVT                     | 26/07/2026 | kinh doanh VLXD                       | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 6668/QĐ-UBND   | 06/12/2024 | SGTVT                     | 29/11/2026 | Kinh doanh VLXD                       | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 363            | 13/08/2024 | huyện Chợ Gạo             | 06/08/2026 | Xếp dỡ VLXD                           | <b>Mỹ Tho</b>     |  |
| 354            | 13/08/2024 | SGTVT                     | 06/08/2026 | Kinh doanh VLXD                       | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 4630           | 23/05/2024 | SGTVT                     | 17/05/2026 | kinh doanh VLXD                       | <b>Tiền Giang</b> |  |

|                       |            |                                      |            |                       |                       |  |
|-----------------------|------------|--------------------------------------|------------|-----------------------|-----------------------|--|
| 4630/QĐ -<br>UBND     | 23/5/2024  | QĐ-<br>UBND(huy<br>ện Cái Bè-<br>TG) | 17/5/2026  | xếp dỡ<br>VLXD        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 462/ UBND-<br>KTHT&Đt | 25/3/2025  | UBND<br>Huyện Tân<br>Phước           | 19/3/2027  | Xếp dỡ<br>VLXD        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 463/UBND-<br>KTHT&ĐT  | 25/03/2025 | UBND<br>Huyện Tân<br>Phước           | 19/03/2027 | Xếp dỡ<br>VLXD        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 24/QĐ-<br>SGTVT       | 12/05/2023 | Sở GTVT<br>tỉnh Tiền<br>Giang        | 12/05/2025 | VLXD                  | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 678                   | 12/12/2023 | SGTVT                                | 12/12/2025 | Xếp dỡ<br>VLXD        | <b>Mỹ Tho</b>         |  |
| 359                   | 21/08/2024 | SGTVT                                | 31/08/2025 | xếp dỡ<br>VLXD        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 518                   | 16/01/2025 | SGTVT                                | 16/01/2026 | Kinh<br>doanh<br>VLXD | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 47                    | 16/06/2023 | SGTVT                                | 18/06/2025 | Xếp dỡ<br>VLXD        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 1824/UBND-<br>CN      | 18/06/2025 | UBND-CN                              | 18/06/2027 | xếp dỡ<br>VLXD        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 1826/UBND-<br>Cn      | 18/06/2025 | UBND<br>Huyện Cái<br>Bè              | 21/06/2027 | xếp dỡ<br>VLXD        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 4631                  | 23/05/2024 | SGTVT                                | 17/05/2026 | Xếp dỡ<br>VLXD        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 815                   | 25/08/2024 | QĐ-<br>UBND<br>huyện Cái<br>Bè       | 24/8/2026  | Xếp dỡ<br>VLXD        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |

|                      |            |                                     |            |                           |                       |  |
|----------------------|------------|-------------------------------------|------------|---------------------------|-----------------------|--|
| 31                   | 25/08/2024 | UBND-<br>CN huyện<br>Gò Công<br>Tây | 24/08/2026 | kinh<br>doanh<br>VLXD     | <b>Mỹ Tho</b>         |  |
| 401                  | 24/09/2024 | SGTVT                               | 21/9/2026  | Xếp dỡ<br>VLXD            | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 579QĐ-<br>SGTVT      | 04/03/2025 | SGTVT                               | 26/08/2025 | Xếp dỡ<br>lương thực      | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 1010/UBND-<br>TH     | 03/04/2025 | UBND<br>Huyện<br>Châu               | 26/8/2025  | Xếp dỡ<br>xăng dầu        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 576/UBND-<br>KTHT&ĐT | 04/09/2025 | UBND<br>Huyện Tân<br>Phước          | 28/3/2027  | Xếp dỡ<br>Xăng dầu        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 555                  | 09/02/2023 | SGTVT                               | 07/08/2025 | kinh<br>doanh<br>Xăng dầu | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 1869/QĐ-<br>UBND     | 04/04/2025 | UBND<br>Huện<br>Châu<br>Thành       | 04/10/2025 | Xếp dỡ<br>dầu Xăng<br>dầu | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 358                  | 06/09/2024 | SGTVT                               | 06/09/2026 | xếp dỡ<br>xăng dầu        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 466                  | 16/12/2024 | SGTVT                               | 15/12/2026 | Kinh<br>doang<br>xăng dầu | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 111                  | 04/12/2024 | SGTVT                               | 30/11/2025 | Xếp dỡ<br>Xăng dầu        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 2943/UBND            | 04/12/2024 | UBND Tp<br>Gò Công                  | 30/11/2025 | Xếp dỡ<br>Xăng dầu        | <b>Mỹ Tho</b>         |  |
| 205/SGTVT-<br>KC     | 23/1/2024  | SGTVT                               | 24/1/2026  | xếp dỡ<br>Xăng dầu        | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |

|              |            |                       |            |                                                        |                   |  |
|--------------|------------|-----------------------|------------|--------------------------------------------------------|-------------------|--|
| 1735/QĐ-UBND | 17/06/2025 | UBND Huyện Tân Phước  | 10/06/2027 | Xếp dỡ xăng dầu                                        | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 296          | 11/06/2024 | SGTVT                 | 17/6/2026  | Kinh doanh XD; đóng mới và sửa chữa PT thủy            | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 1780/UBND-TH | 06/11/2024 | UBND Huyện Châu Thành | 17/6/2026  | Xếp dỡ xăng dầu                                        | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 455          | 21/07/2023 | SGTVT                 | 21/07/2025 | Xếp dỡ xăng dầu                                        | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 417          | 24/09/2024 | SGTVT                 | 23/09/2025 | Xếp dỡ xi măng                                         | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 2924/QĐ-UBND | 13/12/2024 | SGTVT                 | 20/11/2026 | kinh doanh VLXD                                        | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 56           | 12/07/2023 | Huyện Tân Phước       | 12/07/2025 | Sửa chữa, đóng mới sà lan                              | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 329          | 18/07/2024 | SGTVT                 | 03/07/2026 | Sửa chữa và đóng mới xà lan                            | <b>Tiền Giang</b> |  |
| 409          | 06/12/2024 | SGTVT                 | 03/06/2025 | Bến chuyên dùng, đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy | <b>Tiền Giang</b> |  |

|      |            |          |            |                                   |                       |  |
|------|------------|----------|------------|-----------------------------------|-----------------------|--|
| 1047 | 21/09/2020 | SGTVT    | 30/09/2025 | Sửa chữa<br>và đóng<br>mới sà lan | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
| 1047 | 21/09/2020 | Cục ĐTNĐ | 30/09/2025 | Hàng hóa                          | <b>Tiền<br/>Giang</b> |  |
|      |            |          |            |                                   |                       |  |



















